

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận

ISSN 1145-9557 - Số 197 - Năm thứ 18, tháng 11.2005

NGUY CƠ TỤT HẬU NGÀY CÀNG LỚN

Chính quyền Việt Nam cho biết cuộc hiệp thương với Mỹ về vấn đề gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) đã đình chỉ sau khi bị bế tắc. Điều này có nghĩa là, trừ một phép mầu vào giờ chót, Việt Nam sẽ không được chấp nhận vào WTO trong tháng 12 sắp tới và vấn đề Việt Nam gia nhập WTO sẽ chỉ có thể được đặt lại trong hai năm nữa, vào tháng 12-2007.

Hà Nội giải thích rằng hiệp thương với Mỹ đã thất bại vì phía Mỹ đã đặt ra những điều kiện mới trong khi phía Mỹ nói rằng họ chỉ yêu cầu chính quyền cộng sản Việt Nam thực hiện những gì đã thỏa thuận. Sự nguy hiểm của chính quyền Hà Nội rất rõ rệt vì họ không thể nói những điều kiện mới là những điều kiện nào. Vả lại, trong những trao đổi riêng, giới chức cộng sản Việt Nam không giấu giếm rằng lý do chỉ đơn giản là họ chưa sẵn sàng, vì chưa đủ chuẩn bị, để gia nhập WTO.

Nhưng đến bao giờ mới sẵn sàng ? Việt Nam đã nộp đơn xin gia nhập WTO từ 1995, nghĩa là hơn 10 năm nay, và đã bắt đầu hiệp thương chính thức để gia nhập từ đầu năm 2002, tức đã gần bốn năm. Nếu mười năm vẫn chưa chuẩn bị xong thì có gì bảo đảm là hai năm nữa sẽ xong ? Cuộc thương thuyết với Hoa Kỳ trong tương lai sẽ còn khó khăn hơn vì Hoa Kỳ đã bức bối vì thái độ nguy hiểm gian trá của Hà Nội. Và cũng rất có thể sẽ có những điều kiện thực sự mới, bởi vì thế giới thay đổi nhanh chóng và những thỏa ước về thương mại cũng phải thay đổi theo. Vả lại không một quốc gia nào đủ chuẩn bị để gia nhập WTO cả. Gia nhập WTO bao giờ cũng là một bước nhảy mạo hiểm nhưng bắt buộc vào một tương lai đầy thử thách.

Hậu quả của việc Việt Nam không gia nhập WTO sẽ như thế nào ? Trước hết là nguy cơ gia tăng đàn áp. Việc chuẩn bị gia nhập WTO phần nào đã

khiến Đảng Cộng Sản Việt Nam nổi tay hơn với đối lập dân chủ. Những vụ bắt giam, cắt điện thoại, cắt Internet, tịch thu máy vi tính, cấm đoán thăm viếng và di chuyển đã giảm đi trong thời gian qua có thể sẽ lại trở thành thường xuyên trong thời gian tới, hay sau đại hội 10 của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Những biện pháp này sẽ chỉ làm chậm bước tiến của đất nước về tương lai chứ không giúp đảng cộng sản duy trì chế độ độc tài đảng trị, bởi vì xã hội dân sự Việt Nam đã đủ sức để dần dần tự cởi trói. Tiến trình dân chủ hóa không thể đảo ngược. Tại sao đảng cộng sản không ý thức được thực tế hiển nhiên là mặc dù rất ngoan cố và thô bạo họ đã liên tục phải xuống thang trong chính sách đàn áp ?

Tai hại không kém là hậu quả đối với chỗ đứng của đất nước trên thế giới. Việt Nam đã rất tụt hậu và đang có nguy cơ tụt hậu bị đát hơn thế nữa. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế 7,5% không được làm ta quên rằng Việt Nam đã tụt hậu nhanh chóng về mặt kỹ thuật trong những năm qua. Chúng ta chỉ xuất khẩu dầu thô, lúa gạo, nông phẩm, quần áo và giày dép gia công v.v., nghĩa là những mặt hàng thấp về kỹ năng chứ không hề có tiến bộ về mặt kỹ thuật khoa học. Một thí dụ : kỹ nghệ tin học có lúc được coi là một hy vọng của Việt Nam giờ đây không còn được nhắc tới nữa. Phải rất cảnh giác : chúng ta ngày càng thua kém.

Trước thềm của đại hội 10, qua những tài liệu của đảng cộng sản cũng như những phát biểu của cấp lãnh đạo, chúng ta thấy rõ là đảng cộng sản không có giải đáp cho những vấn đề lớn của đất nước và cũng không có luôn cả những người lãnh đạo đủ khả năng để ngăn chặn sự phân hóa ngày càng nhanh trong đảng. Đảng cộng sản bế tắc và giữ đất nước trong sự bế tắc. Tất cả vấn đề là họ sẽ còn khống chế đất nước bao lâu nữa và sẽ còn gây ra bao nhiêu thiệt hại ? Câu trả lời tùy thuộc nhân dân Việt Nam, trước hết là những người dân chủ.

Thông Luận

NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI LỚN TẠI TRUNG QUỐC

Sau hơn 25 năm mở cửa đón nhận đầu tư nước ngoài, Trung Quốc đã gặt hái được nhiều thành quả đáng kể : tỷ lệ tăng trưởng cao, lợi tức đầu người tăng , đời sống tại các thành phố lớn bắt kịp nếp sống tại các quốc gia giàu có. Nhưng bên cạnh sự phát triển tốt bậc đó, Trung Quốc có bốn vấn đề xã hội nghiêm trọng cần được giải quyết sớm, nếu không sẽ dẫn đến xáo trộn và bạo loạn, có thể làm tan rã các giềng mối xã hội và ngay cả quốc gia.

1. Cách biệt giữa thành thị và nông thôn tăng gấp ba lần

Nếu có dịp đi ngang Thượng Hải, Bắc Kinh hay Quảng Đông, sau đó đi sâu vào các tỉnh lục địa người ta sẽ thấy sự chênh lệch giàu nghèo và mức sống giữa nông thôn và thành thị sâu rộng đến chừng nào. Những tòa nhà chọc trời, lộng lẫy trái ngược với những căn nhà ọp ẹp, tối tăm và thiếu đủ mọi tiện nghi. Những con đường tráng nhựa rộng thênh thang, có nhiều làn phân chia cho xe chạy và tràn đầy ánh sáng về đêm không che giấu những con đường sinh lầy và chật hẹp tại những vùng nông thôn nghèo khó. Lợi tức đầu người tại các đô thị Trung Quốc khoảng 1.200 USD/năm trong khi lợi tức đầu người tại nông thôn chưa tới 400 USD/năm. Thêm vào đó là sự coi thường và bóc lột dân quê một cách công khai dẫn đến nhiều cuộc xung đột đẫm máu. Những nông dân bị mất đất, bởi chính sách mua bán bất động sản một cách tùy tiện của các quan chức chính quyền địa phương, đã cùng nhau làm kháng nghị và nổi lên chống lại những bất công này. Từ 1994 đến nay, mỗi năm có khoảng 10.000 vụ xung đột giữa nông dân và chính quyền, riêng năm 2004 đã có hơn 74.000 vụ với sự tham gia của 3,7 triệu người. Trong 6 tháng đầu năm 2005 đã có 130 vụ bạo động ở nông thôn gây tiếng vang lớn, nổi tiếng nhất là các vụ Trung Sơn, tỉnh Quảng Đông, hồi tháng 6-2005 vừa qua : hơn 10.000 nông dân đã chống trả trong nhiều ngày những đợt tấn công của công an đến giải tán, nhiều người đã bị thiệt mạng ; vụ Trì Châu, tỉnh An Huy tháng 6-2005 : hơn 10.000 nông dân đã nổi dậy bắt giữ và đốt xe cảnh sát ; vụ Đình Châu, tỉnh Hà Bắc, làm 50 người chết và gần 300 người bị thương ; vụ Tru Dương, tỉnh Triều Nam, làm hai người thiệt mạng.

2. Những cuộc đình công đòi quyền lợi của công nhân ngày càng leo thang

Sở dĩ giá thành hàng hóa của Trung Quốc rẻ hơn các quốc gia khác là nhờ giá nhân công rẻ ; lương trung bình của một công nhân khoảng từ 100 đến 150 USD/tháng (khá cao đối với người trong nước). Điều kiện làm việc của công nhân rất là khắc khe : trung bình từ 10 đến 12 giờ mỗi ngày, có nơi làm việc 7 ngày mỗi tuần, mỗi năm chỉ được nghỉ vài ngày để về nhà ăn Tết, ăn uống tại chỗ, mỗi phòng ngủ chứa từ 4 đến 10 người. Sự bóc lột quá đáng của giới chủ nhân đã dẫn tới nhiều vụ đình công, xuống đường

của công nhân để phản đối. Năm 2004 đã có 260.000 cuộc đình công đòi quyền lợi hay tranh chấp với giới chủ nhân, tăng 15% so với năm trước, nhiều nhất là tại các mỏ than. Phần lớn thợ mỏ là nông dân nên tay nghề rất yếu, bù lại họ chịu khó làm việc bất kể giờ giấc để có tiền nuôi gia đình. Nhưng điều kiện an toàn tại các mỏ than rất là yếu kém, mỗi năm có trên 6.000 người chết vì tai nạn (con số thực tế khoảng 20.000 người vì rất nhiều nơi không báo cáo số người chết khi có tai nạn), số tiền bồi thường cho gia đình rất thấp, không đủ sống nên đã xảy ra nhiều vụ biểu tình đòi tăng tiền bồi thường khi bị tai nạn hay đòi mở thêm mỏ than mới để được làm việc.

3. Cựu quân nhân về hưu bất mãn trước nạn tham nhũng

Trước cuộc sống khó khăn, nhiều cựu quân nhân cấp sĩ quan đã biểu tình trước các ủy ban quân sự trung ương và địa phương để đòi tăng phụ cấp hưu bổng. Tuổi về hưu trung bình của những quân nhân phục viên là 40, lương hưu cho cấp sĩ quan khoảng 50 USD/tháng, đó đó đời sống rất chật vật. Nhưng đa số các cuộc biểu tình của cựu quân nhân chỉ nhằm tố cáo những thành phần tham nhũng đang lộng hành trong các cấp chính quyền và quân đội. Năm 2004 đã có trên 165.000 cán bộ đảng và nhà nước bị kỷ luật. Tân Hoa Xã Trung Quốc cho biết, từ 1980 đến nay có hơn 4.000 cán bộ tham nhũng đã trốn được ra nước ngoài, mang theo một tổng số tiền trên 50 tỷ USD. Thay vì tiếp nhận những tiếng nói của lẽ phải để sửa sai, quân ủy trung ương đảng cộng sản cấm quân nhân tại chức và về hưu gởi kiến nghị hay khiếu kiện và biểu tình phản đối. Chính sách che giấu sự thật được nhà cầm quyền Trung Quốc thi hành triệt để. Người ta rất sợ sự nổi giận của những cựu quân nhân này.

4. Nông thôn muốn dân chủ hóa trước thành thị

Hiện nay dân chủ không còn là một khái niệm xa lạ đối với quần chúng nông thôn. Trình độ dân trí và nhận xét của nông dân ngày nay không giống cha ông họ ngày trước. Những cường hào, ác bá địa phương không còn làm mưa làm gió như trước trong các sinh hoạt hàng ngày như thu mua đất đai để làm công trường hay xây cất nhà cửa. Một thí dụ : giữa tháng 6-2005, 7.400 dân làng Thái Thạch, tỉnh Quảng Đông, đã ký tên vào bản kiến nghị truất phế ông thôn trưởng về tội tham nhũng và tổ chức bầu cử lại ủy ban thôn mới. Sự kiện này được tờ *Nhân Dân nhật báo*, ấn bản Hoa Nam, đăng tải và ủng hộ, nhưng chính quyền trung ương đã tìm cách khóa miệng những tờ báo cấp tiến để nhận chìm chuyện này. Bắc Kinh rất sợ tác dụng dây chuyền của vụ Thái Thạch Thôn.

Nhưng cho dù có thế nào, dân quê Trung Quốc đang lấy dân chủ nông thôn bao vây bưng bít thành thị, cuộc chiến mới này có nhiều hy vọng thành công.

Nguyễn Minh (Tokyo)

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN trong bối cảnh mới

Nguyễn Gia Kiểng

LTS : Trong hai ngày 29 và 30-10-2005, các cấp lãnh đạo của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã họp hội nghị trung ương tại Berlin. Sau đây là diễn văn khai mạc của ông Nguyễn Gia Kiểng.

Thưa chí hữu Bùi Tín,
Thưa chí hữu Nghiêm Văn Thạch,
Thưa các chí hữu,

Tôi hân hạnh khai mạc Hội Nghị Trung Ương 2005 của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Đây là một hội nghị đặc biệt quan trọng. Hội nghị này diễn ra vào đúng lúc chúng ta kỷ niệm 23 năm ngày thành lập Tập Hợp và cũng đúng vào lúc đất nước đang đứng trước một khúc quanh lớn. Chúng ta sẽ phải làm những chọn lựa lớn, vì thế chúng ta cần nhìn rõ những nét đậm của bối cảnh thế giới và quốc gia, những vấn đề đang hoặc sẽ đặt ra và những việc phải làm để đạt tới một đồng thuận mạnh trên sách lược phải có cho giai đoạn hai năm tới.

I. Bối cảnh thế giới

Về bối cảnh thế giới, nét đậm nhất là phong trào toàn cầu hóa đang bế tắc. Các nước lớn tại châu Âu đã từ chối dự án hiến pháp chung, làm khựng lại việc xây dựng Liên Hiệp Châu Âu, một trong những thể hiện cụ thể quan trọng nhất của tiến trình toàn cầu hóa. Nhiều nước châu Mỹ La-Tinh và châu Á ngày càng bất chấp các khuyến cáo của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế. Các biến cố lớn trên thế giới như cuộc chiến Afghanistan và Iraq, sự lập lại đối thoại giữa Do Thái và Palestine, hay những căng thẳng về đe dọa vũ khí nguyên tử tại Iran và Bắc Triều Tiên đã do sự chủ trương và áp đặt của một số nước lớn chứ không thể hiện tinh thần toàn cầu. Các hội nghị Davos từ vài năm nay ngày càng ít gây tiếng vang và không đưa ra được một ý kiến hay đề nghị đáng kể nào. Cũng thế, các hội nghị G8 của nguyên thủ hành pháp 8 nước giàu nhất thế giới cũng chỉ đề cập đến các vấn đề kinh tế giữa các nước này với nhau và nhiều khi cũng không đạt tới đồng thuận. Đã có nhiều thắc mắc về việc nên hay không nên duy trì hai hội nghị này, được coi là những biểu tượng của phong trào toàn cầu hóa. Trước hiểm họa dịch cúm gà nếu xảy ra có thể làm thiệt mạng hàng trăm triệu người đã chỉ có những biện pháp phòng ngừa ở cấp quốc gia. Quan trọng hơn là ngày càng

có thêm nhiều tiếng nói uy tín phản bác tiến trình toàn cầu hóa như đang diễn ra. Trong khi đó thì tại nhiều nước, các chính đảng có khuynh hướng quốc gia, kể cả khuynh hướng quốc gia cực đoan, không nhiệt tình, thậm chí chống, phong trào toàn cầu hóa ngày càng mạnh thêm.

Chúng ta đang chứng kiến một sự xét lại phong trào toàn cầu hóa. Sự xét lại là cần thiết vì phải nhìn nhận rằng cho tới nay phong trào toàn cầu hóa không được quan niệm một cách lành mạnh. Trong các dự án chính trị của chúng ta, *Thử Thách Và Hy Vọng* năm 1996 cũng như *Thành Công Thế Kỷ 21* năm 2001, chúng ta đã bày tỏ mối lo ngại rằng phong trào toàn cầu hóa được quan niệm một cách hầu như thuần túy kinh tế với những hậu quả tai hại không tránh khỏi. Mối lo ngại này ngày càng được chứng minh và đã là lý do dẫn đến bế tắc hiện nay. Thay vì là sự chia sẻ những giá trị phổ cập được xác định trong bản *Tuyên ngôn phổ cập về quyền con người* của Liên Hiệp Quốc, phong

Phong trào toàn cầu hóa không được quan niệm một cách lành mạnh. Các công ty đa quốc gia không phải là những môi trường dân chủ. Không gian của dân chủ vẫn là quốc gia.

trào toàn cầu hóa đã chỉ được quan niệm như là sự gia tăng thương mại với mẫu số chung là chủ nghĩa tự do kinh tế trong đó hai cột trụ là kinh tế thị trường và ổn định tiền tệ. Thay vì lấy Liên Hiệp Quốc và những định chế có mục tiêu đứng đắn như Tổ Chức Y Tế Quốc Tế, Tổ Chức Lao Động Quốc Tế, Tổ Chức Văn Hóa Giáo Dục Quốc Tế, Tổ Chức Lương Nông Quốc Tế, v.v., làm nền tảng, phong trào toàn cầu hóa đã chủ yếu được thể hiện qua Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO), lấy các công ty đa quốc gia làm động cơ. Trong thập niên vừa qua đã xuất hiện những công ty khổng lồ với số thương vụ cao hơn cả tổng sản lượng quốc gia của các nước tầm vóc trung bình. Sự bành trướng của các công ty này đi ngược với trào lưu dân chủ hóa trên thế giới vì những công ty này, mà nhiều nhà xã hội học coi như những quốc gia mới, không phải là những môi trường dân chủ. Không gian của dân chủ vẫn là quốc gia. Và một quốc gia không thể chỉ xây dựng thuần túy trên kinh tế, mà còn phải là một tình cảm, một di sản lịch sử, một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Các công ty đa quốc gia không thể thay thế được các quốc gia.

Phong trào toàn cầu hóa đã được quan niệm như một tôn giáo với tín ngưỡng là kinh tế thị trường sẽ đem lại tất

cả. Tổ Chức Thương Mại Thế Giới đã phơi bày bản chất phi đạo đức của nó khi tiếp nhận Trung Quốc, một chế độ độc tài thô bạo đang là một đe dọa cho an ninh châu Á, tàn phá môi trường và chà đạp con người, hành quyết mỗi năm hàng ngàn người sau những vụ án sơ sài và còn bắt gia đình tội nhân phải trả tiền dạn. Tổng thống Jacques Chirac của nước Pháp, một cường quốc hàng đầu của phương Tây, tự hào là cái nôi của dân chủ và nhân quyền, đã nhắc lại nhiều lần rằng dân chủ và nhân quyền là những xa xỉ phẩm đối với các dân tộc chưa đủ phát triển, quan điểm rất sai lầm và tai hại này đã không bị lên án đích đáng bởi vì nó được đưa ra trong một bối cảnh thế giới mà các giá trị nhân bản và đạo đức chỉ có một trọng lượng nhỏ so với thị trường.

Tóm lại phong trào toàn cầu

hóa đã bất lợi cho trào lưu dân chủ trên thế giới trong những năm qua. Chính vì thế mà nó đã giúp nhiều chế độ độc tài tiếp tục tồn tại. Chính vì thế mà nó đã gây thất vọng và đã bế tắc. Chính vì thế mà nó cần được và đang được xét lại để được quan niệm như sự phối hợp chặt chẽ giữa các quốc gia đặt nền tảng trên các giá trị tự do, dân chủ và nhân bản.

Khía cạnh tích cực của bối cảnh thế giới là sự gia tăng các trao đổi giữa các dân tộc và các tiến bộ ngoạn mục của các phương tiện giao thông và truyền thông, nhờ đó các dân tộc tiếp tục hiểu biết nhau hơn ; thông tin nhiều hơn và nhanh hơn, sự liên đới quốc tế dễ dàng hơn. Do những yếu tố tích cực này mà trào lưu dân chủ vẫn tiếp tục tiến tới, mặc dầu phong trào toàn cầu hóa được quan niệm một cách bệnh hoạn. Nhiều chế độ độc tài, tham nhũng tiếp tục sụp đổ tại Đông Âu, Trung Á và châu Mỹ La-Tinh trong 5 năm đầu thế kỷ này, trong khi chưa hề có một chế độ dân chủ nào bị lật đổ và thay thế bằng một chế độ độc tài.

Sự xét lại cần thiết của phong trào toàn cầu hóa sẽ đem lại một sức bật mới cho trào lưu dân chủ trên thế giới và cho cuộc vận động dân chủ hóa Việt Nam mà chúng ta theo đuổi. Chúng ta lạc quan.

II. Bối cảnh đất nước

Bối cảnh đất nước cũng đang thay đổi. Về phía chính quyền cộng sản, trong gần 20 năm qua, từ ngày đảng cộng sản bị bắt buộc phải thực hiện chính sách "đổi mới", cán cân lực lượng giữa một đảng cộng sản cố gắng duy trì chế độ toàn trị và một xã hội dân sự Việt Nam cố gắng tự cởi trói không ngừng thay đổi một cách thuận lợi cho xã hội dân sự. Điểm thăng bằng đã đạt tới và có thể nói là đã được vượt qua. Xã hội dân sự ngày nay đã đủ mạnh để tự cởi trói. Việt Nam đã chín muồi cho một thay đổi chế độ.

Tham nhũng đã thành một quốc nạn nhức nhối không thể chấp nhận được nữa. Ngay cả đảng cộng sản, vừa là nguyên nhân vừa là thủ phạm của tham nhũng, cũng đã phải nhìn nhận và lên tiếng báo động về quốc nạn này dù

không có giải pháp, và tham nhũng tiếp tục gia tăng ở mức độ vừa thách đố vừa hiểm nghèo.

Hai vấn đề trọng đại nhất bắt buộc phải giải quyết của đất nước hiện nay là dân chủ hóa và đẩy lùi tham nhũng. Cả hai vấn đề này Đảng Cộng Sản Việt Nam đều không thể giải quyết một mình.

Dân chủ hóa đòi hỏi văn hóa và phản xạ dân chủ mà các cấp lãnh đạo cộng sản không có. Mặt khác, dân chủ một khi được thiết lập, dù do đảng cộng sản hay do đối lập dân chủ, cũng đặt ra vấn đề hòa giải và công lý. Đảng cộng sản đã phạm quá nhiều sai lầm và mắc quá nhiều nợ máu. Việt Nam đã tích lũy quá nhiều hận thù. Một đạo luật hòa giải dân tộc và đại ân xá, như dự án chính trị của chúng ta đề nghị, là rất cần thiết, nhưng đảng cộng sản không

có thẩm quyền để ban hành đạo luật này vì không thể tự mình ân xá cho mình.

Những người xuất phát từ một hệ thống tham nhũng mắc nợ hệ thống này và không thể chống tham nhũng. Tham nhũng là một liên minh quyền lực và quyền lợi có phương tiện và quyết tâm ; muốn chống tham nhũng không những cần một thay đổi tâm lý gây chấn động mà còn phải có lực lượng đủ mạnh của những người không thuộc hệ thống này, và coi cuộc chiến đấu chống tham nhũng như cuộc chiến đấu của đời mình.

Đó là chỉ kể hai vấn đề trọng đại nhất. Còn nhiều vấn đề quan trọng khác, như đảo ngược sự tụt hậu ngày càng báo động của Việt Nam về khoa học kỹ thuật, thực hiện cuộc chuyển hóa bắt buộc từ một nước nông nghiệp thiếu đất và nhiều người sang một nước công nghiệp và dịch vụ, bảo vệ môi trường đang bị tàn phá, giảm bớt chênh lệch giàu nghèo ngày càng thách đố, khôi phục hệ thống giáo dục và đào tạo đang bị xuống cấp một cách thê thảm, tái lập lại lòng tin ở đất nước và quan tâm đến đất nước của một dân tộc đã trở thành thụ động và chán chường sau quá nhiều thất vọng. Với tất cả những vấn đề đó, đảng cộng sản không có giải đáp và trong nhiều trường hợp cũng không thực sự muốn tìm giải đáp.

Đảng cộng sản đang bị chia rẽ làm nhiều phe phái do mất lý tưởng và mâu thuẫn quyền lợi. Tranh chấp nội bộ sẽ ngày một khốc liệt hơn. Trong cuộc đấu đá nội bộ này, quần chúng thuộc về đối lập dân chủ và chỉ có một thái độ bàng quan, chỉ phe nào được cảm nhận như thật sự chấp nhận dân chủ mới có hy vọng tồn tại.

Đảng cộng sản cũng không có những lãnh tụ đủ uy tín để làm những cải tổ cần thiết nên sẽ chỉ dẫm chân tại chỗ, nhưng dẫm chân tại chỗ thì tình hình sẽ ngày một xấu đi, cuối cùng sụp đổ một cách bi đát. Sự bối rối của đảng cộng sản thể hiện rõ ràng qua các văn kiện và các hội nghị trung ương chuẩn bị cho đại hội 10 năm tới. Cương lĩnh chính trị không vạch ra được một định hướng nào cả trong khi sự sắp xếp nhân sự lãnh đạo cho khóa tới hoàn toàn bế tắc. Tuy nhiên điều mà chúng ta có thể nhận thấy là ban lãnh đạo

cộng sản đã ý thức rằng tình trạng hiện nay không thể tiếp tục, dù họ chưa biết phải thay đổi như thế nào. Sự lúng túng của đảng cộng sản bộc lộ rõ ràng trong việc gia nhập WTO. Dự thảo cương lĩnh chính trị được trình bày trong hội nghị trung ương 12 tháng 7 vừa qua còn nhấn mạnh quyết tâm vận động để gia nhập WTO như một định hướng quan trọng, đến tháng 10 lại tuyên bố chưa sẵn sàng.

III. Đối lập dân chủ trong nước

Điều quan trọng cần được ý thức thật rõ là đối lập dân chủ trong nước cũng sẽ thay đổi. Sẽ không còn những hiện tượng ly khai cá nhân ngoạn mục như Nguyễn Hộ, Trần Độ, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Lữ Phương, Hoàng Minh Chính. Chính sách đàn áp phối hợp với mua chuộc và ban phát quyền lợi hiện nay cộng thêm với tuổi tác ngày càng cao của những người cộng sản kỳ cựu sẽ ngăn chặn những ly khai loại này. Thay vào đó là tư duy mới của lớp đảng viên trẻ với đồng thuận ngày càng mạnh về ba điểm : *một là* trào lưu dân chủ hóa là bắt buộc ; *hai là* nếu không thay đổi thì sẽ có bạo loạn và tương lai của các đảng viên cộng sản sẽ rất hiểm nghèo ; *ba là* tham nhũng bao giờ cũng chỉ phục vụ cho một thiểu số. Lớp người này sẽ là đồng minh của chúng ta, một số đã là chí hữu hoặc thân hữu của chúng ta.

Đối lập công khai sẽ ngày một được thả lỏng hơn, có khả năng đoàn kết lại và tiến tới hoạt động có tổ chức. Phải khai thác khả năng này như thế nào là một câu hỏi mà chúng ta sẽ phải tìm câu trả lời.

Điều chắc chắn là đối lập dân chủ trong nước sẽ phải trải qua một cuộc chuyển hóa lớn mà chúng ta đã tiên liệu trong *Thành Công Thế Kỷ 21* : tiến từ giai đoạn của các tiếng nói phản kháng cá nhân sang giai đoạn của đấu tranh có phối hợp và có tổ chức. Và đây sẽ là một cuộc chuyển hóa khó khăn. Từ trước đến nay, vì chỉ có những cá nhân nói lên tiếng nói của lương tâm nên chỉ có sự quý trọng tự nhiên giữa những người dân chủ. Khi đi vào phối hợp và tổ chức thì vấn đề vai trò, quyền hạn và uy tín tất nhiên sẽ đặt ra và không tránh khỏi tranh giành ảnh hưởng. Cuộc xung đột vừa nổ ra công khai giữa hai nhóm Hoàng Minh Chính và Nguyễn Thanh Giang là một thí dụ ; đây sẽ không phải là trường hợp duy nhất, sẽ còn nhiều trường hợp tương tự trong tương lai. Trung thành với lập trường đúng đắn vẫn có từ trước, chúng ta đã làm và sẽ còn làm tất cả những gì có thể làm để giới hạn những đổ vỡ không tránh khỏi của tiến trình sàng lọc tự nhiên này trước khi phong trào dân chủ trong nước tiến sang giai đoạn mới một cách lành mạnh.

Mặt khác, liên lạc giữa trong và ngoài sẽ ngày một thoáng. Việc tiếp xúc với những người dân chủ trong nước không còn là độc quyền của Tập Hợp nữa. Có thành công trong việc tranh thủ cảm tình của anh em trong nước hay không là do sức thuyết phục và lôi kéo, nghĩa là dự án chính trị, phẩm chất của nhân sự và uy tín của lãnh đạo.

Chúng ta có tất cả mọi lý do để lạc quan và tin tưởng.

Một trong những hậu quả của sự tăng cường liên hệ giữa trong và ngoài nước là những người dân chủ trong nước sẽ không còn quý hiếm như trước để được trọng nể một cách không điều kiện mà sẽ được đánh giá tương tự như những người dân chủ ở nước ngoài theo phẩm chất, theo những đóng góp cho cuộc vận động dân chủ, theo những gì mà mỗi người và mỗi nhóm nói và làm. Nói chung là quan hệ giữa những người dân chủ trong và ngoài nước sẽ ngày càng được bình thường hóa.

Trong giai đoạn gia tốc sắp tới của cuộc vận động dân chủ, chúng ta chắc chắn sẽ phải chờ đợi những thủ đoạn mới của đảng cộng sản. Không thể đàn áp một cách thô bạo được nữa, họ sẽ đánh phá đối lập bằng cách khác. Họ có thể lập ra những đảng đối lập giả hiệu mới, cũng có thể nâng đỡ gián tiếp bằng cách đả kích để quảng cáo, giả vờ sách nhiễu để đánh bóng những người và tổ chức mà họ nghĩ rằng không đủ bản lĩnh để là một đe dọa cho họ. Trong chính môi trường dân chủ cũng có thể có nhiều tổ

chức mới sẽ được thành lập nhân cơ hội không khí vận động dân chủ trở thành sôi nổi. Và cũng sẽ có nhiều sáng kiến và đề nghị kết hợp. Bối cảnh của cuộc vận động dân chủ có thể sẽ rất phức tạp. Chúng ta đã tiên liệu trường hợp này. Đầu năm nay, ban lãnh đạo đã thảo luận và biểu quyết một nghị quyết về chính sách hợp tác và kết hợp, theo đó chúng ta một mặt sẵn sàng hưởng ứng những sáng kiến hợp tác và kết hợp nhưng cũng chỉ hưởng ứng những sáng kiến nghiêm chỉnh, nghĩa là những sáng kiến mà Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tham gia ngay từ đầu, trừ những trường hợp rất đặc

biệt.

Cũng rất có thể sau đại hội 10 đảng cộng sản sẽ cố tổ "thiện chí cởi mở" giả hiệu của họ bằng cách mua chuộc hoặc ve vãn để lợi dụng một số cá nhân hay tổ chức không có thực chất, không có bản lĩnh hay không có lập trường minh bạch. Họ sẽ chỉ chấp nhận đối thoại một cách nghiêm chỉnh khi những thủ đoạn này đã thất bại.

Bối cảnh sắp tới của cuộc vận động dân chủ sẽ rất phức tạp, nhiều hứa hẹn cũng như nhiều thử thách, đòi hỏi ở chúng ta cả quyết tâm, kiên trì, lẫn sáng suốt. Thái độ sáng suốt nhất vẫn là chúng ta tiếp tục là chính mình, một tổ chức dân chủ lương thiện, có trí tuệ và quyết tâm, rất bao dung nhưng không nhân nhượng trên những giá trị nền tảng của mình và trên ba lập trường cơ bản : dân chủ đa nguyên, hòa giải và hòa hợp dân tộc, bất bạo động.

Chúng ta có quyền lạc quan và tự hào. Trong hoàn cảnh khó khăn, chúng ta đã nghĩ đúng và làm đúng. Chúng ta là tổ chức chính trị duy nhất có một dự án chính trị hoàn chỉnh và khả thi, đã được phổ biến rộng rãi, đã được đón nhận một cách thuận lợi và chưa gặp một phản bác nào. Những tu chính và bổ túc định kỳ đã chỉ do chính chúng ta.

Chúng ta cũng là tập hợp của những con người đủ sáng

suốt để thấy rằng muốn giành thắng lợi cho dân chủ phải có một tổ chức dân chủ mạnh, và đã xây dựng với nhau một tổ chức chính trị đúng nghĩa. Chúng ta là một ngoại lệ trong văn hóa Việt Nam. Trở ngại chính cho cuộc vận động dân chủ không phải là đảng cộng sản mà là di sản văn hóa nặng nề của chúng ta. Do di sản văn hóa đó, trí thức Việt Nam rất thiếu văn hóa chính trị và càng thiếu hơn văn hóa tổ chức. Đại đa số không quan tâm tới chính trị, thiếu số quan tâm tới chính trị thì thường chọn lối làm chính trị nhân sĩ, hay cùng lắm là những kết hợp lỏng lẻo trong đó không ai chỉ huy ai, mọi người đều ngang nhau và mọi người đều hài lòng vì thấy mình là quan trọng. Nhưng những cuộc hội thảo và những kết hợp lỏng lẻo cùng lắm chỉ đóng góp cô lập chứ không thể lay chuyển được chế độ cộng sản. Chúng ta là những con người ngoại lệ, đủ sáng suốt để hiểu rằng dân thân chính trị là thể hiện lòng yêu nước ở mức độ cao nhất, và tổ chức là dụng cụ không có không được để tác động lên lịch sử, để làm tác nhân thay vì nạn nhân của lịch sử, để làm tác giả thay vì khán giả của đời sống dân tộc và đời mình. Do đó, chúng ta đã chấp nhận những hệ lụy và gò bó của sinh hoạt tổ chức. Trong 23 năm qua, một số nhỏ anh em đã đến với chúng ta, rồi đã ra đi vì không thể thích nghi với những gò bó bắt buộc mà một tổ chức chính trị dù cởi mở đến đâu cũng phải có để trở về với những sinh hoạt lỏng lẻo và thoải mái hơn. Chúng ta vẫn dành cho họ những tình cảm anh em vì ít nhất trong một thời gian họ đã tỏ ra phi thường và đã có những đóng góp, nhưng chúng ta càng có lý do để quý trọng hơn tuyệt đại đa số anh em kiên trì ở lại xây dựng tổ chức. Chúng ta là một tổ chức chính trị dân chủ đúng nghĩa và có tiềm năng đánh bại đảng cộng sản. Chúng ta là tổ chức duy nhất kết hợp được mọi người dân chủ xuất phát từ mọi quá khứ chính trị. Trên thực tế chúng ta là tổ chức chính trị duy nhất tiếp tục phát triển trong gần mười năm qua, nhân số ngày càng đông, sự gắn bó ngày càng chặt chẽ, bản lĩnh chính trị ngày càng cao ; số chí hữu của chúng ta không đông nhưng cũng không ít, số thân hữu của chúng ta rất đông đảo ; uy tín và hậu thuẫn quần chúng của chúng ta rất lớn. Một thay đổi tâm lý thuận lợi là trí thức và quần chúng ngày càng ý thức rõ rệt rằng muốn giành thắng lợi cho dân chủ thì bắt buộc phải có một tổ chức dân chủ mạnh. Sẽ còn nhiều người tâm huyết khác đến với chúng ta vì nhìn chúng ta như điểm hẹn tự nhiên của những người dân chủ, yêu nước và lương thiện. Đại hội 10 của Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ là dịp để đảng cộng sản phơi bày sự đào thải chắc chắn của nó. Nó không có giải đáp nào cho những vấn đề lớn của đất nước và cũng không có cả những con người đáng được gọi là những cấp lãnh đạo. Vấn đề một giải pháp thay thế chắc chắn sẽ được đặt ra và giải pháp này chỉ có thể là một tổ chức chính trị chứ không thể là những đoàn thể tôn giáo, càng không phải là những cá nhân hay những kết hợp tạm bợ, lỏng lẻo. Chúng ta sẽ xuất hiện một cách tự nhiên như là giải pháp thay thế đó bởi vì chúng ta là một tổ chức lương thiện, có lý tưởng cao cả phù hợp với nguyện vọng của toàn dân ; nhất là ngoài dự án chính trị và nhân sự khả tín, chúng ta còn có truyền thống tốt đẹp là chấp nhận mọi

người dân chủ Việt Nam thuộc mọi quá khứ và không phân biệt thâm niên tổ chức trong việc tuyển chọn nhân sự lãnh đạo, kể cả ở địa vị lãnh đạo cao nhất. Tiến trình dân chủ hóa nếu đặt ra sẽ phải đi qua chúng ta. Và vì tiến trình dân chủ hóa là bắt buộc và không thể đảo ngược nên nhất định chúng ta sẽ có trách nhiệm lịch sử.

Để làm tròn trách nhiệm đó, chúng ta cần không ngừng cải tiến tổ chức và bản lĩnh. Chúng ta sẽ cần nhìn thật rõ bối cảnh thế giới và quốc gia để cập nhật dự án chính trị và nâng cao hơn nữa bản lĩnh chính trị và lý luận chính trị ; chúng ta cần tăng cường kỷ luật nội bộ, tăng cường văn hóa tổ chức, cải tiến kỹ thuật tạo hình ảnh đúng cho tổ chức và vận động quần chúng. Đó là những chủ đề của hội nghị trung ương lần này.

Các chí hữu thân mến,

Đảng cộng sản luôn luôn có khuynh hướng hạ thấp đối thủ. Trong một báo cáo gần đây cho trung ương đảng, họ cho rằng đối lập dân chủ chỉ có khoảng một trăm người, nhưng họ cũng nhận định rằng trong bối cảnh thế giới hiện nay chỉ cần mười mấy người cũng có thể làm sụp đổ một chế độ độc tài. Chúng ta mạnh hơn thế nhiều, chúng ta có lý tưởng cao đẹp, có dự án chính trị hoàn chỉnh, có nhân sự tinh nhuệ, có quyết tâm, có gắn bó tổ chức và được sự chuyên chở của làn sóng dân chủ hóa trên thế giới. Chúng ta sẽ thành công.

Trong niềm tin tưởng đó, tôi hân hoan khai mạc hội nghị trung ương Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên năm 2005.

Nguyễn Gia Kiểng

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm**.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Kontonr: 0077708294 - Bankleitzahl: 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là **25 £**. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thông Luận, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là **45 USD**. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là **65 AUD**. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

Thỏa thuận bổ túc Hiệp ước biên giới Việt Nam-Campuchia

Nguyễn Văn Huy

Ngày 10-10-2005, thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải và thủ tướng Campuchia Hun Sen đã ký chung một thỏa thuận bổ túc Hiệp ước biên giới giữa hai nước ngày 17-12-1985. Cũng nên biết Việt Nam và Campuchia chia sẻ chung một đường biên giới trên bộ dài hơn 1.100 cây số.

Tuy bản thỏa thuận này chưa được công bố, cũng có thể sẽ không bao giờ được phổ biến, nhưng dựa theo phản ứng của chính giới Campuchia, người ta cũng có thể suy đoán được nội dung. Bản thỏa thuận này nhằm giải quyết những điểm còn mập mờ của hiệp ước 1985, cụ thể là những bất đồng về lãnh thổ sau hội nghị của Ủy ban hỗn hợp xác định đường biên giới Việt Nam-Kampuchia cuối tháng 3-1999, nghĩa là khu vực biên giới giáp tỉnh Đắc Lắc của Việt Nam và tỉnh Mondolkiri của Campuchia, đường phân chia lãnh hải giữa Việt Nam và Campuchia trong vịnh Thái Lan, đường phân ranh quanh đảo Phú Quốc. Riêng đường phân ranh giữa tỉnh Tây Ninh và Svay Rieng, đặc biệt là tại làng Đôn vẫn chưa rõ ràng (có thể sẽ thuộc về Campuchia). Để có hiệu lực thi hành, nội dung bản thỏa thuận phải được quốc hội hai nước thông qua, sau đó là công tác chôn cột mốc dự trù sẽ hoàn tất vào tháng 12-2008, từ đây đến đó hai nước tiếp tục áp dụng nội dung bản thông cáo chung về lằn ranh giữa hai nước công bố ngày 17-1-1995.

Trên nguyên tắc bản thỏa thuận này không có gì đáng nói, đây là một thủ tục thông thường trong các ký kết hiệp ước về biên giới nhằm bổ túc những thiếu sót trong các thương lượng trước đó. Vấn đề trở nên quan trọng khi báo chí và dư luận Campuchia, đặc biệt là khi đài BBC loan tin cựu hoàng Norodom Sihanouk tuyên bố trên trang nhà của ông sẽ không về nước và ở lại Trung Quốc "tiếp tục đấu tranh đến chết" để chống lại "sự bất công" về lãnh thổ.

Ông Sihanouk chống lại cái gì ?

Theo thông điệp dài ba trang đề ngày 15-10-2005 phát hành tại Bắc Kinh, ông Sihanouk nhắc lại chuyện ông nội của ông là Norodom Sothearos đã không được Pháp đưa lên ngôi vì muốn đòi lại đồng bằng sông Cửu Long (Kampuchea Krom), ông cũng nhắc lại việc ông không đồng ý với Pháp khi trao lại vùng đất này cho vua Bảo Đại ngày 6-4-1949 (trong thông điệp ghi là năm 1860). Đáng chú ý là ông Sihanouk nói rằng ông chưa bao giờ đồng ý với đường ranh giới Brévié.

Ông Sihanouk kết luận : "*Hiện nay, chúng ta (người Campuchia) đang chia rẽ thành hai nhóm : những người nói Campuchia giành thêm được đất và những người cho rằng Campuchia bị mất lãnh thổ. Đâu là sự thật ? Vào lúc này, tôi không muốn phán xét ai đúng ai sai. Vì thế tôi không trở về tổ quốc*".

Thật là khó hiểu. Chỉ khi nào bị xâm lăng hay bị áp lực người ta mới có thể nói tới mất đất, trong khi ở đây chỉ là một thỏa thuận bổ túc cho Hiệp ước biên giới ký năm 1985

trong hòa bình, làm gì có chuyện giành được hay mất đất. Lý do chính trị duy nhất trong những ký kết này, như đã ghi trong các bài tường thuật trên báo chí của hai nước, là quyết tâm "củng cố và thúc đẩy hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện giữa hai nước, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của hai dân tộc" giữa hai chính quyền, theo phương châm "láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài".

Thật ra từ khi thật sự cầm quyền năm 1941 đến nay, chưa bao giờ Norodom Sihanouk chính thức phản đối lằn ranh phân chia giữa hai nước với các chính quyền Việt Nam Cộng Hòa trước 1975 hay nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam sau 1976. Thông điệp ngày 10-10 vừa qua chỉ là lý cớ. Năm nay cựu hoàng đã 84 tuổi, ông đã nhường ngôi cho con là nghệ sĩ múa Sihamoni cuối năm 2004 để an hưởng tuổi già trong sự sung túc mà chính quyền Trung Quốc dành cho ông tại Bắc Kinh. Đối lại, ông phải phản đối một cái gì đó như sự phân chia lãnh hải vì tin rằng Vịnh Thái Lan có nhiều dầu khí mà Trung Quốc đang rất cần. Đương nhiên là ông cũng nhờ Bắc Kinh làm áp lực với Hà Nội nhân nhượng trong các thương lượng về biên giới với Phnom Penh.

Nhưng nguy hiểm nhất là phong trào đòi lại những vùng đất mà người Khmer tưởng đã mất về tay Việt Nam trong những thế kỷ trước, nhất là phong trào bài Việt Nam đang được khơi động lại trong dư luận. Ngay sau bản thỏa thuận về biên giới được ký kết, báo chí (*Moneaksikar Khmer, Cambodia Daily, Cambodge Soir*) và các chính khách đối lập (Sonn San, Sam Rainsy...) tố cáo Hun Sen "bán đất" cho Việt Nam và bác bỏ nội dung những thỏa hiệp về biên giới đã ký trong những năm 1972, 1983 và 1985 mà họ cho là bất công vì lúc đó Campuchia bị Việt Nam chiếm đóng. Nhiều cụm từ xúc phạm đối với người Việt như "quân cướp Việt Nam" (*choar Youn*), v.v. đã được sử dụng lại.

Báo *Moneaksikar*, phát hành tại Phnom Penh, số ra ngày 8-4-2005 và 5-10-2005, còn tố cáo Việt Nam đã chiếm một ngôi chùa ở Khum Kak nằm sâu trong nội địa Campuchia 1500 m, do Heng Samring trụ trì trước năm 1970 ; dời các cột mốc biên giới vào sâu trong nội địa Campuchia tại Phnom Den tỉnh Takeo, tại Tuol Krasaing tỉnh Svay Rieng, tại huyện Memot tỉnh Kompong Cham từ 1979 đến nay. Đối lập Khmer còn tung tin Việt Nam đã dời biên giới vào sâu nội địa 10 cây số dọc suốt 200 cây số đường biên giới của các tỉnh phía Nam và Đông Nam của Campuchia từ 1986 đến 1988. Ủy Ban Biên Giới Cambốt (Comité des Frontières du Cambodge) còn tố cáo Việt Nam đang thuộc địa hóa Campuchia bằng cách đưa dân sang khai thác nhiều vùng đất trên lãnh thổ Campuchia, nhiều con số khó tưởng tượng được đưa ra như có từ 4 đến 4,5 triệu người Việt Nam đã định cư trên lãnh thổ

Campuchia từ 1979 đến 2004.

Thấy gì qua những lập luận này ?

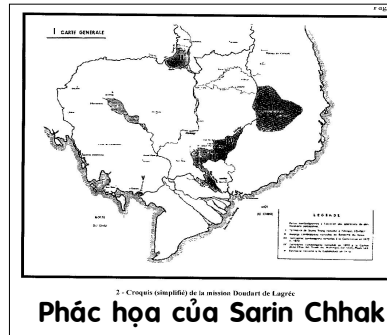
Tất cả những tố cáo trên chỉ nhằm thỏa mãn những nhu cầu nội bộ, giữa những người Khmer với nhau. Phe nào cũng muốn được người Khmer nhìn nhận là anh hùng dân tộc vì người Khmer rất trọng những ai cố gắng phục hồi dân tộc tính Khmer. Sihanouk muốn được dân chúng Khmer nhìn nhận như là vị cha già dân tộc. Các đảng phái đối lập, vì không có chương trình tranh cử, chỉ biết dả kích chính quyền Hun Sen là tay sai của Việt Nam và tố cáo những tham vọng về đất đai của Việt Nam trên lãnh thổ Campuchia để tranh thủ sự ủng hộ.

Trong thực tế, các chính khách Campuchia, kể cả cựu hoàng Sihanouk, đều không muốn dính vào các cuộc thương lượng về biên giới vì sợ dư luận trong nước phản đối. Mọi người đều tìm cách đẩy chính phủ Hun Sen ra thương lượng và ký kết để sau đó tìm lý do để phản đối. Một điều lạ là hoàng thân Norodom Ranariddh, vừa là chủ tịch đảng Funcinpec vừa là chủ tịch quốc hội, lại ủng hộ thỏa thuận này, chỉ có bà Norodom Vacheara, phó chủ tịch Hội đồng tối cao về các vấn đề biên giới được thành lập ngày 27-4-2005 vừa bị giải thể ngày 10-10-2005, cho rằng theo hiến pháp Campuchia chỉ có vua (Norodom Sihamoni) mới có quyền phê chuẩn các hiệp ước về biên giới.

Sự thật như thế nào ?

Phải trở lại thập niên 1960 để hiểu rõ vấn đề. Từ khi được Pháp đưa lên làm vua ngày 24-4-1941, Norodom Sihanouk luôn tỏ ra là một người rất lanh lợi. Ông đạt được tất cả những gì mong muốn cho dân tộc ông và cho chính ông mà không phải đổ mồ hôi và máu, không những thế còn được trọng vọng và kính nể. Về độc lập dân tộc, ông đã hù chính quyền thuộc địa Pháp nếu không trả độc lập cho Cambodge thì ông sẽ ngã theo phe Việt Minh ; kết quả Cambodge đã có độc lập mà không đổ một giọt máu nào. Trong suốt cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai (1960-1975), ông đã giữ Cambodge được trung lập cho tới 1970, rồi bị nạn tại Trung Quốc từ 1971 đến 1991 nhưng vẫn giữ được ngôi vị. Khi chế độ diệt chủng Pol Pot bị Việt Nam đánh đuổi ra khỏi nước, ông không hề bị dư luận Khmer lên án vì đã ủng hộ Khmer đỏ chống lại Lon Nol, Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ. Sau Hiệp định Paris 1991, ông tiếp tục lên làm vua cho tới cuối năm 2004, sau khi nhường ngôi cho con là Sihamoni.

Tham vọng của Sihanouk là phục hồi lại quá khứ vàng son của đế quốc Angkor (thế kỷ 9-thế kỷ 14), nghĩa là sự lớn rộng của vương quốc Cambodja từ đồng bằng sông Cửu Long lên miền Nam Lào rồi từ Tây Nguyên đến tả ngạn sông Menam. Để đạt tham vọng này, ông đã nhờ tay người Pháp lấy lại những vùng đất đó, nhưng không mấy thành công. Đến nay Sihanouk vẫn không bằng lòng với lãnh thổ và khu vực biên giới như ngày nay. Vì Tây Nguyên, Nam Lào và vùng Đông Bắc Thái không trù phú, Sihanouk chuyển tầm nhìn về đồng bằng sông Cửu Long. Đầu thập niên 1960, ông đỡ đầu một trí thức trẻ và thông minh, Sarin



Chhak, sang Pháp làm luận án tiến sĩ công pháp quốc tế về "Những Vùng Biên Giới Của Cambodge" năm 1965.

Sarin Chhak phản đối lần ranh phân chia Nam Kỳ và Cambodge do Pháp ấn định trước đó. Ông bác bỏ nguyên tắc *uti possidetis juris*, nghĩa là không chấp nhận những lần ranh đã được ấn định dưới thời Pháp thuộc. Ông viện cớ Cambodge là một quốc gia được bảo hộ nhưng

còn chủ quyền trong khi Nam Kỳ (Cochinchine) là một thuộc địa, do đó không có tư cách công pháp quốc tế để xác định lần ranh với mà quốc gia có chủ quyền. Nhưng khi bác bỏ nguyên tắc này, Sarin Chhak vẫn giữ lại những gì có lợi cho Cambodge chứ không bỏ hết, thí dụ như phần lãnh thổ phía Tây và phần lãnh thổ phía Bắc do Pháp giành lại từ trên tay người Xiêm La năm 1893.

Đối với Sarin Chhak, biên giới của Cambodge chỉ bắt đầu từ khi được Pháp bảo hộ, tức sau ngày 11-8-1863. Nhưng ông phản đối những văn bản xác định khu vực ranh giới giữa Nam Kỳ và Cambodge, chẳng hạn như các hiệp ước ngày 9-7-1870 về ranh giới các tỉnh Tây Ninh và Thủ Dầu Một, hiệp ước ngày 15-7-1873 về Hà Tiên, Kinh Vĩnh Tế và Châu Đốc, sắc lệnh ngày 22-7-1893 về khu vực Lộc Ninh, Phước Lễ. Ngược lại ông không chống lại những dụ của vua Norodom tán thành những ký kết đó, thí dụ như dụ ngày 13-4-1914 xác nhận lần ranh phân chia tỉnh Kompong Cham với tỉnh Thủ Dầu Một trong đó Lộc Ninh và Phước Lễ thuộc Nam Kỳ và lần ranh phân chia lãnh hải tại Hà Tiên và đảo Phú Quốc với tỉnh Kampot.

Để cụ thể hóa, Sarin Chhak phác họa lại bản đồ ranh giới Cambodge và Việt Nam, theo đó tỉnh Darlac (Đắc Lắc), toàn khu hữu ngạn sông Bé đến Thủ Dầu Một, toàn bộ tỉnh Tây Ninh và Long An (khu Mỏ Vẹt) và vùng đất phía Tây thị xã Hà Tiên (xã Sa Kỳ) thuộc Cambodge. Dựa theo phác họa này, đầu năm 1967 chính quyền Sihanouk chính thức công bố khu vực biên giới Cambodge-Việt Nam. Không ngờ tám bản đồ mới này của Sihanouk trở thành kim chỉ nam hành động của người Khmer cực đoan. Cái kết của chúng ta hiện nay là chính quyền cộng sản Việt Nam lúc đó là nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, vì nhu cầu cần chiếm miền Nam đã chính thức công nhận lần ranh này ngày 8-6-1967 (Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam công nhận trước đó một tuần, ngày 31-5-1967).

Sau này các chính quyền Cambodge (Lon Nol và Pol Pot) đều muốn cụ thể hóa lần ranh đó trên thực địa. Năm 1970 và 1978 đã xảy ra những vụ "cấp Youn" và xua đuổi người Việt ra khỏi những khu vực mà người Khmer cho rằng là của họ, và quân Việt Nam đã tràn sang Campuchia can thiệp trong những năm 1971 và 1979, gây ra nhiều xáo trộn bất lợi cho dân Khmer. Có thể nói phác họa của Sarin Chhak đã là nguyên nhân của nhiều vụ tranh chấp về lãnh thổ giữa Việt Nam và Campuchia từ 1967 đến nay.

Từ sau khi Campuchia được Việt Nam giải phóng khỏi nạn diệt chủng Khmer Đỏ cuối năm 1978, nhiều văn kiện chính thức về biên giới đã được ký kết : Hiệp ước hòa bình,

hữu nghị và hợp tác Việt Nam-Kampuchia ngày 18-2-1979, trong đó điều 4 ghi rõ hai bên sẽ tiến hành những cuộc thương thảo để ký kết hiệp ước về đường biên giới quốc gia giữa hai nước trên căn bản đường biên giới hiện hành trong mục đích xây dựng một đường biên giới hòa bình và hữu nghị lâu dài giữa hai nước ; Thỏa thuận về lãnh hải ngày 20-7-1982 ; Hiệp ước về những nguyên tắc giải quyết các vấn đề biên giới ngày 20-7-1983 ; và Hiệp ước biên giới ngày 17-12-1985 xác định lại vị trí những cọc mốc dọc suốt 200 km biên giới. Từ sau những ngày đó là những đàm phán song phương về việc cắm mốc phân ranh giữa hai nước. Điều 1 của Hiệp định hòa bình ký tại Paris ngày 23-10-1991 khuyến khích Campuchia tiếp tục hoàn tất những thỏa hiệp về biên giới với các quốc gia lân bang để bảo đảm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ.

Nói chung, việc giải quyết các tranh chấp tại vùng biên giới đã được thương lượng theo đúng những nguyên tắc công pháp quốc tế.

Nhưng tại sao dư luận Khmer vẫn tiếp tục nói Việt Nam chiếm đất của họ ? Tất cả chỉ vì hiểu lầm.

Người Khmer, dựa vào truyền thuyết thành lập xứ Chân Lạp từ giữa thế kỷ 6 đến thế kỷ 8, cho rằng lãnh thổ này có hai vùng : Thượng Chân Lạp và Thủy Chân Lạp. Thượng Chân Lạp là các vùng đồi núi phía Bắc, Tây-Nam và Tây-Bắc Campuchia hiện nay ; Thủy Chân Lạp chỉ là những vùng đất thấp từ Battambang đến phía Nam Biển Hồ, nơi giao lưu giữa các dòng nước của Biển Hồ và sông Mekong. Sang thời Angkor từ thế kỷ 8 đến cuối thế kỷ 15, lãnh thổ của họ được chia thành ba vùng : *Khmer Leu* (cao) bao gồm cao nguyên Korat và các vùng đồi núi phía Tây hiện nay, *Khmer Kandal* là khu vực Biển Hồ, mà trung tâm là các đền đài Angkor Wat và Angkor Thom tại Siem Reap, và *Khmer Krom* là những vùng đất thấp từ Phnom Penh đến Mỏ Vẹt. Nhưng rất nhiều người Khmer tin rằng lãnh thổ Khmer Krom bao gồm cả đồng bằng sông Cửu Long. Trong thực tế lãnh thổ phía Nam cuối cùng của người Khmer cho đến thế kỷ giữa 17 dừng lại ở vùng Mỏ Vẹt, giữa Tây Ninh và Châu Đốc. Đồng bằng sông Cửu Long không thuộc về ai cả. Người Khmer thường đồng hóa đồng bằng sông Cửu Long ngày trước với đồng bằng sông Cửu Long ngày nay vì sự sung túc mà họ không có.

Phải biết rằng đồng bằng sông Cửu Long 300 năm trước là một vùng đất sinh lầy ngập úng, đầy muỗi mòng và thú dữ (rắn, rít, sấu, cạp, voi, rắn độc...), mỗi năm nước lụt bao phủ 6 tháng, từ tháng 7 đến tháng 12. Vương quốc Phù Nam trước đó đã chỉ tồn tại trên những vùng đất cao ở Tri Tôn và Óc Eo (gần Hà Tiên). Đế quốc Angkor hoàn toàn không có mặt trên vùng đất này, bằng chứng là không có con sông nào trên đồng bằng sông Cửu Long mang tên Khmer và cũng không có vết tích một đền đài nào đã để lại. Chỉ sau này khi hay tin có người Việt đến khai khẩn đất hoang từ giữa thế kỷ 17, nhiều gia đình Khmer nghèo khổ đã thả thuyền theo các dòng nước mùa khô đến định cư trên những giồng đất cao ở Rạch Giá, Sóc Trăng và Trà Vinh và sống bằng nghề chăn nuôi gia cầm và làm rẫy.

Công lao khai khẩn và biến vùng đất này trở nên dễ

sống và trù phú thuộc về di dân gốc Việt miền Trung. Đồng bằng sông Cửu Long có 2.500 km đường sông, di dân Việt Nam đã đào thêm 2.500 km kinh để khống chế nước phèn và nước mặn, giải tỏa lượng nước lụt hàng năm, nhờ đó lúa và hoa màu đã có thể tăng trưởng.

Sự hiểu lầm càng lớn bởi chính người Việt. Các sử gia Việt Nam, vì ít chịu khó quan sát và nghiên cứu, đã dựa theo những lập luận của người Pháp để nói rằng người Khmer đã có mặt trên đồng bằng sông Cửu Long từ lâu đời, trước khi có sự hiện diện của người Việt Nam. Điều này không đúng. Qua những khảo sát nhân chủng và khảo cổ, người ta chỉ tìm thấy dấu vết của người Môn, tức nền văn minh Phù Nam, nhưng chủng tộc này đã biến mất ngay sau khi vương quốc Phù Nam bị tiêu diệt. Vùng Thủy Chân Lạp, nếu có, đã dừng lại tại những vùng đất cao không bị ngập lụt vào mùa nước lũ (Tây Ninh, khu Mỏ Vẹt và Châu Đốc). Nền văn minh Angkor, tức nền văn minh đền đài bằng đá, hoàn toàn vắng mặt.

Chủ quyền trên đồng bằng sông Cửu Long đã diễn ra một cách tiệm tiến, tùy theo mức độ nhập cư và những biến động chính trị trong những thế kỷ 17 và 18 mà toàn bộ đất đai miền Nam thuộc về người Việt. Cũng không nên quên một phần lớn những lãnh thổ đó, trong thực tế là những vùng đất hoang, là tặng phẩm của các vua chúa Khmer cho các chúa Nguyễn.

Việc Sihanouk đòi lại đảo Phú Quốc lại càng vô lý. Người Khmer chưa bao giờ là một dân tộc hàng hải, họ sống quay lưng với biển cả trong suốt dòng lịch sử đã qua. Chỉ sau này, dưới thời Pháp thuộc, Sihanouk mới ý thức được tầm quan trọng của biển cả và đã nhờ Pháp giúp phục hồi lại khu vực bờ biển, và ông đã thành công.

Nhắc lại, năm 1681, Mạc Cửu dẫn một phái đoàn người Hoa đổ bộ lên vùng đất Hà Tiên ngày nay. Đây là một vùng đất vô chủ (*terra nullus*), phái đoàn phải đi sâu vào nội địa mới gặp được các vương tôn Khmer, lúc đó đang tranh chấp với nhau quanh nơi giao lưu luồng nước giữa Biển Hồ và sông Mekong, tức từ Udong, Longvek đến Phnom Penh (lãnh thổ của người Khmer lúc đó chỉ còn chừng đó). Mạc Cửu giúp Jayachetta III chiếm lại ngôi vua, sau đó được quyền khai thác toàn bộ vùng duyên hải trong vịnh Xiêm La, từ Hà Tiên đến Kompong Som ngày nay. Không ngờ, với thời gian, vùng đất này trở nên trù phú với tên Căn Khẩu. Đảo Phú Quốc (tên Khmer là Koh Tral), trước kia là một đảo hoang, cũng nhờ đó trở thành sầm uất. Năm 1724, Mạc Cửu dâng toàn vùng đất này cho chúa Nguyễn. Căn Khẩu Quốc đổi thành Long Hồ Dinh, thủ phủ đặt tại Hà Tiên. Dưới thời Mạc Thiên Tứ (con của Mạc Cửu, tên thật là Mạc Sĩ Lân), lãnh thổ Long Hồ được nối rộng thêm đến Long Xuyên và Cà Mau ngày nay.

Năm 1739, Nặc Nguyên (Ang Sgnuon), một vương tôn Khmer, tặng riêng Mạc Thiên Tứ lãnh thổ Tầm Bôn (Cần Thơ) và Lôi Lập (Long Xuyên), một hình thức để hợp thức hóa 4 huyện do Mạc Thiên Tứ thành lập từ lâu để tạ ơn. Năm 1758, một vương tôn khác tên Nặc Tôn (Ang Ton) đã tặng chúa Nguyễn vùng đất Tầm Phong Long (Châu Đốc) để tạ ơn và tặng riêng Mạc Thiên Tứ vùng bờ biển rộng

lớn trong vịnh Xiêm La, từ Kompong Som đến Rạch Giá. Tiến trình hợp thức hóa quyền làm chủ toàn bộ lãnh thổ miền Nam, tức đồng bằng sông Cửu Long, đến năm 1758 coi như hoàn tất.

Một sự kiện có thể làm người Khmer phẫn nộ, nhưng là sự thật : cho đến năm 1914, chủ quyền trên đất liền từ Kompong Som (tên Việt là Hương Úc hay Vũng Thơm) đến Hà Tiên thuộc về Việt Nam. Vấn đề là giới trí thức và chính trị Khmer, mặc dù biết rõ việc này, đã lơ đi coi như không có. Những người Khmer quá khích, kể cả Norodom Sihanouk, không muốn nhắc lại giai đoạn u tối này. Ngày nay, vì tin rằng dưới lòng Vịnh Xiêm La có nhiều dầu khí, Sihanouk và chính giới Khmer muốn xét lại đường phân ranh lãnh hải giữa hai nước và đòi lại đảo Phú Quốc để khai thác nguồn tài nguyên mới đó.

Là một quốc gia bị bảo hộ, người Pháp có toàn quyền quyết định trên đất Campuchia. Họ đã tùy tiện vẽ lại bản đồ vương quốc này sau khi đánh đuổi quân Xiêm ra khỏi khu vực phía Tây để thành lập của tỉnh Siem Reap, Battambang và Posat. Vì muốn có một đường ra biển, chính quyền thuộc địa Pháp đã tách phần đất phía Tây Hà Tiên nhập vào lãnh thổ Cambodge năm 1914. Nhân dịp này, vua Sisowath muốn Pháp sáp nhập luôn đảo Phú Quốc vào lãnh thổ Cambodge nhưng bị từ chối vì một lý do giản dị : không có người Khmer nào sinh sống trên đảo này. Tranh chấp liên tục về quyền khai thác hải sản trong vịnh Xiêm La giữa những người Pháp sinh sống tại Nam Kỳ và Cambodge buộc chính quyền thuộc địa Nam Kỳ ban hành thông tư ngày 31-1-1939 phân định lãnh hải giữa hai nước bằng một đường thẳng từ kinh tuyến 104 : toàn bộ các đảo phía Bắc kinh tuyến này thuộc vương quốc Cambodge, toàn bộ hải đảo phía Nam kinh tuyến này thuộc về Nam Kỳ. Đường phân ranh này được tôn trọng cho đến tháng 2-1958 khi hải quân Khmer đơn phương chiếm đóng các đảo Hòn Tai và Hòn Tre Nam và tháng 3-1960 chiếm đóng quần đảo Phù Du gồm Hòn Nang Trong và Hòn Nang Ngoài để chuẩn bị cho phe cộng sản Bắc Việt đưa người và vũ khí vào miền Nam. Liền tức thì hải quân Việt Nam Cộng Hòa đã chiếm lại các hòn đảo nói trên và kiểm soát luôn mọi ngõ ra vào bằng đường biển trong Vịnh Xiêm La, không cho tàu thuyền chuyên chở vũ khí từ Bắc Việt vào cảng Sihanoukville (Kompong Som). Sự kiểm soát này chấm dứt sau năm 1975 khi lực lượng hải quân Việt Nam di tản ra nước ngoài, liền tức thì lực lượng hải quân Khmer đổ ra chiếm một số hải đảo quanh đảo Phú Quốc cho đến cuối năm 1978.

Về lãnh hải, chính quyền Hà Nội tiếp tục duy trì làn ranh đã có dưới thời Việt Nam Cộng Hòa và trả lại đảo Poulo Wai (đảo Vai), nhưng Sihanouk và giới đối lập Khmer tiếp tục phản đối sự phân chia này vì cho rằng bất công và không phù hợp với những nguyên tắc công pháp quốc tế, và phản bác luôn những văn kiện về lãnh hải đã chính thức ký kết với Việt Nam tháng 7-1982, và thỏa thuận bổ sung ngày 10-10-2005 vừa qua. Họ cũng chống đối luôn hiệp ước về lãnh hải ký giữa Việt Nam và Thái Lan ngày 11-8-1997, vì cho rằng hiệp ước này lấn chiếm

hải phận của Campuchia.

Trở lại khu vực biên giới giáp ranh hai tỉnh Rattanakiri và Mondolkiri của Campuchia với các tỉnh Kontum, Pleiku, Đắc Lắc, Sông Bé của Việt Nam, mà người Khmer cho rằng trước kia thuộc về họ.

Sự thực như thế nào ? Sau khi làm chủ Nam Kỳ năm 1862 và bảo hộ Campuchia năm 1863, Pháp cho tiến hành những cuộc thám hiểm trên sông Mekong để tìm đường vào Vân Nam (Trung Quốc). Yếu tố xác định sự vắng mặt của người Khmer, nghĩa là không có chủ quyền trên các lãnh thổ Nam Lào và Tây Nguyên, là công tác xác định biên giới giữa Campuchia với Lào và Việt Nam năm 1870. Khi giúp vua Norodom xác định lại các vùng biên giới, đặc biệt là khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia, những thanh tra đo đạc Pháp than phiền rằng những người này không biết gì về làn ranh phân chia hai nước và bị đuổi về. Điều này chứng tỏ người Khmer không có mặt trên những vùng đất này nên không biết gì trên lãnh thổ Tây Nguyên, nhất là khu vực tả ngạn sông Mekong.

Những báo cáo hành trình của những nhà thám hiểm Pháp từ 1867 đến 1869 đều xác nhận rằng các vùng đất dọc hai bờ sông Mekong hoặc vô chủ, hoặc dưới quyền kiểm soát của Xiêm La. Nhờ những khám phá này mà Pháp đã làm áp lực buộc quân Xiêm La rút quân về bên kia bờ hữu ngạn sông Mekong và thành lập nước Lào ngày ngày 3-10-1893. Trước những vùng đất rộng lớn không có chủ quyền này (Khong, Stung Treng, Siempang và Attopeu), toàn quyền Đông Dương Lanessan sáp nhập vào lãnh thổ Nam Kỳ. Sau đó vì những trở ngại về giao thông và hành chính, Pháp chia lãnh thổ Lào ra làm hai : Bắc Lào và Nam Lào, trong đó Stung Treng, Siempang, Attopeu, Darlac, Kontum và Pleiku thuộc Nam Lào. Ngày 6-12-1904 toàn quyền Paul Beau sáp nhập lãnh thổ Stung Treng và Siempang vào Campuchia, lãnh thổ Attopeu vào Nam Lào ; lãnh thổ Darlac vào Trung Kỳ ngày 22-11-1904. Lãnh thổ Melou Prey và Tonlé Ropou được thu hồi từ tay Xiêm La năm 1902 được sáp nhập vào tỉnh Stung Treng.

Việc đòi xét lại làn ranh phân chia các tỉnh Đắc Lắc, Tây Ninh và Sông Bé là khiên cưỡng. Nếu muốn chứng minh bằng lịch sử thì những vùng đất này bị đặt dưới quyền triều Nguyễn từ 1828 đến 1893. Từ một rẻo đất quanh khu vực Phnom Penh giữa thế kỷ 19, vương quốc Campuchia đã được nới rộng gấp 10 lần lãnh thổ mà họ đang có. Việc đòi thêm những vùng đất khác trên lãnh thổ Việt Nam chỉ có hại cho Campuchia mà thôi. Cũng nên biết, giữa tháng 7-1945, Bảo Đại và chính quyền Trần Trọng Kim đã chấp nhận trên nguyên tắc giao trả cho Campuchia toàn bộ lãnh thổ miền Nam. May mắn cho người Khmer là giải pháp này đã không thành hình, nếu không toàn bộ lãnh thổ Campuchia đã bị Việt hóa vì người Việt sinh sống trên lãnh thổ miền Nam đông gấp ba lần dân số Campuchia thời đó.

Nói tóm lại, thỏa thuận ngày 10-10-2005 bổ túc Hiệp ước biên giới giữa hai nước ngày 17-12-1985 về lâu về dài có lợi cho cả hai nước. Hai dân tộc Khmer và Việt cần có một đường biên giới ổn định để cùng phát triển.

Nguyễn Văn Huy

Ngày Việt Nam tại Berlin 16-10-2005

Đôi nét so sánh sự kiện thống nhất ở Việt Nam và ở Đức

Tôi đến Berlin trong thời chiến tranh ở Việt Nam (1965), khi hòa bình (1977) và hôm nay (2005) khi Việt Nam đổi mới được gần 20 năm.

"Biển dâu" là khái niệm văn học về đổi thay với thời gian của người phương đông ; mới đó là biển, sau đã là vườn dâu.

Năm 1965, Đức và Việt Nam cùng bị chia cắt : Tây Đức và Đông Đức ; Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam. Từ cổng Brandenburg, từ tháp Television nhìn sang Tây Berlin, tôi cảm thấy xa vời ! Điều ấy nay đã thuộc về lịch sử. Tôi vừa qua Hanover vốn ở Tây Đức để đến đây.

Năm 1977, Việt Nam đã thống nhất, Đức thì chưa. Sông Bến Hải của Đức là bức tường Berlin còn lù lù đó. Không ít người Đức cho rằng nó có thể tồn tại sang thế kỷ sau. Cuối tháng 4-1977, trong nhà khách trên đường Unter den Linden, tôi chứng kiến sự có mặt của ba ông tướng cộng sản : Fidel Castro (vừa đi thị sát quân lính viễn chinh Cuba ở châu Phi), Hoffman (bộ trưởng quốc phòng của Cộng Hòa Dân Chủ Đức) và Võ Nguyên Giáp, cả ba mặc đại lễ phục, huân chương đầy ngực, nâng cốc champagne sử dụng cách mạng vô sản châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh..., chúc mừng khối quân sự Warsawa „vô địch“ và hứng chí bốc đồng chúc chủ nhà sớm đến ngày thống nhất nước Đức ! (tất nhiên theo kiểu gió Đông thổi bạt gió Tây của họ !)

Thế rồi lịch sử đi theo quy luật khắc nghiệt của nó. Ngày 9-11-1989, cả khối quân sự Warsawa chứng hứng xuôi tay đứng nhìn cảnh người Đức tự tay phá bức tường Berlin ô nhục, cười và khóc vì sung sướng ôm nhau trong tình nghĩa anh chị em ruột thịt.

Ngày ấy, chúng tôi ghen với các bạn. Chẳng có gió Đông hay gió Tây. Chỉ có gió thương yêu từ trái tim, từ sâu thẳm lòng người, nổi dậy cuốn đi hận thù và ngăn cách do học thuyết đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản tạo nên. Chúng tôi ghen với các bạn, vì các bạn thống nhất đất nước không qua chiến tranh, không có tiếng súng, không có thương vong, chỉ có những nụ cười và những bó hoa.

Chúng tôi ghen với các bạn còn vì các bạn đã không chỉ thống nhất đất nước về mặt địa lý, mà điều quan trọng hơn các bạn đã thống nhất được nhân tâm. Đông Tây một nhà, chan hòa và chia sẻ, tin yêu và bình đẳng, từ trên tổ chức lãnh đạo điều hành đất nước hòa nhập không mấy may có kỳ thị Đông Tây, không có phân biệt đối xử, sự chênh lệch giữa các vùng do lịch sử để lại được giảm bớt trông thấy giữa xu thế phồn vinh và phúc lợi cho cả nước. Berlin, thủ đô nước Đức thống nhất, chưa bao giờ tươi đẹp, lộng lẫy, tự tin như hôm nay. Đáng đi thú thái, nụ cười mỉm của người công dân Berlin hôm nay tự nói lên biết bao điều ...

Chúng tôi trái qua 30 năm chiến tranh mới đạt được thống nhất đất nước. Tôi đã cầm súng hơn 37 năm, từ là người chiến binh lên đến đại tá. Trải qua các chiến trường Bắc Trung Nam, qua bao chiến dịch : đường số 9, Bình Trị Thiên, Biên giới, Hòa Bình, Điện Biên Phủ... để đến trưa 30-4-1975, tôi có mặt như sĩ quan cấp cao nhất tại Dinh Độc lập (dinh tổng thống) Sài Gòn, sung sướng vô cùng khi nghĩ rằng chiến tranh hơn 10 ngàn

ngày đã chấm dứt, cả nước thống nhất, có thể mở ra thời kỳ xây dựng đất nước phồn vinh.

Thế nhưng nhiều cựu chiến binh chúng tôi đã bắt đầu cảm thấy vỡ mộng ngay từ sau đó. Chúng tôi cay đắng khám phá ra rằng không có gì tủi nhục hơn là đất nước có độc lập mà người dân vẫn không có tự do ! Mà có thật là "độc lập" không khi phải tuân theo một học thuyết xa lạ nhập cảng từ châu Âu, được vạch ra chỉ để cho các nước công nghiệp phát triển nhất? Hàng triệu chiến binh đồng đội của tôi nằm xuống và bị thương tật mà cha mẹ, anh chị em và đồng bào của họ hòa bình rồi vẫn không mấy may quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn giáo và tự do bầu cử, vẫn bị đảng thống trị và khinh miệt theo một kiểu vô sản chuyên chính khắt khe nhất. Thì ra cỏ xanh mọc trên các mộ chiến sĩ chỉ để trở thành huân chương đỏ rực trên ngực các viên tướng và các quan chức của đảng trong thời kỳ hưởng thụ theo quyền lực, phản bội ngang nhiên các bà mẹ từng đào hầm nuôi họ, phản bội vô vàn các thanh niên làm đường dưới mưa bom bão đạn, phản bội hàng chục vạn chị em Thanh niên xung phong hy sinh tuổi thanh xuân trên tiền tuyến để trở về lỡ thì, phải làm lao công trong các nông trường và lâm trường xa xôi, không tình yêu, không hơi ấm gia đình, tuyệt vọng trước ước vọng dù chỉ một nụ hôn !

Chính do chế độ độc đảng thống trị, không có tự do, cũng không có luật pháp và bình đẳng xã hội mà một cuộc đấu tranh mới đòi tự do và nhân phẩm, đòi công bằng xã hội, đòi hội nhập với thế giới dân chủ đã khởi đầu và lan rộng, với nhiều cựu tướng lĩnh (như trung tướng Trần Độ), cựu sĩ quan, cựu chiến binh ở hàng đầu, kết chặt hàng ngũ với nhiều trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên, các nhà kinh doanh, cũng không ít đảng viên cộng sản lão thành, bất chấp sự đàn áp tàn ác và tình vi của một nhà nước mang tính chất cảnh sát. Việt Nam đang có nhiều tù nhân chính trị nổi tiếng mà gần đây nghị viên châu Âu đòi Hà Nội trả tự do ngay, như các nhà dân chủ-cybernetic Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn..., cũng như nhiều tù nhân chính trị thuộc các tôn giáo : đạo Phật, Tin lành, Hòa hảo, Công giáo và người các dân tộc thiểu số Bana, Êđê, Radê, Tày, Nùng, H'Mông...

Nhớ lại 30 năm trước, khi lịch sử Việt Nam tạo nên một bước ngoặt đầy hy vọng, tôi ngậm ngùi và tủi hổ chia sẻ với các bạn những yếu kém, ngu dại của chúng tôi khi thống nhất đất nước. Đó là thái độ huênh hoang, kiêu ngạo mang đặc tính cộng sản : "đánh bại tên đế quốc siêu cường số 1 của thế giới", nhả tâm ngang ngược tổng cổ nửa triệu "ngụy quân ngụy quyền và đảng phái ngụy" vào hàng trăm nhà tù không qua xét xử, đánh quỵ bọn Khmer đỏ tấn công biên giới Tây Nam Việt Nam (là cần thiết), nhưng sau khi giúp nhân dân Cambốt khỏi họa diệt chủng quân đội Việt Nam đã ở lại chiếm đóng Cambốt 10 năm liền (để bị hy sinh hơn 50 ngàn binh sĩ trai trẻ trong thời bình một cách oan uổng) ; và chính cũng là do chính sách kiêu căng mang đặc tính cộng sản : phân biệt đối xử (đuổi dân thành phố đi vùng kinh tế mới, tận diệt tư sản, không cho con em "ngụy" vào đại học và nhận việc làm như mọi người) mà hàng triệu thuyền nhân phải

ra đại dương trên những tàu thuyền ọp ọp chính do các trạm công an cung cấp để thu vàng (có hàng chục ngàn người chết trên biển cho đến nay vẫn chưa ai thống kê nổi) ; nhân dịp này chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn các bạn Đức trên tàu Cap Anamur đã tham gia cứu vớt nhiều đồng bào Việt Nam chúng tôi trong một việc làm đầy nhân đạo, một nghĩa cử mà chúng tôi không bao quên.

Nhà báo Jean Lacouture, từng ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam, nhận xét một cách trung thực rằng nhóm lãnh đạo ở Hà Nội đã thực hiện chính sách chiếm đóng chứ không phải giải phóng miền Nam, và ông sáng tạo ra từ "autocolonisation" (tự thực dân hóa nước mình) để chỉ cái chính sách tệ hại ấy.

Vì men chiến thắng làm cho ngây ngất, nhóm lãnh đạo tự cao tự đại nuốt chửng lời cam kết long trọng hòa giải và hòa hợp dân tộc, làm cho vết thương hận thù và chia rẽ dân tộc không sao kín miệng suốt 30 năm nay, xúc phạm gần ba triệu đồng bào ngoài nước, chà đạp ước vọng thiêng liêng của hơn 80 triệu đồng bào ruột thịt trong nước.

Chúng tôi đã để mất đứt một thời cơ tuyệt vời để đưa cả dân tộc vươn dậy. Và do đó lại phung phí thêm 30 năm nữa trong một cuộc đổi mới què quặt.

Sau khi phạm những sai lầm kinh khủng trên đây, ban lãnh đạo đảng cộng sản vẫn một mực huênh hoang, không công nhận có sai lầm nào hết, còn cao ngạo kể lể công trạng giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, lại còn khiêu khích dư luận trong và ngoài nước đang đòi hỏi cấp bách một chế độ dân chủ đa nguyên đa đảng, rằng : họ quyết xây dựng "một nền dân chủ độc đảng", "quyết không đi chệch chủ nghĩa Mác-Lê"...

Sau 20 năm thực hiện "đổi mới" (từ 1986 đến nay) tuy đạt một số thành tích : GDP (tổng sản lượng gộp quốc gia) tăng hằng năm từ 7 đến 8% ; xuất cảng gạo, cao su, dầu thô, áo quần, giày dép khá cao ; thu hút đầu tư từ ngoài từ 2 đến 3 tỷ USD/năm ; thế nhưng những vấn đề tồn tại cực kỳ nghiêm trọng là : nạn tham nhũng tràn lan thành quốc nạn bất khả trị ; Việt Nam vẫn tụt hậu thê thảm so với các nước láng giềng như Thái Lan, Philippines, Malaysia ; tính cạnh tranh của nền kinh tế rất thấp (xếp thứ 81/117 nước) ; việc vào tổ chức thương mại thế giới WTO còn nhiều trắc trở ; nền giáo dục và y tế rất lạc hậu ; chiếc mũ lửa "CPC" (cần giám sát đặc biệt) vì chà đạp tự do tôn giáo vẫn chưa được cất bỏ.

Hiện nay, đảng cộng sản đang ráo riết họp đại hội đảng từ cơ sở, lên cấp quận-huyện, cấp tỉnh-thành, để đi đến đại hội toàn quốc lần thứ 10 vào tháng 5-2006. Các văn kiện cơ bản được bộ chính trị đảng cộng sản thông qua để định hướng cho đại hội rất giáo điều và bảo thủ. Vẫn nhắc đi nhắc lại như kinh thánh : kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, kiên trì chủ nghĩa xã hội, vẫn là kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vẫn là nền dân chủ của độc đảng, của một đảng duy nhất. Tất cả đều đi ngược lại mong muốn của đông đảo đảng viên, của đông đảo trí thức, văn nghệ sĩ trong và ngoài đảng, của tuổi trẻ, đi ngược xu thế hòa nhập với thế giới, trái ngược với những giá trị phổ quát của thời đại.

Các phương tiện truyền thông Hà Nội không ngớt khoa chiêng đánh trống về thành tích xóa đói giảm nghèo, nhằm xoa dịu sự phẫn nộ của nhân dân đối với nạn tham nhũng ngày càng có quy mô rộng lớn đến kinh hoàng, hàng trăm tỷ, ngàn tỷ đồng, hàng chục triệu, trăm triệu đô la, ở ngành thương nghiệp, dầu khí, xây dựng

nhà cửa, đường sá, bưu điện viễn thông, hải quan, điện lực... Quả thật sau hai cuộc chiến tranh kéo dài, đời sống các tầng lớp nhân dân đều có được nâng cao ít nhiều so với trước, nhưng tốc độ cải thiện lại chênh lệch ghê gớm. Nếu như ở nông thôn, tốc độ cải thiện theo tốc độ của xe bò, thì đời sống đô thị được nâng cao theo tốc độ xe đạp, còn tốc độ cải thiện của các cán bộ cấp cao của đảng và nhà nước thì được cải thiện theo tốc độ của xe ô tô. Riêng các đại gia phất to do bán chác chứt tước phẩm hàm, do làm có chỉ trò mới lái đầu cơ nhà đất, buôn lậu hàng cấm, thuốc phiện, độc quyền kiểu mafia buôn vũ khí... thì tài sản chúng phất lên theo tốc độ máy bay phản lực. Cảnh xóa đói giảm nghèo được một nhà văn quan sát kỹ và mô tả là thế. Về thực chất tài sản quốc gia, ngân sách quốc gia, đất đai của xã hội, nhà cửa của tư nhân, nghĩa là tài sản công và tư của toàn xã hội, của mỗi người dân đang bị cướp đoạt công khai, chia chác cực kỳ phi pháp và bất công ; đây là một cuộc cướp bóc tập thể, ngang nhiên, quy mô rộng khắp chưa từng có trong lịch sử Việt Nam, triệu phú hóa, tỷ phú hóa, cường chiếm nhà đất, biệt thự... theo tốc độ phi mã một thiểu số cực quyền, trên cơ sở bản cùng hóa tương đối tuyệt đại đa số nhân dân. Tầng lớp tư bản đỏ được hình thành nhanh chóng, giàu sụ lên dựa vào chế độ độc đảng, đảng ngồi trên luật pháp, đứng ngoài luật pháp, một mình một chiếu, thoát ly mọi kiểm tra, kiểm soát của xã hội, bịt tai trước sự lên án, khinh thị và nguyền rủa của nhân dân và những người lương thiện.

Chính vì môi trường thuận cho một cuộc cướp bóc không gì kiềm chế nổi như thế mà bộ chính trị - nhóm lãnh đạo cộng sản nhu nhược và tham nhũng - mất hết lương tâm cách mạng, mất hết liên hệ với nhân dân, trở nên thoái hóa và phản động đến mức tệ hại, ra sức duy trì hiện trạng, núp sau những khẩu hiệu tá khuynh, cực đoan, như "đổi mới chứ không đổi màu", "đa đảng là rối loạn", "nguy cơ diễn biến hòa bình", "kiên trì chủ nghĩa xã hội", "đề phòng nguy cơ chệch hướng", "thực hiện dân chủ độc đảng", "bảo vệ đảng, bảo vệ cách mạng đến cùng".

Khắp cả nước tôi hiện nay, bên cạnh cờ búa liềm của đảng cộng sản, hàng triệu tranh màu lớn in hình Karl Marx và Lênin được trưng ra, bắt buộc mọi người phải đứng dậy chào trong nhạc quốc tế ca mở đầu mỗi cuộc họp đại hội đảng cộng sản từ cấp xã lên đến toàn quốc. Vâng, một người Đức và một người Nga đã chết từ lâu vẫn đang bị lợi dụng như thế để kéo dài một chế độ độc đảng lạc lõng giữa thế giới dân chủ. Điều mỉa mai là hai vị trên đây vốn hoàn toàn xa lạ với Việt Nam và về Việt Nam ; hai vị ấy, trong trước tác đồ sộ của mình, chưa hề một lần nào, một câu nào nói đến Việt Nam. Marx còn cho rằng phương thức sản xuất châu Á chứa đầy những điều bí hiểm đặc thù mà ông chưa tìm hiểu được. Ấy vậy mà tấm hình của nhà tư tưởng lớn người Đức này và tên tuổi ông đang được họ dùng làm xiềng xích nhằm thống trị lâu dài cả dân tộc tôi trong thân phận tôi đòi, nguyện vọng tự do báo chí, tự do tôn giáo và tự do bầu cử của công dân vẫn còn là hàng xa xỉ, vẫn chỉ là bánh vẽ trên giấy!

Có những đồ đệ nào của Marx, những nhà mác-xít nào đã trở nên hiềm hoi trên thế giới này dám vinh danh nhà tư tưởng vĩ đại của mình một cách quái gở và hỗn xược đến vậy ?

Xin cảm ơn các bạn.

Bùi Tín (Berlin)

172.008 nạn nhân trong Cải Cách Ruộng Đất

Đợt cải cách ruộng đất đẫm máu trong các năm 1955-1956 do chính quyền cộng sản phát động đã có bao nhiêu nạn nhân ? Câu hỏi nhức nhối này đã được đặt ra từ hơn nửa thế kỷ nay và chỉ có những giả thuyết rất khác nhau từ những chức sắc cộng sản. Có người đưa con số 20.000, có người 50.000, có người nói chỉ có vài ngàn và cũng có người nói số nạn nhân có thể lên đến hơn nửa triệu. Gần đây người ta vừa có được câu trả lời chính xác nhất : 172.008 người, trong đó sau này có 123.266 người (nghĩa là 71,66%) được chính thức xác nhận là oan.

Con số này được ghi trong một tài liệu được biên soạn rất công phu, in ấn rất thẩm mỹ nhưng có lẽ ít ai đọc : *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, do Viện Kinh Tế Việt Nam xuất bản. Có lẽ vì rất ít người đọc nên con số rất quan trọng này chưa được ai nhắc lại.

Trước hết là một câu hỏi : con số 172.008 này là những người bị giết hay là những người bị đem xét xử ? Tài liệu không nói rõ, nhưng giả thuyết đúng nhất vẫn là những người bị giết vì ít nhất ba lý do :

1. Tài liệu nói rằng đợt cải cách được thực hiện tại 3.563 xã với mười triệu dân và tỷ lệ được qui định trước là 5,68% (trang 85, tập II), một con số tùy tiện nhưng lại có dáng dấp như kết quả của một tính toán rất chính xác. Tỷ lệ này được các cai đội cải cách ruộng đất thi hành một cách máy móc, vì tài liệu nói các xã cổ "truy bức để dồn tỷ lệ địa chủ lên 5% như một qui định bắt buộc" (trang 86, Tập II). Nếu như vậy, tổng số người bị xét xử phải trên 500.000 người chứ không phải 172.008 người.

2. Không có, hay chỉ có rất ít, người bị xử án tử, vì ngay sau năm 1956 đợt cải cách ruộng đất đã bị coi là một sai lầm. Cũng không thấy tài liệu nào nói đến trường hợp những người bị đem xét xử được trắng án hay bị xử tử cả. Như vậy, phải hiểu rằng đã có khoảng 586.000 người bị xét xử, trong đó 172.008 người bị giết, những người khác đã bị hành hạ và sau đó được tha trong chính sách sửa sai.

3. Có một mâu thuẫn lớn giữa bản thống kê và báo cáo của bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam tháng 10-1956 về số đảng viên bị xét xử. Theo bảng thống kê thì tổng số nạn nhân "thuộc thành phần kháng chiến" là 586 người (trong đó có 290 người sau đó được coi là oan), trong khi theo báo cáo của bộ chính trị thì tổng số đảng viên bị "xử trị" lên tới 84.000 người. Đây là một sai biệt quá lớn. Như vậy phải hiểu rằng nạn nhân của bảng thống kê là những người đã bị giết. Bản báo cáo cũng ghi nhận : "hàng vạn đảng viên có nhiều công lao bị xử oan, phải chịu những nhục hình rất tàn khốc dã man". Như vậy rõ ràng con số 586 người "thuộc thành phần kháng chiến" bị giết chứ không phải bị "xử trị" hay bắt giam, con số 172.008 nạn nhân ghi trong bảng thống kê là những người bị giết.

Về thành phần của con số 172.008 nạn nhân này, bảng thống kê ghi như sau : *Địa chủ cường hào gian ác* : 26.453 người, trong đó 20.493 người bị oan (77,4%). *Địa chủ*

thường : 82.777 người, trong đó 51.480 người bị oan (62%). *Địa chủ kháng chiến* : 586 người, trong đó 290 bị oan (49%). *Phú nông* : 62.192 người, trong đó 51.003 người bị oan (82%). **Tổng cộng : 172.008 nạn nhân**, trong đó 123.266 người bị oan : 71,66%.

Cũng cần lưu ý rằng đây chỉ là những nạn nhân thuộc thành phần nông dân. Ngoài ra còn có một đợt cải tạo "tư sản mại bản" cũng đẫm máu không kém nhưng số nạn nhân ít hơn vì giới buôn bán chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ.

Đợt cải cách ruộng đất này là một cuộc thảm sát hàng loạt và một tội ác đối với loài người theo công ước quốc tế, vì một trong những tội ác đối với loài người được qui định rõ ràng là hành hạ, ngược đãi hoặc giết một số người vì thành phần xã hội, tín ngưỡng hoặc quan điểm của họ.

Sau tội ác kinh khủng và được chính đảng cộng sản nhìn nhận này, các thủ phạm đã bị xử lý ra sao ?

Trường Chinh từ chức tổng bí thư đảng nhưng vẫn ở lại bộ chính trị, làm chủ tịch quốc hội, sau đó làm chủ tịch nước và tổng bí thư đảng, lúc chết được quốc táng. *Lê Văn Lương*, mất chức trong bộ chính trị và ban bí thư đảng, nhưng sau đó được vào trở lại bộ chính trị kiêm bí thư thành ủy Hà Nội. *Hồ Viết Thắng* từ chức khỏi ban chấp hành trung ương đảng. *Hoàng Quốc Việt*, một cấp lãnh đạo chủ chốt của đợt cải cách ruộng đất, được chuyển qua làm chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc. *Tổ Hữu*, trưởng ban tuyên truyền trung ương và là một cổ động viên điên cuồng cho tội ác này, từng viết những câu thơ ghê rợn như : "*Giết, giết nữa bàn tay không chút nghỉ ; Cho ruộng đồng lúa tốt thuê mau xong*", tiếp tục được lên chức. Sau này, khi đã về già, *Tổ Hữu* viết trong hồi ký (xuất bản năm 2000) như sau : "*Không thể kể hết những cảnh tượng bi thảm mà những người bị qui oan là địa chủ, ác bá phải chịu đựng ở những nơi được phát động*", nhưng không nói gì đến những người "không bị qui oan". Các cán bộ lau nhau của các đội cải cách ruộng đất dĩ nhiên không hề gì.

Tập *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000* này dự trù gồm ba tập. Tập I (662 trang) viết về giai đoạn 1945-1954, tập II (1.177 trang) nói về giai đoạn 1955-1975 và tập III, chưa hoàn tất về giai đoạn 1975-2000.

Tất cả mọi người Việt Nam muốn thực sự hiểu biết về sự chuyển động của xã hội Việt Nam trong một nửa thế kỷ vừa qua bắt buộc phải đọc tài liệu này. Người ta có thể tìm thấy hầu như tất cả những gì mình muốn tìm hiểu về các diễn biến chính trị lẫn những nhân vật lãnh đạo cộng sản Việt Nam trong giai đoạn cải cách ruộng đất. Đúng là một kho tài liệu vô giá.

Các tác giả là những trí thức có tầm cỡ lớn tại Việt Nam hiện nay. Có những nhận định mà một số đồng người không thể chia sẻ (thí dụ như cho rằng những người trách nhiệm trong đợt cải cách ruộng đất đã bị chế tài đích đáng) nhưng trong các sự kiện họ đã tỏ ra rất trung thực.

Một lý do nữa để cần phải mua, và mua ngay, tập tài liệu này vì nó đã chỉ được phép in ấn và phát hành nhờ sự lơ đãng của các cấp lãnh đạo cộng sản. Tài liệu này rất có thể sẽ bị tịch thu, nhất là sau bài viết này.

Võ Xuân Minh (Paris)

BỨT PHÁ MẠNH DẠN VỀ TƯ DUY

Nguyễn Minh Cần

Sau bài "Đại đoàn kết dân tộc, cội nguồn sức mạnh của chúng ta", ông Võ Văn Kiệt lại vừa tung ra một tác phẩm mới - bản "Góp ý kiến vào báo cáo tổng kết lý luận và thực tiễn hai mươi năm đổi mới".

Đây là một sự kiện đáng lưu ý trong đời sống chính trị của Việt Nam. Vì nó là văn bản của một nhân vật đã từng đứng vào hàng cao cấp nhất của đảng cộng sản và nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa công khai trình bày quan điểm của cá nhân mình nhân dịp chuẩn bị đại hội đảng, đồng thời nói đến những sai lầm của đảng cộng sản - dù là lời nói đó quá muộn màng, sơ sài, và không đầy đủ so với biết bao nhiêu người đã nói hàng chục năm trước đây và còn đang bị đau khổ vì những lời nói thẳng thắn của mình.

Bất kể văn kiện này được tác giả của nó tung ra với động cơ chính trị nào trong tình hình đấu tranh phe phái hiện nay ở Việt Nam, nhưng nó cũng mang tính tích cực vì có thể tạo điều kiện cho những ai quan tâm đến số phận của Tổ quốc và dân tộc chịu động não đôi chút để nghĩ đến tiền đồ của đất nước và của thế hệ mai sau, tức là con cháu ruột thịt của mình. Nó cũng tạo dịp tốt để những người dân chủ trong nước khơi dậy những cuộc trao đổi ý kiến rộng rãi trong dân chúng nhằm lắng nghe ý kiến của người dân và truyền bá quan điểm dân chủ về các vấn đề căn bản của đất nước, tạo một dư luận xã hội sôi nổi ngay trước ngày họp đại hội đảng lần thứ 10.

Ông Võ Văn Kiệt vốn là nhân vật lãnh đạo số một ở miền Nam Việt Nam trước và sau sự kiện tháng 4 năm 1975, sau này ông lại là thủ tướng chính phủ Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong nhiều năm. Tên tuổi của ông gắn với biết bao sự kiện đau buồn của đất nước trong 30 năm qua, kể từ năm 1975. Ông "có vai trò lớn" trong việc đàn áp tệ hại các tôn giáo, trả thù hèn mạt những người trong chế độ cũ, "bỏ tù nhiều năm trong các trại cải tạo hàng loạt công chức, sĩ quan, binh lính, thậm chí cả những trí thức, văn nghệ sĩ, tráo trở gạt bỏ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam", vứt bỏ Chính phủ lâm thời miền Nam Việt Nam, tổ chức nhiều đợt cải tạo công thương nghiệp, "đánh tư sản mại bản" để cướp đoạt tài sản của người dân, đàn áp những trí thức yêu nước đòi tự do, dân chủ, đàn áp "Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ", bắt bớ ông Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng và những người đứng đầu khác của Câu lạc bộ. Ông cũng là người cho tổ chức những đợt "vượt biên bán chính thức" hồi cuối thập niên 1970 để vớt vət bằng bạc của người dân trước khi thả họ ra biển cả. Việc ô nhục nhất là khi làm thủ tướng là ông đã ký tên vào cái "nghị định 31/CP" mang tính phát-xít cho phép công an tùy tiện quản chế bất cứ ai không cần chứng cứ, không cần tòa án, làm tăng cường thêm cái chế độ "công an trị" trên đất nước ta. Cho đến bây giờ cái nghị định đó vẫn còn nguyên hiệu lực và biết bao người trí thức dân chủ, những người cách mạng bất đồng chính kiến với ban lãnh đạo Đảng, những vị tu

hành của các tôn giáo, như Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Tin Lành, Phật giáo Hòa hảo... vẫn còn đang bị "cầm tù tại gia" bởi cái nghị định đó.

Với một con người có nhiều "thành tích" như vậy, ít ai có kỳ vọng ở bản "Góp ý kiến..." của ông ta sẽ mở ra một con đường mới mẻ, thật sự cần thiết cấp bách cho đất nước và dân tộc. Mà thật vậy, đằng sau những từ ngữ rất... "hoành tráng" theo văn phong ưa chuộng của giới lãnh đạo Việt Nam, như "trước hết đòi hỏi một sự bứt phá mạnh dạn về tư duy, về đường lối, về tổ chức...", người ta có thể dễ dàng nhận thấy là ông Võ Văn Kiệt về cơ bản vẫn cứ đứng yên tại chỗ mà không có một chút "bứt phá mạnh dạn" nào.

Tôi muốn nói đến vấn đề mà ông Kiệt quan tâm nhất đặt lên hàng đầu : chủ nghĩa Marx-Lenin. Ông Kiệt viết : "Từ bao nhiêu năm nay, lúc nào chúng ta cũng khẳng định rằng : chủ nghĩa Marx-Lenin là nền tảng tư tưởng của Đảng, là kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam. Chưa bao giờ chúng ta chủ trương làm trái chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng tại sao chúng ta vẫn mắc nhiều sai lầm ? Nếu có một kim chỉ nam trên tay, thì khó có thể lạc hướng. Nhưng tại sao vẫn có những giai đoạn lạc hướng". Rồi ông đi đến kết luận : "Điều đó chứng tỏ rằng chúng ta không đọc được những mã số của nó. Vậy vấn đề bây giờ không còn là nêu lên những khái niệm chung chung, mà phải xác định rõ nội hàm của những khái niệm đó". Ở một đoạn khác, ông Kiệt nói thêm : "...lâu nay không có một đảng cộng sản hay công nhân nào nói rằng không đi theo chủ nghĩa Marx-Lenin, không kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin. Nhưng mỗi đảng đi theo một con đường khác nhau, đảng này lại còn phê phán đảng kia là làm sai những nguyên lý của chủ nghĩa Marx-Lenin. Vậy là có nhiều cách hiểu về chủ nghĩa Marx-Lenin".

Nói một cách khác, ông Võ Văn Kiệt chủ trương là đảng cộng sản vẫn phải kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin, vẫn phải lấy chủ nghĩa Marx-Lenin làm nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ có điều là phải "đọc được những mã số của nó", "phải xác định rõ nội hàm của những khái niệm" của chủ nghĩa Marx-Lenin. Cái gọi là "đọc được những mã số của nó" quả thật là một câu bí hiểm đánh đố người đọc, nó vừa huênh hoang, vừa rỗng tuếch, không có nội dung gì thực tế. Còn cái gọi là "nội hàm" (hay nói dễ hiểu hơn, nội dung cơ bản) của chủ nghĩa Marx-Lenin thì phải chăng là không có, mà đến bây giờ cần phải xác định rõ ? Thực ra, nó nằm sờ sờ trong các tác phẩm, các văn bản của những người mà giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam tôn vinh là "những nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lenin". Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin bao gồm bốn điểm được coi là bốn trụ cột bất di bất dịch của chủ nghĩa Marx-Lenin, nghĩa là không có chúng thì không còn là chủ nghĩa Marx-Lenin nữa. Thứ nhất, là học thuyết đấu tranh giai cấp ; thứ hai, là đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân

nhất định phải đi đến chuyên chính vô sản ; thứ ba, là đảng cộng sản phải độc quyền lãnh đạo, tuyệt đối không được phân chia quyền lãnh đạo đó cho bất cứ đảng nào ; và thứ tư, là chủ nghĩa tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức của đảng cộng sản và của hệ thống chính trị do đảng độc tôn thống trị (xin chú ý : chủ nghĩa tập trung dân chủ, chứ không phải chủ nghĩa dân chủ tập trung, vì theo những người lãnh đạo đảng cộng sản, tập trung là chính, là cơ bản). Từ ông Marx đến ông Lenin, ông Stalin, ông Mao Trạch Đông, và các ông lãnh tụ khác đều khẳng định bốn cái cốt lõi đó. Trên 80 năm qua, các đảng cộng sản ở các nước gọi là xã hội chủ nghĩa đã dựa trên bốn trụ cột đó, tức là đã "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin". Kết quả thì thế nào ? Nếu ông Võ Văn Kiệt "xác lập một thái độ trung thực và có trách nhiệm, dám nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật" - như ông đã nhắc nhở - thì chắc ông phải thấy rõ ràng rằng ở các nước xã hội chủ nghĩa mà đảng cộng sản "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin", thì bao nhiêu đầu rơi máu chảy, bao nhiêu đau thương tang tóc, hàng chục triệu người đã chết oan uổng, bao nhiêu lực lượng sản xuất đã bị lãng phí... để cuối cùng xác lập nên một chế độ cực quyền toàn trị độc ác khủng khiếp, không kém gì chế độ của phát xít. Trên thế giới, chưa hề có một nước nào do đảng cộng sản "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin" mà thực hiện được ước mơ tốt đẹp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Như vậy, không phải vì các đảng cộng sản đó chưa "xác định rõ nội hàm" của chủ nghĩa Marx-Lenin mà phải thẳng thắn nói rõ là thực tiễn đã chứng tỏ rằng chủ nghĩa Marx-Lenin không thể làm "kim chỉ nam" đúng đắn được. Lịch sử thế giới trên 80 năm qua đã chứng minh điều đó. Thế mà đến bây giờ ông Kiệt vẫn nói loay quanh "phải xác định rõ nội hàm" thì có khác gì hai mươi năm trước, khi bắt đầu đổi mới, nghĩa là khi đã thấy rõ (nếu nói nhẹ một tí)... sự "bất cập", "bất lực" của chủ nghĩa Marx-Lenin, ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam đã từng quyết nghị : "cần phải có nhận thức đúng về chủ nghĩa Marx-Lenin" - mà chính ông Kiệt cũng thấy rõ đấy : hai mươi năm sau... đảng cộng sản vẫn chưa thể đưa ra "nhận thức đúng về chủ nghĩa Marx-Lenin" là như thế nào cả ! "Phải xác định rõ nội hàm" chỉ là một câu nói nhằm trốn tránh sự thật, để "hoãn binh", trong lúc thực ra cần phải giải quyết dứt khoát "vấn đề của mọi vấn đề" để đất nước tiến lên.

Nếu đã nói như ông Kiệt "cần phải có một sự bứt phá mạnh dạn về tư duy..." thì phải nói thẳng ra rằng sự bứt phá mạnh dạn đó chính là phải từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin, một chủ nghĩa đã bị thực tiễn lịch sử gạt bỏ. Khác với ông Kiệt, nhiều người dân chủ Việt Nam trong và ngoài nước từ lâu đã nói dứt khoát như vậy. Và "nội hàm" của khái niệm từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin cũng đã từng được nêu ra rất cụ thể :

Trước tiên, là phải xóa bỏ điều 4 trong Hiến pháp hiện hành, tức là xóa bỏ quyền thống trị độc tôn của đảng cộng sản ; thứ hai, phải tách đảng cộng sản ra khỏi chính quyền nhà nước, xóa bỏ tình trạng nhập nhằng hiện nay và làm cho chính quyền, quân đội, công an thực sự là của nhân dân, không một đảng phái nào được thao túng ; thứ ba, tổ

chức đầu phiếu thật sự dân chủ và tự do để cử các cơ quan lập pháp, hành pháp ; thứ tư, ban hành và bảo đảm thực thi các quyền tự do dân chủ, trước tiên là tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do tôn giáo, đồng thời xóa bỏ ngay những đạo luật, cũng như những văn bản dưới luật vi phạm các quyền tự do dân chủ nói trên, trước tiên là bãi bỏ nghị định 31/CP ; thứ năm, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp phải phân lập rõ rệt ; thứ sáu, xây dựng một xã hội dân sự mạnh mẽ ; và thứ bảy, phải xây dựng Hiến pháp mới cho nước Việt Nam mới được thông qua bởi một cuộc bỏ phiếu toàn dân. Đó chính là những việc làm cụ thể để xóa bỏ chế độ cực quyền toàn trị, nhằm xây dựng một chế độ dân chủ, tự do đích thực, tức là một chế độ dân chủ đa nguyên, tạo điều kiện cho đất nước tiến lên mạnh mẽ, thoát khỏi nguy cơ tụt hậu.

Vấn đề, theo tôi, đặt ra rõ ràng, cụ thể và dứt khoát như vậy, mà sao ông Kiệt lại tránh né, không dám nói đến ? Mà sao ban lãnh đạo đảng cộng sản lại không dám đặt ra để trong toàn đảng cộng sản thảo luận ? Sở dĩ như vậy, vì nếu từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin thì giai cấp thống trị quan liêu, tức là giai cấp các "quan cách mạng" hiện nay nhất định sẽ bị tiêu vong, cái ách mà đảng cộng sản đã đặt lên đầu người dân được tô son trát phấn bằng cái khẩu hiệu lừa mị "đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ" nhất định sẽ bị vứt bỏ, nhân dân nhất định sẽ được giải phóng. Chính vì sợ mất quyền mất lợi, mà họ phải nói quanh, nói "bí hiểm", nói mơ hồ, "nói để mà nói". Ông Kiệt làm ra vẻ là người "tiến bộ", nhưng thực chất ông cũng không hơn gì ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay.

Bây giờ xin bàn đến vấn đề mà ông Kiệt gọi là "phương pháp tư tưởng", trong đó ông vạch những cái gọi là phương pháp tư duy "tả khuynh" trong đảng qua các thời kỳ. Thực ra, trước ông Kiệt rất lâu, nhiều người - kể cả những người trong đảng cộng sản - đã vạch ra những sai lầm đó của đảng cộng sản, đầy đủ, thẳng thắn và sâu sắc hơn ông Kiệt rất nhiều. Chẳng hạn, ta thấy ông Kiệt tránh không nhắc đến "vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm", "vụ án Xét lại-Chống Đảng", vụ giải tán Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam và giải tán Chính phủ lâm thời miền Nam Việt Nam, vụ đàn áp Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, v.v... Nhưng thôi, cái đó chưa phải là vấn đề đáng nói ở đây. Vấn đề đáng nói là ông quy những sai lầm đó vào "phương pháp tư tưởng", hàm ý những sai lầm đó chỉ là do phương pháp tư duy "tả khuynh" mà thôi. Cách đặt vấn đề như thế không đúng, vì thật ra những cái mà ông gọi là sai lầm "tả khuynh" đó nằm ngay trong bản chất của chủ nghĩa Marx-Lenin, chúng là biểu hiện của chủ nghĩa Marx-Lenin. Nếu chúng ta bình tĩnh đọc lại "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" hay những tác phẩm của ông Marx viết về Công xã Paris chẳng hạn, thì thấy - so với thực tiễn - có nhiều điều ông Marx nói sai, "tả khuynh" rõ rệt, thậm chí "không tưởng". Đến thời ông Lenin thì lại càng có nhiều điều "tả khuynh" nữa. Chẳng hạn như, ông Lenin đã thực hiện cái gọi là "chủ nghĩa cộng sản thời chiến", ông Lenin nhận định chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản già yếu, là đêm trước của cách mạng vô sản, nên ông vội vã huy động lực lượng

giai cấp vô sản gấp rút làm cách mạng thế giới, v.v. và v.v. Đến thời ông Stalin, ông Mao Trạch Đông - hai ông này cũng là những nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lenin đấy - biết bao nhiêu chủ trương, chính sách của hai ông đều đáng gọi là "đại tả khuynh". Chính vì "xu hướng tả khuynh" nằm trong bản chất của chủ nghĩa Marx-Lenin, nên khi một cán bộ cộng sản phạm sai lầm "tả khuynh", thì nói chung họ không hề bị kỷ luật nặng, thậm chí có khi còn được coi là "lập trường giai cấp vững" chỉ có "phương pháp tư tưởng" sai mà thôi. Có thể có người sẽ phản đối tôi bằng cách đưa ra dẫn chứng là trong cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc có bốn ông "trùm sở" lãnh đạo cải cách ruộng đất (các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng) đã bị thi hành kỷ luật. Đúng, họ có bị "thi hành kỷ luật", nhưng cái kiểu kỷ luật đó thực tế chỉ là trò "giơ cao đánh khẽ" để xoa dịu nổi bất bình đang dâng lên hừng hực của dân chúng và đảng viên cán bộ mà thôi. Thi hành kỷ luật cái gì khi cả bốn ông đó đều được chuyển sang những cương vị lãnh đạo vào loại cao nhất ở các cơ quan đảng và chính quyền ! Thử hỏi rằng cái gọi là "kỷ luật" đó có cân xứng với việc thăm sát hàng nghìn người dân và đảng viên vô tội, bắt bớ, tù đầy hàng chục nghìn người vô can, làm đảo lộn cả nếp sống và đạo đức truyền thống của xóm làng Việt Nam hay không ? Tóm lại, theo cách nhìn thông thường của giới lãnh đạo đảng cộng sản thì sai lầm gọi là "tả khuynh" chẳng qua chỉ là chứng tỏ người cán bộ đó có "lập trường vững" mà thôi. Họ chỉ sai về "phương pháp tư tưởng" nên đáng được chiếu cố! Còn những người bị đảng cộng sản quy kết cho cái tội gọi là chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại (mà lắm khi sự quy kết đó rất sai lầm) thì bị coi như là phản động, bị đảng chì chiết, trừ ếm họ, bị thành kiến lâu dài, và "sinh mệnh chính trị" của họ thế là tiêu vong.

Như tôi đã trình bày trên, cái mà ông Kiệt gọi là phương pháp tư duy "tả khuynh" hay "xu hướng tả khuynh" chính là nằm trong bản chất chủ nghĩa Marx-Lenin. Vì thế, không thể nói vẫn phải tiếp tục "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin" mà chỉ cần thay đổi "phương pháp tư tưởng" thôi. Muốn tránh những cái gọi là "tả khuynh" đó, đã từng gây ra biết bao tai họa cho người dân thì rõ ràng chỉ có một cách là từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin.

Nhìn lại lịch sử của đảng cộng sản Liên Xô và các đảng cộng sản khác, ta đều thấy rất rõ cái "lập trường giai cấp" nhất quán của họ. Chẳng hạn, đối với vấn đề "thị trường". Theo chủ nghĩa Marx-Lenin thì phải triệt tiêu cái gọi là "thị trường tự do" thì mới thực hiện được chủ nghĩa xã hội. Dưới thời Lenin, chính sách triệt tiêu đó đã đưa đất nước đến khủng hoảng trầm trọng, công nhân, nông dân cực kỳ bất mãn, chính quyền Xô-viết có nguy cơ sụp đổ, Lenin phải vội vã đưa ra "chính sách kinh tế mới" nới cho người dân được buôn bán, nên "quy luật thị trường" được phát huy tác dụng, nhờ đó kinh tế được phục hồi. Cái gọi là "mở cửa" của Trung Quốc, "đổi mới" của Việt Nam sau này cũng làm theo cách đó của Liên Xô. Đến khi kinh tế Liên Xô cứng cáp lên được một tí thì Stalin phớt bỏ "chính sách kinh tế mới", lại tiếp tục bóp nghẹt "thị trường tự do" đúng

tinh thần triệt tiêu thị trường tự do của Marx. Lại khủng hoảng kinh tế, nên đến thời Khrushchev lại phải nới ra cho "thị trường tự do" được thoi thóp thở, bằng cách cho phép nông dân nông trang được nuôi bò, cừu, dê riêng (tất nhiên, với số lượng rất hạn chế) và cho mở "chợ nông trang" để nông dân đem sản phẩm làm được trên "mảnh ruộng phân trăm" và chăn nuôi gia đình ra bán ở chợ. Kinh tế phục hồi được một chút thì đến thời Brezhnev lại bóp nghẹt "thị trường tự do", lại khủng hoảng nặng nề, đến thời Gorbachev lại "cải tổ" cổ mở rộng "thị trường tự do", nhưng rồi cuối cùng thì Liên Xô sụp đổ, kéo theo sự suy bại của đảng cộng sản. Và bây giờ thì ở Nga nền kinh tế thị trường mở rộng như ở các nước khác và người dân thấy dễ thở hơn trước.

Hay đối với vấn đề gọi là "đoàn kết dân tộc" cũng thế, khi thế lực của đảng cộng sản còn yếu thì họ cố sức kêu gọi đoàn kết, họ cố lôi kéo cả các giai cấp mà trong lòng họ cho là thù địch, như địa chủ, tư sản, trí thức tư sản, họ làm ra vẻ hiền lành với các đảng phái mà họ chưa diệt được, nhưng khi có lực lượng vững vàng rồi họ lần lượt đấu tố địa chủ, đấu tố tư sản, tước đoạt tài sản của những người này, rồi tiêu diệt các đảng phái chống đối họ, thậm chí giải tán cả những "đảng bạn" đã từng theo họ làm trò "tung hứng" suốt mấy chục năm trường. Đối với cái gọi là "lực lượng thứ ba" cũng thế, khi cần lôi kéo vào "mặt trận" này, "mặt trận" nọ, lập "chính phủ lâm thời", còn khi đã đạt được mục tiêu chính trị của mình rồi thì "a-lê, hấp !", nói thẳng ra là "đá đít". Những cái ngoắt ngoéo kiểu dích-dắc này chẳng nhẽ gọi đó là "tả khuynh", là "phương pháp tư tưởng" sai ? Phải thẳng thắn nói rõ đó là sách lược, là chiến thuật giai đoạn của những người theo chủ nghĩa Marx-Lenin, là "lập trường giai cấp" của đảng cộng sản.

Bản "Góp ý kiến..." của ông Võ Văn Kiệt nêu ra rất nhiều vấn đề. Để không làm mệt óc bạn đọc, người viết chỉ xin đề cập đến một vấn đề quan trọng nhất mà ông Kiệt đã đưa lên hàng đầu là vấn đề chủ nghĩa Marx-Lenin, và một lần nữa xin nói rõ là : cần phải dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin, vì nó là "nguyên nhân của nguyên nhân" (từ ngữ này của ông Kiệt) của tình trạng độc tài toàn trị, tham nhũng tràn lan và tụt hậu trầm trọng của đất nước, tình trạng vô quyền và khốn khổ của người dân. Từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin chính là sự bứt phá mạnh mẽ nhất về tư duy, dẫn đến sự bứt phá về đường lối và tổ chức. Chỉ có một sự bứt phá thật sự như vậy mới tạo tiền đề cho việc xây dựng một đất nước tự do, dân chủ, giàu mạnh, để đất nước vươn lên thoát khỏi tình trạng tụt hậu thê thảm hiện nay.

Nguyễn Minh Cần (Moskva)

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng phát triển kinh tế chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, vì thế cần phát huy một văn hóa kinh doanh, tôn vinh cố gắng làm giàu chính đáng và gây một tâm lý tin tưởng và lạc quan trong xã hội".

Mao đã từng là ông thánh của chúng tôi

Jung Chang
Phạm Việt Vinh dịch

*Xếp hàng ở Trung Quốc ? Khi đó, bạn sẽ chẳng đi được đâu cả - Jung Chang nói vậy. Ở Phương Tây, hàng triệu cuốn sách của nhà văn nữ này đã được bán, còn ở Trung Quốc thì đó là hàng cấm. Jung Chang, năm nay 53 tuổi, nổi tiếng thế giới với *Dàn thiên nga hung dữ*, tác phẩm tự thuật về gia đình bà. Bà lớn lên ở Trung Quốc dưới thời Mao. Trong cuộc Cách mạng Văn hóa, bà phải làm nghề điện. Sau này, bà nghiên cứu Anh ngữ và được cấp học bổng sang London. Giờ đây, cùng với chồng, bà vừa viết xong một bộ tiểu sử của Mao. Dưới đây là cuộc phỏng vấn bà do Deike Diening và Stephanie Flamm thực hiện.*

(Báo *Tám gương* hàng ngày, CHLB Đức, 2-10-2005).

- Năm 1978, khi bà đến London, Châu Âu đang ngưỡng mộ Mao. Ông ta đã được Andy Warhol thần tượng hóa. Hồi đó, bà nghĩ thế nào về điều này ?

- Tôi đã rất buồn, nên đã không nói cho ai biết tôi là người Trung Quốc. Tôi luôn khai tôi là người Nam Triều Tiên.

- Mặc dù vậy, Trung Quốc vẫn gắn chặt lấy bà. *Dàn thiên nga hung dữ*, cuốn sách cuối những năm 80 mà bà viết về gia đình bà, có thể tìm thấy ở bất kỳ một hiệu sách nghiêm túc nào.

- Nguyên cớ là mẹ tôi. Năm 1988, khi tôi đã ở Anh được 10 năm thì bà sang thăm tôi, và ở đây, bỗng dưng bà nói những chuyện mà ở Trung Quốc chúng tôi chưa bao giờ nói tới. Mẹ tôi ở chỗ tôi 6 tháng. Khi tôi đến Viện làm việc, mẹ tôi ngồi nhà và nói vào máy ghi âm.

- Chuyện ấy xảy ra 12 năm sau cái chết của Mao.

- Nhưng hồi đó đất nước này mới bắt đầu thay đổi. Mẹ tôi phải đi sang Phương Tây để có thể đoạn tuyệt được với những năm tháng kinh khủng. Đối với bà thì đó là một chuyến nghỉ dài. Mẹ tôi kể về bà tôi, khi còn trẻ đã từng làm nàng hầu cho một ông quan địa phương ở Yixian phía Đông Bắc Bắc Kinh, và luôn phải bó chân. Mẹ tôi kể về quân chiếm đóng Nhật Bản, và về cha tôi. Lần đầu tiên, bà đã phê phán cha tôi một cách cay đắng.

- Cha bà là một người cộng sản sùng tín ?

- Sống chung với cha tôi rất khó. Năm 1949, khi tại nhiều vùng vẫn còn nội chiến, cha mẹ tôi cùng một nhóm những người cộng sản phải từ Mãn Châu Lý rút về Tứ Xuyên ở phía nam Trung Quốc. Cha tôi là sỹ quan cao cấp, theo ngôi thứ cộng sản thì ông có quyền sử dụng một chiếc xe Jeep, hay là một con ngựa. Hồi đó, mẹ tôi mang thai nhưng lại mới vào Đảng. Cha tôi ép mẹ tôi phải đi bộ trên 2000 km.

- Mặc cho mẹ bà đang sắp sinh con ?

- Đứa trẻ đã chết, vì cha tôi không muốn có trường hợp ngoại lệ. Trong thời Mao, đó là một hành động gương mẫu. Chỉ khi đến thăm tôi ở London, mẹ tôi mới suy xét lại chuyện này.

- Năm 1993, bà đã cùng với chồng là Jon Halliday bắt tay vào việc viết tiểu sử của Mao. Phải chăng, việc này cũng có một nguyên cớ nào đó ?

- Không, đơn giản là chúng tôi chỉ muốn biết nhiều hơn về người đàn ông này, muốn từ dữ kiện này đến dữ kiện kia tái tạo cuộc đời của ông ta. Và thành thật mà nói, lúc đầu chúng tôi đã không biết là công việc sẽ cần bao nhiêu công sức, chỉ nghĩ chắc là sẽ nhiều. Nhưng tôi hoàn toàn không biết sẽ là bao nhiêu.

- Cuốn sách - vừa được dịch sang tiếng Đức, xét lại một cách triệt để bức tranh của nhà lãnh tụ cách mạng Trung Quốc này. Bà mô tả ông ta như là một ác thú không tìm; nó tự nói về mình như sau: "Người như ta luôn hướng tới sự phá phách".

- Ông ta không phải là một người cộng sản sùng tín, nhưng là một kẻ cực đoan. Thời còn trẻ, ông ta đã trải qua một cuộc khởi nghĩa nông dân theo mô hình Lenin tại tỉnh Hồ Nam quê ông ta. Ông ta thích bạo lực, thứ mà chủ nghĩa cộng sản có thể châm ngòi. Đối với ông ta, cái chết là lý do để vui mừng. Năm 1957, tại Moscow, ông ta đã nói với Khrushchev: "Để giành thắng lợi cho cách mạng thế giới, chúng tôi sẵn sàng hy sinh 300 triệu người Trung Quốc". Ngay cả những người Xô Viết cũng hoang mang về phát biểu này.- Cho đến lúc đó, những người Xô Viết đã trợ sức cho Mao, mặc dù, khác hẳn với thông tin trong bất kỳ cuốn từ điển nào, Mao rõ ràng không phải là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Trung Quốc.

- Những tài liệu mà chúng tôi tìm thấy trong lưu trữ của Quốc tế Cộng sản tại Moscow đã cho thấy là Đảng Cộng sản Trung Quốc đã được dựng lên vào năm 1920 do lệnh từ Moscow, chứ không phải là do Mao thành lập vào 1921 như người ta vẫn khẳng định. Mao đã trắng trợn giả tạo lịch sử. Nhưng không phải chỉ ở điểm này. Ngay cả vai trò của ông ta trong cuộc trường chinh...

- ...tức là cuộc rút chạy về Bắc Trung Quốc, khi mà những người cộng sản đã thất bại sau cuộc nổi dậy vào năm 1934...

- ... cũng không đúng như huyền thoại được

tuyên truyền. Những trao đổi do chính phủ Anh Quốc ghi lại được từ Moscow cho thấy là hồi đó những đồng chí của Mao đã không muốn có Mao trong cuộc trường chinh. Họ cho rằng Mao là người tráo trở, và họ đã có lý. Mao đã lợi dụng cuộc trường chinh để lường gạt đối thủ của ông ta là những vị tư lệnh Hồng quân.

- Bà đã viết trong cuốn sách của mình về một chặng đường vòng 2000 km.

- Chuyển đi kéo dài 4 tháng. Cuối cùng đội quân của Mao chỉ còn lại một phần mười. Mới đầu tôi hoàn toàn không hiểu được điều này. Nó không phục vụ cho lợi ích của cách mạng. Nhưng sau đó tôi đã nhận ra là tổn thất này chẳng có tí ý nghĩa gì đối với Mao. Mao cho rằng người ta có thể hủy bỏ Hồng quân và gây dựng một đội quân từ những người khác.

- Nếu điều đó rõ ràng như vậy, tại sao lại chẳng có ai phát hiện ra ?

- Tôi cho rằng lý cơ ở đây không phải là ý thức hệ, mà là ngôn ngữ. Chúng tôi đã gặp may. Jon - chồng tôi, lục lợi đồng lưu trữ ở Moscow, còn tôi thì đảm nhận phần tiếng Trung Quốc. Thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau và thông báo cho nhau biết mình đã tìm được những gì. Mọi chuyện rất ly kỳ.

- Điều gì đã hấp dẫn bà như vậy ?

- Đó là những suy tính của Mao. Ông ta cực kỳ thông minh, và là một nhà chiến lược khôn khéo. Ông ta đã rất sớm nhận ra là chỉ có chế độ Xô Viết mới có khả năng mang lại cho mình quyền lực. Tiền và súng đạn sẽ do Moscow cung cấp.

- Và ngoài ra, chủ nghĩa cộng sản là một ý thức hệ quyến rũ nhất của thế kỷ 20. Nó hứa mang lại cho con người một xã hội không còn giai cấp.

- Điều này Mao chẳng quan tâm. Đối với ông ta, chủ nghĩa cộng sản là chế độ thống trị phù hợp nhất đối với mình. Chúng tôi không hề tìm thấy bất kỳ một bằng chứng nào cho thấy có một lần nào đó ông ta đọc diễn văn công khai hứa hẹn mang lại nhiều nhà thương, trường học hay là một cuộc sống tốt đẹp hơn.

- Mặc dù vậy, có vẻ như rất nhiều người lại tin tưởng ông ta.

- Nhưng đó chính là tác dụng của sự sùng bái cá nhân do chính Mao phát động. Ông ta cưỡng ép mọi người phải đeo huy hiệu Mao ; ra chỉ thị phân phát chân dung mình tại mọi nơi. Ông ta thấy rõ là chủ nghĩa cộng sản không được ưa chuộng ở Trung Quốc. Thời nội chiến 1945-1949 không hề có bất kỳ một cuộc biểu tình thân cộng sản nào. Ở Nga có những cuộc nổi dậy với mong muốn có Lenin, ở Cu Ba người ta đòi có Castro. Ở Việt Nam nhiều người tung hô Hồ Chí Minh. Còn người Trung Quốc thì không thích Mao.

- Còn những người như cha của bà ?

- Cha tôi yêu chủ nghĩa cộng sản, chứ không yêu Mao. Ông sinh ra ở Tứ Xuyên, phía Nam. Trong chiến tranh chống Nhật, những người Quốc dân Đảng rất o ép dân chúng. Liên Xô hồi đó là đồng minh duy nhất của Trung Quốc. Do đó, nhiều người trai trẻ đã kéo về Diên An ở phía Bắc...

- ... là nơi mà những người cộng sản đã thành lập Công xã vào năm 1935...

- ... và phần lớn họ đã thất vọng. Ở đó chỉ có khủng bố hoành hành. Do khiếp sợ mà họ trở thành những bánh xe nhỏ trong guồng máy khủng bố của Mao. Mao coi Trung Quốc là một nhà tù khổng lồ.

- Bà lớn lên ở Trung Quốc. Bà có nhớ là biết đến một con người như Mao bắt đầu từ hồi nào không ?

- Đối với tôi, Mao lúc nào cũng hiện hữu. Chúng tôi hát những bài như: “Mẹ gần ta, cha gần ta, nhưng chẳng có ai gần ta hơn Chủ tịch Mao vĩ đại”. Khi ông ta ra lệnh cho chúng tôi ngồi trước cổng trường học gõ vào các thanh kim loại để ngăn chim sẻ phá hoại mùa màng, chúng tôi đã ngoan ngoãn vâng theo.

- Bà không bao giờ thấy chuyện đó là ngớ ngẩn hay sao ?

- Hồi đó thì không. Việc tôn sùng cá nhân đã tấy não tôi hoàn toàn. Mao đã là ông thánh của chúng tôi. Chúng tôi đã nguyện đi theo ông ta và có chuyện gì cũng mang cuốn Mao tuyến bìa đỏ ra vậy.

- Bà còn giữ cuốn Mao tuyến nào không ?

- Không, tôi cũng chẳng nhớ là đã vứt nó đi từ hồi nào. Nhưng sau này thì tôi lại có một cuốn, dùng cho mục đích nghiên cứu. Có một người đã tặng tôi, hình như là ở Mỹ.

- Ngay ở Châu Âu nhiều người cũng có cuốn sách này. Sartre thậm chí đã nói, “bạo lực cách mạng của Mao” mang “tính đạo lý sâu sắc”.

- Có những nhà dân chủ xã hội cực đoan đã nghĩ là Mao cải thiện cuộc sống của dân Trung Quốc. Nhưng cũng có những người biết rõ là Mao thích bạo lực, và chính điều này lại hấp dẫn họ. Tôi xếp Sartre thuộc hạng thứ hai.

- Bà bắt đầu nghi ngờ chế độ từ lúc nào ?

- Điều này xảy ra vào những năm kinh khủng nhất thời Cách mạng Văn hóa, lúc mà những người trung thành với chế độ như cha mẹ tôi đột nhiên bị quy là phản cách mạng. Năm 1968, hôm sinh nhật lần thứ 16 của mình, tôi ngồi trên giường viết một bài thơ, trong lúc cha tôi hoảng loạn lục lọi khắp nhà tìm kiếm các tài liệu và sách báo có nghi vấn để “thanh trừng”. Lúc đó tôi nghĩ, nếu như đây là thiên đường như người ta vẫn dạy bảo chúng tôi, thì tôi không muốn

nhìn thấy nó y như trong địa ngục.

- Năm 1972, sau chuyến đi thăm Trung Quốc của Nixon, khi tình hình đã đỡ căng thẳng, thì bà là một trong những người đầu tiên được nghe tiếng Anh. Bà cảm nhận ra sao về sự mở cửa của đất nước ?

- Nó là một sự giải phóng đối với tôi, nhưng tôi thuộc về giới đặc tuyển. Tôi có thể đọc được những cuốn như như Six Crises của Nixon và một vài tác phẩm văn học Anh-Mỹ. Nhưng đối với nông dân thì những năm từ chuyến thăm của Nixon đến cái chết của Mao 1976 lại là thời gian khốn nạn nhất. Số lượng các nước có quan hệ ngoại giao với chúng tôi tăng từ 31 lên 66 - và tất cả đều nhận được viện trợ của Trung Quốc, ngay cả nước Malta giàu có. Mao đã dùng tiền để mua ảnh hưởng, trong khi nông dân chúng tôi chết đói.

- Bà có bao giờ tự hỏi rằng vậy mà tại sao chẳng có ai nổi dậy chống lại sự điên rồ đó ?

- Hệ thống đàn áp rất có hiệu lực. Vì bất kỳ lý do nhỏ bé nào người ta cũng có thể bị vào tù. Ngoài ra, ở Trung Quốc hồi đó không có vũ khí. Ngay cả sĩ quan Hồng quân cũng không được phép mang súng ngắn. Sau khi chiếm được quyền lực, Mao đã ra lệnh tịch biên tất cả các loại súng ống. Và, với một cái nĩa ăn thì các bạn không thể chạm đến một chính quyền hùng mạnh như vậy.

- Hay cũng có thể là do Trung Quốc hoàn toàn không có một sách lược khai hóa xã hội và khuyến khích cá nhân ?

- Nhiều khi phương Tây lấy Trung Quốc làm chỗ để phóng rọi những ý tưởng rất lạ lùng. Họ còn nghĩ là chủ nghĩa cộng sản là một phong trào chống thực dân. Vì Trung Quốc bị nước ngoài đánh quỵ, cũng như nước Đức trong thế chiến thứ nhất, nên đã xuất hiện những phản ứng tương tự. Mao đã đạt được quyền lực giống hệt như Hitler. Chủ nghĩa cộng sản đã được mang vào Trung Quốc bằng bạo lực nên nó chỉ có thể được gìn giữ cũng bằng bạo lực. Ngay cả bây giờ, bạn cũng sẽ bị tống tù nếu như bạn dấn động đến vụ thảm sát trên quảng trường Thiên An Môn.

- Trong quá trình sưu tầm tài liệu, bà có bị gây khó dễ gì không ?

- Cá nhân tôi thì không. Nhưng hồ sơ lưu trữ luôn bị kiểm tra, nên chúng tôi không thể nêu tên các tài liệu được trích dẫn, để tránh gây nguy hiểm cho những người đã cung cấp tài liệu cho chúng tôi. Khi phỏng vấn thì lại khác. Nhiều người thân cận của Mao có vẻ như chỉ chờ được phát ngôn. Theo mã số, chúng tôi đã thực hiện tất cả các buổi phỏng vấn, nhưng lại gắn lời phát biểu cho một nhân vật, nếu như người này đã chết. Các cuộn băng ghi âm gốc được bảo quản

trong một va-ly cất tại nhà băng. Khi không ai bị đe dọa nữa, chúng tôi sẽ công bố chúng.

- Mỗi khi về Trung Quốc, bà cảm thấy thế nào ?

- Đến đó, tôi luôn nhìn thấy sự đổi thay. Năm 1983, lần đầu tiên quay trở về Trung Quốc, tôi lại nhìn thấy chợ hoa, hoa không còn là biểu hiện của tư sản nữa; đã xuất hiện những phòng trà và những người đánh cờ trên hè phố. Tôi thấy mức sống của con người đã cải thiện, và tôi đã khóc vì sung sướng. Cũng như nhiều người khác, tôi đã cho là sự thay đổi về kinh tế sẽ kéo theo sự đổi thay về chính trị. Nhưng đó là một ảo tưởng. Mao vẫn được tôn thờ.

- Mặc dù đất nước đã vận động từ lâu theo nguyên tắc của chủ nghĩa tư bản. Trung Quốc được coi là thị trường bùng phát lớn nhất thế giới.

- Họ đã thay đổi đường lối kinh tế và mở cửa đất nước. Người nước ngoài vào Trung Quốc, và người Trung Quốc đi ra nước ngoài. Nhưng : họ vẫn giữ lại những cái cơ bản của chủ nghĩa Mao. Đảng vẫn giữ độc quyền tuyệt đối.

- Hiện nay, 30 năm sau cái chết của Mao, các nhà đầu tư nước ngoài quyết định điều kiện làm việc cho các công ty của họ. Phải chăng, Trung Quốc đang trên con đường thực hiện mục đích của Mao, tức là làm bá chủ thế giới, nhưng lại bằng các phương tiện của chủ nghĩa tư bản ?

- Đường lối của Mao đã tiêu tốn 70 triệu mạng người. Do vậy, tôi tin rằng khi mà dấu ấn của ông ta vẫn còn là cơ sở của hiến pháp, thì người ta không thể xem Trung Quốc là một thế lực tốt lành. Người ta sẽ luôn nghĩ: Đó đang và vẫn sẽ là những người thừa kế của Mao. Và người ta phải cảnh giác.

- Nhiều người lại nghĩ ngược lại. Trung Quốc đang có khả năng làm lung lay sự tự tin của phương Tây.

- Xã hội Trung Quốc đã trở nên khá hung dữ. Hầu như không còn trợ cấp phúc lợi xã hội, người nào cũng phải tự vật lộn. Điều này người ta có thể cảm nhận ngay khi trèo lên xe buýt. Nếu như bạn xếp hàng trật tự như một người Anh, bạn sẽ chẳng bao giờ đi được đến đâu. Nhưng tôi rất mong là phương Tây sẽ gây áp lực mạnh hơn lên chính quyền Trung Quốc. Do vậy mà tôi viết cuốn sách này.

- Liệu nó sẽ có mặt ở Trung Quốc không ?

- Tôi đang thực hiện một bản dịch. Nhưng là để xuất bản ở Đài Loan. Các sách của tôi bị cấm ở Trung Quốc. Khi cuốn tiểu sử Mao của tôi được thảo luận trên tờ Economist, họ đã cố gắng hết sức để cắt trang bình luận cuốn sách ra khỏi từng tờ báo. Những người thừa kế của Mao ở Bắc Kinh muốn giữ chặt lấy ghế của mình.

(© 2005 talawas)

VỤ SCANDAL GIỮA LÒNG HÀ NỘI

Ôô Quế Dương

LTS : Bài này cho người đọc một cái nhìn về xã hội Việt Nam hiện nay. Công An Nhân Dân và An Ninh Thế Giới là hai tờ báo có số phát hành lớn nhất tại Việt Nam, mỗi tờ vì một lý do riêng : Công An Nhân Dân khai thác thị hiếu của độc giả bằng cách mô tả một cách rất chi tiết những vụ lừa đảo, giết người, hiếp dâm, trong khi An Ninh Thế Giới đăng những tin giật gân trên thế giới, mà nó có độc quyền. Tờ An Ninh Thế Giới còn chuyên môn về nghề bịa đặt xuyên tạc để bôi nhọ những người chống chính quyền cộng sản.

Xưa nay lời tiên bố nói cấm có sai : "Tham thì thâm, đa dâm thì chết", việc ông phó tổng biên tập báo *Công an Nhân dân* Đặng Vương Hưng là một ví dụ điển hình cho mình chúng này. Ông Hưng sinh 1958, tuổi chó. Con đường sự nghiệp của ông khá thành đạt, mặc dù ông không mấy tài cán gì, ông viết báo nhanh, nhưng viết văn thì chậm. Thậm chí có câu chuyện mười năm có lẽ ông mới thai nghén được. Có thể ông bận vì công việc làm báo lôi cuốn, cũng có thể vì vốn sống của ông chỉ có vậy, hơn nữa tài nắm bắt dù có nhanh mà tài thể hiện kém thì cũng vụt. Văn chương đâu phải thứ có thể ăn tươi nuốt sống được ?

Trước đó ông chỉ là một nhà báo quen ở báo *Công an Nhân dân* - một tờ báo lớn của lực lượng công an Việt Nam. Nếu ngồi lại, giỏi lắm ông leo được chức trưởng phòng, vì vậy sau khi tổng biên tập Nguyễn Hữu Ước ra khỏi nhà tù Khám Chí Hòa, có ý định thành lập tờ "*Văn hóa Văn nghệ Công an*", rồi dùng mọi cách, kể cả tung vãi tiền, để thực hiện bằng được ý định, ông đã nhanh chân phần sang và ngồi chễm chệ ở vị trí mới : phó tổng biên tập báo *Văn hóa Văn nghệ Công an*...

Chưa đầy một năm sau, phụ san "An ninh Thế giới" ra đời (cũng bằng cách này). Vì độc quyền khai thác một "mỏ quặng" an ninh trên thế giới nên tờ báo của các ông in ra khá nhiều độc giả, đặc biệt nó biết theo bước chân của các tờ anh chị, nghĩa là ngược với tôn chỉ của bốn báo, như tờ *Phụ nữ Thủ đô*, đăng rất những vụ án tình diên loạn : Từ cuồng tình, thất tình, điển tình, lừa tình, dâm tình, bạc tình, tổng tình, đến tự tử vì tình, thì châm ngôn đặt trên hàng đầu của trang nhất bao giờ cũng là : "Bảo vệ phụ nữ và trẻ em là trách nhiệm chung của toàn nhân loại". Tờ *An ninh Thủ đô* với tiêu đề chạy dài "vì bình yên cuộc sống", "thúc cho dân ngủ, gác cho dân yên", khi phát hành lại thành "vì đồng lương nhà báo", "bắt cho dân sợ, thét cho dân im"... in toàn các vụ lừa đảo, trộm cắp, đi điểm, lừa phỉnh, nghiện ngập, giết chóc, bắt cóc, hành hung v.v. Tờ *An ninh Thế giới* cũng vậy, toàn những chuyện mất an ninh, bất ổn định chính trị nhất thế giới.

Có như thế số lượng phát hành mới tăng vọt, để các ông tha hồ : nhặt nhanh, đẩy túi. Tất nhiên câu thần chú "Vùng oi mở cửa ra" không chỉ một mình tổng biên tập Alibaba Nguyễn Hữu Ước biết mà các lãnh đạo cao cấp của ngành công an đều biết, thế là vì quyền lợi của "40 tên cướp" tờ *An ninh Thế giới* sau thời gian hoạt động độc lập buộc phải trở thành một ấn phẩm của tờ *Công an Nhân dân*. Được ăn cả, ngã về không, từ phó tổng biên tập một tờ báo con con, non về tuổi Đảng, ít về tuổi nghề, ông Đặng Vương Hưng nghiêm nhiên trở thành phó tổng biên tập của cả tờ *Công an Nhân dân* với thu nhập các khoản : lương, thưởng, nhuận bút, quà cáp biếu xén, phong bì, không dưới mười triệu đồng một tháng.

Tưởng ông mãi mãi ngủ yên trên ngai vàng quyền lực đầy thoả mãn, đắc thắng, ai ngờ... vướng phải cạm bẫy phụ nữ, ông rớt cái ình, không những ngã bổ chửng trên mặt đất, ông còn phải chuồng cái thân hình dài ngoằng của mình (trong "bộ cánh A Đam") ra cho tất cả bàn dân thiên hạ dòm. Thật là... cái "chỗ ấy" của đàn bà mà chui lọt ông cũng chui tọt vào trong ấy cho xong, đỡ phải thò mặt, thò cổ, thò đủ ngũ túc, tứ chi ra cho thiên hạ bình phẩm, luận bàn đầy hả dạ, đắc ý.

Tất cả mọi vinh nhục của đời ông bắt nguồn từ cuốn nhật ký của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc mà ông may mắn có được. Chẳng hề tốn công "bói xác", "mò xương", "đếm khăn tang" và "đong máu chiến hào" như các nhà nghiên cứu, sưu tầm và biên tập về đề tài chiến tranh khác, nhật ký gia đình gìn giữ bao năm, thư từ anh Thạc viết cho người yêu thì chị Phương Anh ở Đức đang giữ. Bản thân anh Thạc trước khi bị "Tổ quốc cất cơm, gia đình vắng vẻ" đã là học sinh giỏi văn toàn quốc, cho nên văn chương, câu cú viết đâu vào đấy, ông chỉ việc nhận "bản thảo" từ tay người cha liệt sĩ rồi bẻ nguyên xi lên nhà xuất bản xin giấy phép là xong. Của đáng tội ông cũng có một chút mưu sâu là gõ cửa các bí thư đoàn to, để họ phát động phong trào "Sống mãi tuổi 20" sâu rộng trong thanh niên, bắt các chi đoàn bé noi theo, nên số lượng in mới lên tới con số kỷ lục như thế : 150 nghìn bản (tái bản 5 lần).

Hai mươi triệu đoàn viên Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh "sống và làm việc theo gương bác Hồ vĩ đại" mãi chán rồi nên nay thay bằng một gương mặt mới, một hình tượng mới, một bộ xương mới cũng háo hức nghe theo, nâng số tiền nhuận bút lên 1,3 tỉ đồng (gấp 4-5 trăm lần bình thường).

Lẽ ra với vai trò cố vấn ông chỉ "cố vėjo" chút ít thôi, cho đáng mặt nam nhi đại trượng phu, nhưng không, khi người cha tội nghiệp của anh Thạc đề nghị :

- Thôi thì em nó đã vì tổ quốc mà hy sinh rồi, đây là chút kỷ vật vô giá của em nó với gia đình chúng tôi. Cũng nhờ anh mà cuốn nhật ký này trở thành sản phẩm của đại chúng, gia đình tôi hết sức ghi ơn công lao trời biển của anh, mà vong linh em nó dưới suối vàng cũng được siêu thoát. Phận tôi già rồi chẳng cần tiền bạc làm gì, nhưng còn các anh chị nó túng bần quá, tôi muốn chút quà gia bảo này chia làm hai phần, gửi anh một nửa, còn gia đình giữ lại một nửa lo kinh tế cho con, cháu.

Tưởng thế là thấu tình đạt lý lắm rồi, ông Đặng Vương Hưng phải cảm ơn rồi rút vì đạo lý ông vẫn nói thao thao bất tuyệt trong các buổi nói chuyện về cuốn nhật ký này với các chi đoàn Thanh niên trong cả nước để phát động phong trào "Sống mãi tuổi 20" cho thanh niên học tập là : "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "Đời đời biết ơn các liệt sĩ" v.v. Ai ngờ bực giằng, khản đài phủ bằng giấy bạc in

hình Hồ Chủ Tịch, khác hẳn với bậc thêm tồi tàn của gia đình nhà anh Thạc...

Mỗi đầu tuy cau có khó chịu, nhưng ông còn cố tỏ ra mềm mỏng để mặc cả với người cha tội nghiệp. Nào là không có ông tổ chúc bản thảo, lo khoản in ấn, chạy đi chạy lại với các lãnh đạo đoàn to (Trung ương đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) thì còn xơi cái bộ xương khô của anh Thạc mới được bới ra, được khoác danh nghĩa, được tắm hương thơm để đem đi trình diễn trên khắp các trụ sở đoàn cả nước, được nhân danh này nọ, nào, kia như thế. Nào : "Để lấy được số thu của anh Thạc gửi người yêu, bản thân ông cũng phải mất bao nhiêu cú điện thoại từ Việt Nam sang Đức, rồi bố trí xe đón xe đưa tận sân bay tốn kém biết bao nhiêu mà kể, v.v và v.v, sao gia đình lại tưởng bỏ, đòi "ăn dày" thế, đã có tiếng thì phải thôi miến chứ, mua danh ba vạn, bán danh ba đồng cơ mà. Gia đình cứ thử nghĩ tới số nhuận bút thông thường của nhà xuất bản trả cho mọi cuốn sách khác đi. Giỏi lắm cũng chỉ được hưởng từ 8 đến 10% của 1 hay 2.000 cuốn, xem có nổi con số 5 triệu không ? Bổng dung được bạc triệu trong tay lại được cả thế giới biết đến, thế là quá may mắn rồi, còn đòi hỏi nhiều hơn gì ?

Nhìn dáng vẻ tần ngần của người cha già tội nghiệp (từ lời đề nghị chân tình biến thành sự mặc cả xương máu của chính đứa con mình... nên há miệng mắc quai) cứ áp a áp úng, làm mất thời giờ vàng bạc, quý báu của ông, ông phồng mang trợn má, mắng té tát ông già "đần độn", không am hiểu thời cuộc một trận để sáng mắt ra cho ông nhờ.

Thái độ ngạo mạn, xác xược của ngài phó tổng biên tập với cha mình đã khiến anh cả của liệt sĩ Nguyễn văn Thạc nổi dóa, tìm cách đuổi khéo ông ra khỏi cửa, rồi ngay lập tức đến toà soạn báo Công an Nhân dân để trình bày...

Nhiều tiền quá, không biết làm gì trong khi phần "người" đã no đủ thoải thuê (bụng lúc nào cũng chôn chặt mọi thứ sơn hào hải vị) ông bèn nghĩ tới khoản "con". Nếu ông cứ "no cơm ấm cật dậm dật... một đường" hẳn đã không có chuyện gì xảy ra. Chẳng hiểu "ma đưa lối, quỷ dẫn đường" thế nào ngoài cô bồ trẻ mới chuyển về tòa soạn ra, ông còn nhầm vào chính cô em gái của bồ mình, trong khi cô này mới 21 tuổi, hoàn toàn trinh trắng, ngây thơ (!).

Cái kim trong bọc lâu ngày cũng lòi ra huống hồ cả cái của nợ (to bằng cả triệu triệu cái kim). Khi cô hậm hực kể lại hết với chị ruột của mình về việc ông đã hứa suông những gì trong những lần "dại dột" đó, khiến cô chị nhớ lại những lời đường mật, thề non hẹn biển của ông trên giường, bắt cô chị phải bỏ chồng, thì cô chị sôi lên ùng ục, quyết trừng trị kẻ sở khanh tham lam một trận đến thân bại, danh liệt mới thôi.

Trong tòa soạn hình thành hai thế trận, nửa ngấm ngấm bệnh vực cô em, khích bác cô chị "biến mù ra mưa" cho thẳng đếu một phen ướt đầm lời đàm đạo, bàn tán, nhạo báng của thiên hạ cho vui. Một nửa khoanh tay ngồi nhìn xem "con tạo" qua bàn tay đạo diễn của cô chị sẽ xoay vần ra sao? Kẻ háo danh, háo sắc, hiếu thắng, tham tiền sẽ có kết cục nhốn nhén như thế nào ?

Chiếc camera của tòa soạn được bí mật chuyển đến nhà cô chị và theo chân cô em vào tận khách sạn quen thuộc. Quen mùi bén mùi, ông phó tổng, tiền bạc, quyền uy đây mình bước những bước dài oai phong hùng dũng trên nền khách sạn như vị chúa tể bước trên lãnh địa của mình.

"Trò chơi" bắt đầu, từ lúc ông nhẹ nhàng trút bỏ xuống

váy, "xích, lép", trên cơ thể người đẹp, đến khi ông hùng hục hóa thân vào các động tác tính dục nghìn đời của cha ông (!) đều được camera ghi lại trung thành, tỉ mỉ, không sót một ly, không riêng một cuộc.

Trở về tòa soạn ông vẫn vui vẻ hò hẹn, cuối mắt đầu mày với cô chị như bản tính cố hữu của ông, không mảy may nghi ngờ (chuyện ân ái, gái trai, ông nghĩ đời nào cô chị kể với cô em hoặc ngược lại, cô em tông tọc nói ra với cô chị ? Trời sinh ông nhằm năm Chó là muốn giành cho ông được hưởng đặc quyền đặc lợi : Hoa thơm bói cả cụm, "xơi" cả Thúy Vân lẫn Thúy Kiều, "xực" cả Thị Kính, Thị Mầu luôn cơ mà. Ai biết đây là đâu, ai biết mô mà dò ?).

Không ngờ khi ông thuận miệng khoe vừa nhận được nhuận bút cuốn sách, tính chi li, tổng cộng của cả năm lần nhà xuất bản phải trả là 1,3 tỷ đồng, "bồ chị" liền giơ cuốn băng có ghi hình ông và "bồ em" ra mặc cả, thương thuyết:

- Thế thì anh phải trả một tỷ cho cuốn băng gốc này trước khi nó được nhân ra đủ 15 vạn bản (băng đúng số lượng sách đã in).

Ông té ngửa, hóa ra sự đã mười mười rồi, lờ đi không được, chối bỏ không xong, bèn mặc cả :

- Không được, số tiền ấy phải chia ba, bản thân tôi, chị Phương Anh cũng như gia đình anh Thạc, mỗi người chỉ được vài trăm triệu... lấy đâu ra cả tỉ bạc mà trả ?

Biết thừa gã nhân tình của mình là một kẻ kiết lòi lổ đít, đến chơi gái còn quýt cả tiền "bao", "bồ chị" xuống giá:

- Nếu thế của đôi, không được cả tỉ cũng phải 500 triệu đồng.

Xót tiền, ông khăng khăng bảo vệ ý mình :

- Cũng không được, vì tiền lĩnh làm nhiều đợt, đã tiêu hết rồi, đào đâu ra 500 triệu ?

Cò kè bót một, thêm hai, cuối cùng cả hai phóng viên "gạo cội" của tòa soạn vốn tai, tiếng, tên, tuổi, đầy mình đành phải đi đến quyết định : có ba trăm triệu việc này mới xuôi.

"Máu tham hể thấy hơi đồng thì mê", nên hể mất hơi đồng thì cay, ông bày mưu, tính kế, quyết đưa hai chị em ra vành móng ngựa vì tội cố tình tống tiền các quan chức nhà nước - một tội không hề nhẹ trong điều khoản, luật định của nhà nước Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Vì thế ông đã sai cả một tiểu đoàn công an là đàn em chiến hữu của ông đến địa điểm giao tiền để "vừa ăn cướp vừa la làng". Chỉ giao một số tiền tượng trưng để khi đối tượng đưa băng rồi thì tịch thu ngay, đồng thời chụp ảnh, quay camera, ghi âm toàn bộ cảnh "tiền trao, cháo múc" này để có chứng lý tại tòa, sau khi đã hủy cuộn băng, xóa hết hiện trường.

"Bồ chị", vốn cũng là nòi cộng sản, sống, chiến đấu lao động và học tập trong lòng đồng nghiệp, đồng chí mãi rồi, nên biết thừa mách khéo của một kẻ sở khanh, từng là bồ ruột mình lâu nay như thế nào, nên rất tỉnh đòn. Không những không thêm ra mặt nhận tiền còn sai "đàn em" đi giúp rồi bố trí cả một lực lượng đông đảo, bí mật nấp vào chỗ kín chờ mệnh lệnh. Khi đàn em của ông phó tổng cầm tay kẻ nhận tiền cũng là lúc cánh chiến hữu của cô chị bập công số 8 vào tay đối phương rồi vô cùng lịch sự mời ngài Đặng... tiền sư lên sở công an thành phố Hà Nội, gặp đích danh giám đốc. Bà con, anh em, nhân viên, phóng viên hôm ấy được một mẻ cười nôn ruột vì chứng kiến một cảnh vô cùng ngoạn mục : quân ta bắt quân mình, hết câu thơ các cháu học sinh

tả khi nói về tác phẩm bất hủ của Nguyễn Trãi "Đánh một trận sạch sanh kinh ngạc, đánh hai trận tan tác quân ta".

Giữa phòng làm việc của giám đốc, không ngờ đến tác dụng của cuốn băng, ông bai bãi cãi (cho dù bên cạnh ông còn có sự góp mặt của tổng biên tập Nguyễn Hữu Ước) :

- Tôi bị họ lừa, họ cố tình cho tôi uống thuốc ngủ, vì mệt nên tôi không biết gì...

Đầy bình tĩnh, ông Phạm Minh Chuyên hỏi :

- Căn cứ vào đâu mà anh khẳng định mình là kẻ bị lừa?

Cục chẳng đã, ngài Đặng... tiên su đành phải bộc lộ bản chất trơ tráo, hèn hạ của họ nhà khuyển ra :

- Thì... tất cả do họ chủ động, phòng họ thuê, khách sạn họ chọn, tôi chỉ biết địa chỉ giờ giấc qua điện thoại họ hẹn thôi...

- Một việc tối thiểu như vậy mà anh lại để tự chị em họ phải lo liệu sao ?

Biết bị hố, ông cố chứng minh sự "sòng phẳng" của mình:

- Thì tôi chủ động bỏ tiền ra mua hoa quả đem vào còn gì ?

- Được rồi, giám đốc sở khẳng định, không nói với nhau bằng lời được thì ta dùng cuốn băng phân tích kỹ lưỡng từng đoạn vậy.

Băng được chiếu ra, từ A đến Z, ông choáng váng vì hình ảnh tổ tiên hàng triệu năm, từ thời ăn lông ở lỗ lại hiện ra, nhập vào người ông, rõ ràng từng chi tiết. Như mọi người, ông cũng thoát thai từ vượn khỉ... Cái con vượn với dáng đi lờn không, tay giơ lên gãi gãi trán, miệng mồm mồm vu vơ, như thể đang đọc thơ kia đích thị là ông rồi. Các giống khỉ bình thường khác chỉ giỏi leo trèo, không biết viết báo, làm thơ, sao có nổi cái dáng vẻ đặc trưng tiêu biểu ấy (trên băng) ?

Lời giám đốc sở công an cất lên bên tai ông :

- Đây nhé, anh đã được xem lại toàn bộ, từ lúc anh sẵn sàng "xung trận" cho đến khi tàn cuộc, bỏ lại người đẹp mà không ngờ có đôi mắt cảnh giác của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc luôn bám sát, ghi lại tỉ mỉ mọi hình ảnh trong cuốn băng này (!). Chắc anh hiểu trạng thái của một người bình thường với trạng thái của người bị uống thuốc ngủ khác nhau như thế nào ? Cứ trông ngơ túc, túm chỉ của anh đủ biết anh hoàn toàn chủ động, anh biết rõ cách làm tình, không hề mệt mỏi, ù lì, thụ động của một người bị thuốc ngủ làm cho mê mụ...

Đang từ người thành khỉ (cho dù là thú khỉ đặc biệt, có đầy đủ dấu hiệu để trở thành nhà thơ đi nữa) cũng khiến ông hoảng hốt. Sự thực trên màn hình kinh khủng quá, khiến ông mất hết cả lý trí, ông cầm đầu tuôn ra ào ào như suối bao tội lỗi của mình. Kể cả những điều tể nhị không nên nói ra, thì ông - vì u mê, lú lẫn, bị vong linh liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc điều khiển trở thành con rối, nói ra tuốt luốt. Từ việc lần đầu theo cô chị về nhà, gặp cô em có cảm xúc ra sao, đến việc ông hứa hẹn thề bồi trong mỗi lần "giao hoan" mà không chịu thực hiện lời hứa nên mới bị họ "chơi lại" như thế này. Nào ông hoàn toàn không để ý đến giá cả thuê phòng, tất cả do hai chị em chủ động... Nào hôm ấy ông mang đi hai quả na, một túi nhãn để bồi dưỡng sức khỏe sau mỗi cuộc mây mưa. Nào lúc đầu nhờ men bia ông còn khỏe khoắn, còn phùng phùng khí thế nên ông chủ động "đổ ven bờ". Từ 4 đến 5 giờ sáng mệt mỏi quá, ông thiu đi, và cứ thế phóng ào vào lòng "khe" rồi "ngâm tằm" đến sáng. Sợ không an toàn nên ngay sau khi về nhà ông vội gọi điện thoại cho người đẹp, yêu cầu ra ngay hiệu thuốc mua một vỉ thuốc tránh thai, v.v và

v.v.

Ngài giám đốc sở vừa nhẹ nhàng vừa cương quyết khép lại đề tài "cởi mở toàn diện" này :

- Thôi nhé, không còn gì để nói nữa thì bây giờ, việc cuối cùng anh làm là viết đơn ra khỏi Đảng và xin từ chức, còn việc xử lý nội bộ hay đưa ra công luận xử lý để chúng tôi cân nhắc.

Kết quả đến giờ phút này, ông ngã sòng soài như gã lý trưởng lẻo khẻo bị cả hai chị em nhà "chị Dậu" xô ngã trên mặt đất. Tiền đồ của ông nghe chừng tối tăm hơn tiền đồ của chị Dậu trong tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố. Không những bị khai trừ khỏi Đảng, ông còn bị khai trừ khỏi ngành. Lý trưởng làng chị Dậu chỉ tức chứ không đau, còn ông đau hơn họa vì nhân cách, danh dự, nhân phẩm của ông bị dư luận "thiến" hết. Cô con gái rượu của ông vì không chịu nổi cú sốc này - từ thần tượng trở thành một gã yêu râu xanh chính hiệu, lại "cởi truồng về nhân cách" ngay trước ngày nhà trai đem lễ đến ăn hỏi, khiến chú rể sợ quá phải bỏ chạy mất dép, bỏ lại cả vợ sắp cưới cùng bao hứa hẹn thề bồi trôi sông trôi biển, làm cô khóc hết nước mắt rồi bỏ nhà đi biệt, không bạn bè, không nơi chốn... để khỏi nhìn thấy cái mặt khốn nạn : vừa ăn bẩn vừa dâm dăng của thằng bố mình...

Ngược hẳn với thái độ dữ dằn bạo liệt của đứa con "khát nước", vợ ông sau khi thấp hương khấn vái vong hồn liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc, tin là có thể giúp được đức ông chồng "hiền lành, đại độ" của mình khỏi chứng bệnh "ăn mặn" liền viết đơn lên lãnh đạo ngành, lãnh đạo sở, lãnh đạo tòa soạn khẳng định : "Chồng em thường xuyên ở nhà với em, chưa bao giờ anh ấy ra khỏi nhà vào buổi tối. Tất cả chỉ là do hai chị em cô phóng viên kia biết anh ấy có nhiều tiền mà bày mưu hãm hại. Đề nghị... trả lại mọi thứ : uy tín, danh dự, sự nghiệp, tiền đồ cho chồng em" (!?).

Tưởng thân bại, danh liệt, dẫu không ai chôn thì ngài Đặng... tiên su cũng biến thành "liệt sĩ" trong mắt người dân (vì những tấm ảnh nửa người nửa ngợm lấy từ băng ra tung vãi khắp nơi cùng chôn trong khuôn viên tòa soạn, trên bàn làm việc của lãnh đạo, phóng viên)... ai ngờ, ông vẫn vác cái bộ mặt trụy lạc dâm ô của ông đến các trụ sở đoàn thể, thuộc vùng sâu vùng xa (những nơi chưa biết chuyện ông bị hai chị em nhà nọ cấm sùng) để nói về thân thế, gia cảnh, cùng lý tưởng cách mạng sáng ngời của chiến sĩ - liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc để đoàn viên thanh niên học tập, hưởng ứng phong trào "sống mãi tuổi 20" do Đoàn ta phát động. Chứng kiến cảnh ngược đời này, người bảo ông có thể mặt dày, không lấy mo nang mà úp lại, trùm chăn nằm nhà mà còn cay cú cố gõ chút tiền còm nhuận nói. Người bảo ông là nhà báo, nhà thơ, muốn "lưu ngôn" bằng cả hai cách, vừa chữ viết, vừa lời nói. Bây giờ tuy là nhà báo tự do, nhưng có tiền mua tiền cũng được, chờ dư luận tan đi, con gái ông trở về, ông sẽ dùng tiền kê lại chỗ đứng cho mình, vực cái tiền đồ tối tăm hơn tiền đồ của chị Dậu dậy (nếu không tiếc rẻ, dám chi tiền tỷ, sức mấy ông không làm được điều đó).

Còn hiện tại, không biết cái tuổi có ảnh hưởng gì đến công danh, sự nghiệp của ông không, mà sao bỗng dưng đời ông lúc này lại chó má thế ? Mẹ kiếp. Đúng là "ma đưa lối, quỷ dẫn đường". Nếu có thể xử tử hình liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc lần nữa, hẳn là ông sẽ lòi bộ xương khô trong mộ của anh ra xử tử hình ngay.

Vô Quế Dương (Hà Nội)

9. Xứ Hoa, người Hoa - Xứ Khmer, người Khmer trên đại vùng văn hóa Nam Bộ

Lê Văn Hào

Từ thế kỷ 16-17, người Việt từ các xứ Thanh Nghệ Huế Quảng đã lần lượt đến sinh sống ở miền đất Nam Bộ. Không lâu sau đó, ở các thế kỷ 18-19 họ đã trở thành thành

phần chủ thể trong cộng đồng cư dân miền này ; họ đã cùng các tộc người tại chỗ lúc ấy (Stieng, Mạ, Khmer...) và những nhóm người mới nhập cư (Hoa, Chăm, Ấn...) khai phá miền châu thổ Đồng Nai và Cửu Long hoang vu thành một miền kinh tế trù phú.

Sớm cảm nhận được đặc điểm của thiên nhiên Nam Bộ, người Việt đã lập nên những

vùng quần cư dưới những tên gọi dân gian gợi cảm, vừa rất thân quen vừa rất hiện thực. Đó là những *miệt giồng, miệt vườn, miệt cù lao, miệt kênh, miệt thú, miệt U Minh, miệt dưới, miệt trên...*, mỗi miệt đều có những đặc điểm địa hình kinh tế - dân cư riêng.

Những miệt vừa kể trên thuộc về hai vùng địa hình dân cư lớn : vùng phù sa cổ châu thổ sông Đồng Nai và vùng đồng bằng mới châu thổ sông Cửu Long, nơi đó một sắc dân đa số là người Việt và hai sắc dân thiểu số là người Hoa và người Khmer đã sinh sống hòa thuận và hữu nghị bên nhau trong nhiều thế kỷ để có được nhiều đóng góp tốt đẹp vào nền văn hóa văn minh Việt Nam đa sắc tộc.

Xứ Hoa-người Hoa, văn hóa Hoa trên đại vùng văn hóa Nam Bộ

Trong những năm gần đây, một số công trình tổng hợp xuất sắc của học giả Việt và Hoa, cá nhân hay tập thể, trong nước hay ngoài nước đã giúp chúng ta hiểu biết khá đầy đủ về người Hoa, đáng kể nhất là *Người Hoa tại Việt Nam* (Nguyễn Văn Huy, Paris, 1993), *Tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt-Hoa trong lịch sử* (Phạm Đức Dương, Châu Thị Hải chủ biên, Hà Nội, 1998), *Người Hoa ở Nam Bộ*

(Phan An, Sài Gòn, 2005).

Người Hoa với số dân hiện nay là khoảng trên dưới một triệu người, sống rải rác ở nhiều tỉnh thành từ Bắc tới Nam, và tập trung đông nhất là ở các quận 5, 6 và 11, Sài Gòn), với khoảng hơn nửa triệu người gồm các nhóm địa phương gọi theo địa danh quê hương xưa : Quảng Đông, Triều Châu (Tiểu), Hải Nam, Phúc Kiến, Hạ Phương (Hẹ). Mỗi nhóm kết lại với nhau thành bang, mỗi bang có trường học, bệnh viện, ngân hàng, chùa miếu, nghĩa trang... riêng.

Người Hoa rất cần mẫn, siêng năng, làm nhiều nghề. Làm ruộng thì ít nhưng sở trường của họ là thủ công, mỹ nghệ, công nghiệp nhẹ và nặng, nhất là buôn bán từ nhỏ tới lớn và dịch vụ từ trong nước tới quốc tế. Tùy theo tài sản nhỏ hay lớn, xã hội người Hoa phân ra thành nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau nhưng rất quý trọng nhau, do tính cộng đồng dân tộc và địa phương cũng như tinh thần tương thân tương trợ giữa họ rất mạnh, đáng là mẫu mực cho nhiều sắc dân khác.

Ngôn ngữ người Hoa thuộc ngữ hệ Hán-Tạng nhưng chia ra thành nhiều phương ngữ, thổ ngữ, trong đó tiếng Quảng Đông là phổ biến nhất.

Người Hoa theo Phật giáo đại thừa, Khổng giáo và Lão giáo nhưng về thực chất có lẽ khó có thể nói tính cách của họ thiên về tôn giáo, tín ngưỡng. Vào nhà người Hoa thấy ngay rất nhiều bàn thờ, trang thờ ngoài sân, trong nhà, trên cao, dưới đất. Ngoài việc thờ cúng tổ tiên, gia đình người

Hoa thờ rất nhiều vị thần bảo trợ, từ *Ngọc Hoàng* tới *ông Địa*. Người Hoa cũng rất gần bó với *thần Tài, ông Bồn, đức Quan Âm, bà Thiên Hậu* và nhiều nữa.

Nhưng người ta vẫn có cảm tưởng rằng họ là một sắc tộc rất thực tiễn và thực dụng : họ tha thiết muốn các mối quan hệ với mọi người cũng như với chư thần đều hữu hảo để dễ bề làm ăn sinh sống.



Cô gái Hoa Chợ Lớn



Cô dâu chú rể Hoa



Miếu Bà Thiên Hậu Chợ Lớn

Đám cưới người Hoa, một biểu hiện thuần phong mỹ tục độc đáo

Là một sắc tộc chịu ảnh hưởng lâu đời của Khổng giáo, người Hoa rất trọng lễ nghĩa, thể hiện qua *tam thư, lục lễ* (lập ba văn bản, cử hành sáu nghi lễ) nhất thiết phải có trong mỗi cuộc hôn nhân truyền thống.

Đầu tiên là *lễ vấn danh* : nhà trai xuất trình một tờ giấy đỏ (hồng điều) ghi rõ tên tuổi, ngày giờ, năm tháng, nơi sinh của cô dâu, chú rể cho hai bên tường tận. Liên sau đó là *lễ nhận bók* : đại diện cả hai gia đình mang tấm giấy đỏ ấy lên chùa đặt trên bàn thờ cùng với hoa quả dâng cúng để thỉnh ý bồ tát xem hai trẻ có hợp duyên hay không. Tiếp theo là *lễ hòa đồng* : nhà trai đem trầu cau, bánh trái sang nhà gái, kèm theo một *loan thiệp* viết trên giấy đỏ ; nhà gái nhận lễ và trả lời ngay bằng một *phụng thư*, cũng trên giấy đỏ, nội dung hai văn bản đều nói thuận tình cho đôi trẻ thành thân.

Sau đó là *lễ gặp mặt* để thỏa thuận về sính lễ : ít nhất có hai bàn tiệc để hai họ vui vẻ thỏa thuận về tiền bạc, nữ trang, tơ lụa, thực đơn đám cưới (yến sào, vi cá, bào ngư...). Hai món heo quay và bánh ngọt do nhà trai mang tới sẽ được đem chia ngay cho bà con hai họ để báo tin vui. Các điều khoản sính lễ này cũng ghi vào tờ giấy hồng điều. Tiếp đó là *lễ vấn định* : nó quan trọng vì có tấm thiệp ghi rõ tên tuổi cô dâu chú rể, ngày giờ, nơi chốn cử hành hôn lễ, kèm theo lời chúc lành. Tấm thiệp hồng này cũng được để trên bàn thờ tổ tiên hai họ. Rồi đến *lễ cưới* : tờ *hôn thư* (chưa phải là giấy *hôn thú*) được thành lập với các chữ ký đôi bên cha mẹ, cô dâu chú rể và những người chứng hôn.

Sáu nghi lễ trên gọi là *lục lễ* và có thể kéo dài trong nhiều ngày. Còn tờ vấn danh, tờ vấn định và tờ hôn thư được gọi là *tam thư*.

Đến ngày cưới, buổi sáng xe hoa tới nhà gái. Thường cha mẹ không đi, chú bác đi thay cùng với anh chị em họ nhà trai. Đến nơi, cô dâu nhờ anh em trai hay chị em gái ra xe đón chú rể. Nhưng tới ngưỡng cửa thì bên nhà gái bắt đầu cản trở ; chú rể phải chuẩn bị rất nhiều phong bao đỏ đựng tiền lì xì mới lọt được vào nhà để làm lễ trước bàn thờ tổ tiên nhà gái.

Rước dâu ra khỏi nhà, cả đoàn đám cưới phải đi lòng vòng dạo phố cho thiên hạ biết. Về tới nhà trai đã 5-6 giờ chiều. Cha mẹ, hay bác của chú rể lấy một bó đuề gõ nhẹ lên đầu đôi trẻ tượng trưng cho sự gắn bó sắt son. Sau đó đôi trẻ lạy Trời Phật, tổ tiên, cha mẹ, vợ chồng lạy nhau rồi mời trà và tiếp tục lạy chú bác, anh chị, bạn bè.



LỄ VÍA MIẾU BÀ THIÊN HẬU, CHỢ LỚN

Chùa miếu đền người Hoa và những lễ hội tưng bừng náo nhiệt

Hàng trăm ngôi chùa đền miếu lớn nhỏ của người Hoa có mặt ở nhiều tỉnh thành của đất nước. Tại Sài Gòn Chợ Lớn, hiện nay có hơn 20 nơi thờ phượng công cộng do các bang người Hoa bỏ tiền ra xây.

Có hai nơi được nhắc tới nhiều nhất :

- *Điện Ngọc Hoàng* (phường Đa Kao, quận 1) là cơ sở tín ngưỡng lớn và cổ xưa nhất của người Hoa ở Sài Gòn, với ngày đại lễ mừng

9 tháng Giêng và bốn ngày vía lớn : rằm tháng Giêng, tháng Bảy, tháng Mười và mồng 6 tháng 11 âm lịch, thu hút hàng vạn tín đồ người Hoa lẫn người Việt. Do giá trị kiến trúc độc đáo của điện thờ và giá trị thẩm mỹ của các pho tượng, *Điện Ngọc Hoàng* đã được thừa nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1994.

- Di tích thứ nhì được đánh giá cao là *Miếu Bà Thiên Hậu*, còn gọi là *Tuệ Thành Hội Quán* xây năm 1760 tại Chợ Lớn, với hai ngày hội lớn (lễ viếng Bà, cúng Bà) được tổ chức long trọng vào 23 tháng Ba và 28 tháng Chạp giáp Tết để cầu mong "hộ quốc an dân". Là ngôi miếu cổ kính nhất thờ bà Thiên Hậu, cũng là nơi lưu giữ nhiều tác phẩm mỹ thuật mỹ nghệ, *Miếu Bà* cũng được công nhận là di tích văn hóa nghệ thuật cấp quốc gia năm 1993. Đây có lẽ là nơi thu hút đông đảo nhất tín đồ người Hoa và khách hành hương của Sài Gòn, Chợ Lớn và phụ cận.

Hàng ngày *Miếu Bà* vẫn đón nhận một số khá đông người đến cúng lễ, đông nhất là vào các ngày mồng một và rằm hàng tháng, các ngày lễ Tết trong năm của người Hoa như Tết Nguyên tiêu, Thanh minh, Đoan ngo... Riêng hai ngày vía Bà, cúng Bà tháng Ba và tháng Chạp có thể thu hút đến hàng vạn người. Vào những ngày này, ngay từ đêm hôm trước của lễ hội đã cử hành *lễ tắm Bà*, sau đó là *lễ thay áo cho Bà*. Sáng 23 tháng Ba tổ chức *lễ rước Bà*. Tượng Bà được đặt vào kiệu do các thanh niên nam nữ người Hoa ăn mặc thật đẹp rước Bà đi qua các đường phố

quanh miếu. Theo sau kiệu Bà có thuyền rồng, rồi đến các đội múa lân, múa sư tử, múa rồng, các đội nhạc truyền thống của người Hoa vừa đi vừa múa hát tạo nên một quang cảnh vô cùng náo nhiệt quanh miếu từ sáng tới tối.

Giao lưu tiếp biến văn hóa Hoa-Việt : từ hát quảng, hát tiều tới cải lương hồ quảng

Sinh hoạt văn hóa truyền thống và dân gian của người Hoa gồm

nhiều thể loại như đàn hát, múa và kịch hát. Loại hình nghệ thuật quần chúng được ưa thích nhất trong các lễ hội



MÚA LÂN TRONG LỄ HỘI NGƯỜI HOA

là *múa lân, múa rồng, múa sư tử*.

Ba loại hình văn nghệ thu hút đông đảo người tham dự là *hát sán cổ* và *hát quảng, hát tiều*.

Người Hoa ham thích nghệ thuật sân khấu hát quảng, hát tiều như người Việt miền Trung, miền Nam mến mộ hát bội, cải lương. Tổ tiên người Hoa đã sáng tạo tại chính quốc ba dòng sân khấu chính là *kinh kịch* (dùng tiếng Quan Thoại, phổ biến chủ yếu ở miền Bắc Trung Quốc), *việt kịch* (dùng tiếng Quảng Đông, phổ biến ở miền Nam Trung Quốc) và *triều kịch* (dùng tiếng Tiều, phổ biến ở vùng Triều Châu). Tại miền Nam Việt Nam, đa số người Hoa có gốc Quảng Đông và Triều Châu nên không thích xem *kinh kịch* vì không hiểu được tiếng Quan Thoại, tất nhiên họ ưa thích hát quảng và hát tiều là hậu thân của *việt kịch* và *triều kịch*.

Hát quảng đã ra đời tại Chợ Lớn từ đầu thế kỷ 20 do những đoàn *việt kịch* nhỏ lưu diễn từ các tỉnh duyên hải Đông-Nam Trung Quốc đi dần xuống phía Nam bằng thuyền để biểu diễn. Những đoàn *việt kịch* này huấn luyện cho nghệ nhân tài tử người Hoa và giúp họ tạo ra một loại hình sân khấu địa phương ở Chợ Lớn, gọi là hát quảng.

Hát tiều cũng xuất hiện tại Nam Bộ những năm đầu thế kỷ 20 do những đoàn *triều kịch* lưu diễn từ các tỉnh Nam Trung Quốc rồi vào Chợ Lớn và đi khắp đồng bằng Nam Bộ. Biểu diễn đến đâu họ cũng huấn luyện cho nghệ nhân tài tử người Hoa để có được sân khấu hát tiều.

Người Hoa Chợ Lớn và người Việt Sài Gòn và Nam Bộ thuộc các thế hệ lớn tuổi chắc còn nhớ các vở tuồng *việt kịch* và *triều kịch* nổi tiếng như *Ngũ Hổ tướng*, *Kinh Kha trướng sĩ*, *Đêm cướp ở Long Hoa*, v.v. Người Hoa và người Việt đều thích hát quảng và hát tiều với các vai kép văn, võ, tướng, lão, hề, các vai đào thương, lẳng, độc, mù. Qua đó ta thấy hát tuồng, hát bội của người Việt đã chịu ảnh hưởng của sân khấu Trung Quốc tự lâu đời. Các nhà nghiên cứu Đỗ Văn Rỡ, Đinh Bằng Phi đã có những công trình nghiên cứu công phu về hát bội và cải lương Nam Bộ và sân khấu hát tiều, hát quảng ở Sài Gòn (*Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, tập 3, 1990) qua đó ta thấy rõ một hiện tượng giao lưu tiếp biến văn hóa sân khấu Hoa-Việt tốt đẹp : do tiếp xúc với hát quảng, hát tiều từ đầu thế kỷ 20 mà các soạn giả và nghệ nhân hát bội và cải lương Nam Bộ đã tạo ra một loại hình sân khấu mới mà người Việt cũng như người Hoa đều yêu thích, đó là *cải lương hồ quảng* đã thu hút vô số khán giả Việt và Hoa từ hơn nửa thế kỷ nay.

Xứ Khmer-người Khmer trên đại vùng văn hóa Nam Bộ

Từ 20 năm nay, người Khmer có lẽ là một trong vài sắc tộc thiểu số được các nhà dân tộc học, folklor học và



Cô gái Khmer

văn hóa học Việt và Khmer quan tâm nhiều nhất, từ Ngô Đức Thịnh với *Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Hà Nội, 1984 ; tới Nguyễn Văn Huy với *Cộng đồng người Khmer tại miền Nam*, Paris, 2005.

Người Khmer là sắc tộc cuối cùng mà người Việt ở cuối chặng đường tiến về Nam đã gặp gỡ, chung sống và giao hảo với nhiều thiện cảm, có lẽ vì đức tính hiền hòa, kín đáo và văn hóa độc đáo đẹp đẽ của họ. Nhà báo Bửu Ngôn viết : "*Ở Nam Bộ bạn có thể gặp người Hoa khắp nơi, họ là chủ quán ăn, chủ tiệm tạp hóa... Nhưng người Khmer thì ít thấy, mặc dầu họ đông không kém. Lý do là người Khmer có khuynh hướng sống khép kín trong sóc, xa thành phố*" (*Du lịch ba miền, ba tập, "Đất phương Nam", "Về miền Trung", "Hành trình*

phương Bắc", nhà xuất bản Trẻ, Sài Gòn, 2004). Nếp sống của họ có thể khép kín nhưng văn hóa thì rất cởi mở như cửa Phật rộng mở tại gần 500 ngôi chùa Miên ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Bảo tàng Khmer và ngôi chùa Khmer đặc sắc

Với dân số hơn một triệu, người Khmer đã có chính thức hai viện bảo tàng văn hóa Khmer, một ở Trà Vinh, một ở Sóc Trăng, với các bộ sưu tập *mặt nạ Chhân*, các nhạc cụ, các bộ y phục, các bộ sách lá buồn và những báu vật khác của văn hóa Khmer.

Mỗi ngôi chùa Khmer lớn hay nhỏ cũng là một bảo tàng về mặt kiến trúc cũng như về nghệ thuật điêu khắc. Nhà người Khmer đơn sơ, mái lá, vách lá nhưng ngôi chùa thì phải là kiên cố, hoành tráng, lộng lẫy, với tư cách là một cơ sở gồm ba chức năng : tôn giáo, giáo dục và văn hóa. Trong chùa không có tiếng chuông, tiếng mõ vì đạo Phật Khmer thuộc tông phái *tiểu thừa* nhưng ngôi chính điện của chùa là một tòa nhà đồ sộ với bộ mái nhiều tầng, ngói màu vàng rực, các góc mái cong vút lên hình ngọn lửa hay đuôi rắn thần. Tượng Phật Thích Ca, Tiên Nữ, Người Chim, Chhân hung dữ... đều là những tác phẩm mỹ thuật gây ấn tượng mạnh. Khuôn viên chùa rất rộng, với nhiều cây cổ thụ có khi um tùm như rừng cho nên chim chóc thường tụ về.

Nổi tiếng nhất trong các ngôi chùa Khmer là các chùa *Âng, Samrong Ek, Kompong Chrây, Cò Giồng Lớn, Phật Lớn, Khléang, Srâycho Mahatup* (Mã tộc), còn gọi là *Chùa Dơi, Salon* còn gọi là *Chùa Chén Kiểu, Siemcang...*

Những lễ hội giàu ý nghĩa nhân văn

Người Khmer có rất nhiều lễ hội quanh năm nhưng quan trọng nhất là lễ hội vào năm mới (*Chol Chnam Thmay*), lễ hội chào mặt trăng (*Ok Ang Bok*) và lễ cúng tổ tiên (*Donta*).

Lễ hội vào năm mới là lễ hội



Chùa Khmer ở Nam Bộ

trọng thể nhất, diễn ra vào ba ngày 13, 14, 15 tháng Chet, tức vào giữa tháng Tư dương lịch (nếu là năm nhuận thì kéo dài bốn ngày).

Ngày thứ nhất của Chol Chnăm Thmay là *lễ rước đại lịch* tại chùa địa phương. Mọi người lễ Phật, nghe thuyết pháp rồi tham gia các cuộc vui chơi, múa hát tối khuya. Ngày thứ hai là *lễ dâng cơm* và *đắp núi cát*. Trước và sau khi ăn, các nhà sư tụng kinh chúc phúc để tạ ơn những người đã làm ra vật thực và mang nó đến cho nhà chùa ; sau đó dưới sự điều khiển của vị sư cả Achar, mọi người đua nhau đắp cát thành nhiều ngọn núi nhỏ theo tám hướng và một ngọn núi lớn ở trung tâm, tượng trưng cho vũ trụ, ở trong khuôn viên chùa. Ngày thứ ba là *lễ tắm tượng Phật, tắm sư* : sau khi dâng cơm sáng cho các sư, mọi người đem nhang đèn, lễ vật và nước có ướp hương thơm đến trước bàn thờ để tắm tượng Phật, sau đó tắm (tượng trưng) cho các vị sư sãi cao niên rồi ai về nhà nấy làm lễ tắm tượng Phật tại nhà, dâng cỗ bàn cúng tổ tiên, chúc phúc cha mẹ. Lại tiếp tục vui chơi, múa hát : thả đèn trời, đốt ống lỏi, đánh quay lửa, ném còn, kéo co, đấu vật, đánh võ, chạy đua, múa trống xà dăm, múa ramvong, lâm thôn, hát a day, brop cay, xem biểu diễn sân khấu kịch hát dù kê và sân khấu kịch múa rô băm, thưởng thức nhạc truyền thống từ các dàn nhạc phleng siem, phleng khmer.

Lễ hội cúng trăng (lễ hội chào mặt trăng) là lễ hội lớn thứ nhì của người Khmer được tổ chức vào đúng đêm trăng rằm tháng 10 âm lịch để tỏ lòng biết ơn trăng là vị thần bảo vệ mùa màng, ban bố hạnh phúc cho con người. Lễ hội được cử hành trước sân nhà hay sân chùa, với những lễ vật : chuối, bưởi, cam, khóm, khoai lang, khoai mì, khoai môn, và đặc biệt không thể thiếu là món cốm dẹp. Sau khi khấn vái xong, dợt tuần hương cháy hết, người già gọi các em bé lại ngồi xếp thành hàng và chấp tay lại, rồi từ từ bốc những nhúm cốm đút vào miệng từng em. Sau lễ cúng trăng là các cuộc vui chơi và trình diễn văn nghệ qua lời ca, tiếng nhạc, điệu múa và tiếng trống dồn dập rộn ràng, có khi kéo dài trắng đêm với



Đám cưới của người Khmer

Lễ cúng tổ tiên, ông bà (Donta) là lễ hội lớn thứ ba của người Khmer tổ chức linh đình trong ba ngày, từ 29 tháng 8 đến mùng 1 tháng 9 âm lịch. Ngày thứ nhất là ngày cúng lễ nghênh đón ông bà bằng những mâm cỗ thịnh soạn,



Sân khấu dù kê của người Khmer

hàng ngàn người tham dự trong chùa, ngoài sóc.

Tiếp theo đêm lễ cúng trăng, sáng hôm sau là *hội đua ghe ngo*, sinh hoạt lễ hội văn hóa thể thao lớn nhất của người Khmer, thu hút hàng trăm ngàn người xem. Khi pháo lệnh nổ, những chiếc *ghe ngo* dài như con rắn khổng lồ nổi lên mặt nước lao vút đi như tên bắn. Tiếng hò reo cổ vũ náo nhiệt, tiếng trống thúc cuộc đua vang động cả một vùng sông nước rộng lớn. Từ sau 1975, nhiều cuộc đua ghe ngo chung cho cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long được tổ chức đều đặn trên sông Hậu, tại thành phố Sóc Trăng. Khách thập phương, người Khmer, người Việt, người Hoa... về dự hội có năm lên tới hơn 300.000 người như vào năm 2002.

cúng sáng, cúng chiều tại nhà. Sau đó mọi người đi chùa, mời linh hồn tổ tiên nghe sư sãi tụng kinh, rồi cùng con cháu tham dự văn nghệ múa hát vui chơi thâu đêm suốt sáng. Ngày thứ hai tiếp tục mời ông bà vui chơi với con cháu tới chiều tối. Ngày thứ ba (mùng 1 tháng 9) là ngày cúng tiễn đưa linh hồn ông bà về chốn ở cũ nơi Niết Bàn : mỗi gia đình mời bà con họ hàng, láng giềng chòm xóm tới cúng vái, sau đó cùng nhau dùng cỗ rồi vui chơi, múa hát

cho tới tận khuya. Trong ngày này nhà nào khá giả còn mời sư sãi đến tụng kinh, cầu phước cho thêm phần long trọng. Chấm dứt lễ hội *Donta* là nghi thức thả những chiếc thuyền nhỏ làm bằng bẹ chuối, cau, dừa... xuống sông



Hội đua ghe ngo trên sông Cửu Long

suối, hoặc mương rạch quanh nhà để ông bà đi đến nơi về đến chốn. Việc tổ chức thờ cúng ông bà tổ tiên thành một lễ hội lớn chung cho toàn sắc tộc trong không khí lạc quan hồ hởi của toàn thể cộng đồng, với sự hiện diện trọng thể của ngôi chùa và các sư sãi cùng với nhiều sinh hoạt vui chơi và văn nghệ truyền thống là một hình thức biểu hiện thuần phong mỹ tục đáng khâm phục.

Lê Văn Hảo (Paris)

NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC CHAMPA

Có những quốc gia ngày nay tuy không còn nữa nhưng di sản của một nền văn hóa sáng chói để lại cho đời sau thật là khó quên, đó là trường hợp của các đế quốc Ai Cập, La Mã nói chung và trường hợp của cựu vương quốc Champa tại Việt Nam nói riêng. Trong ba tháng, từ ngày 12-10-2005 đến ngày 9-1-2006, Viện bảo tàng các nền nghệ thuật châu Á Guimet, 6 Place d'Iéna, 75116 Paris (Pháp) ; điện thoại : (33) 01 56 52 53 00, khôi phục lại nền văn minh đó qua cuộc triển lãm lớn nhất từ trước đến nay về nền văn minh và văn hóa Champa, từ thời lập quốc cho đến cuối thế kỷ 16, với nhiều buổi hội luận và trình chiếu phim ảnh liên quan đến Champa và Việt Nam trong suốt thời gian triển lãm.

Theo những sử liệu xưa và những di chỉ khảo cổ, nền văn minh và văn hóa Champa đã ra đời cùng thời với sự xuất hiện của vương quốc Lâm Ấp cách đây gần hai ngàn năm. Năm 192, một lãnh chúa địa phương Kurung (Khu Liên) chiếm huyện Tượng Lâm tuyên bố tách khỏi sự cai trị của nhà Đông Hán và thành lập một vương quốc riêng. Tượng Lâm là vùng đất miền cực Nam lãnh thổ Giao Chỉ, nơi sinh trú của các nhóm dân cư Nam Đảo (Malayo-Polynesian). Trước đó, vùng đất này được biết đến dưới tên Hồ Tôn Tinh (*Lĩnh Nam Chích Quái*), sau đó được sử liệu Trung Hoa đồng hóa dưới các tên Lâm Ấp, Hoàn Vương Quốc và sau cùng là Chiêm Thành. Chiêm Thành là cách phiên âm Hán tự từ chữ Campapura (lãnh thổ của người Champa), gọi tắt là Champa, mà người Việt thời đó gọi là Chăm Bà. Dân cư Champa bao gồm cả người Chăm ở đồng bằng và người Thượng trên cao nguyên. Lãnh thổ vương quốc này là sự kết hợp của nhiều tiểu vương quốc, theo định chế liên bang, trải dài từ đèo Ngang đến Mũi Kê Gà và từ duyên hải miền Trung lên đến Tây Nguyên.

Về danh xưng, Lâm Ấp là sự biến nghĩa từ chữ Tượng Lâm. Nhà Đông Hán đã bỏ chữ Tượng để còn chữ Lâm. Theo nhiều nhà nghiên cứu sử, Lâm Ấp là sự phiên âm Hán hóa từ chữ Hindi mà người Hoa gọi là Linyi. Hindi cũng có thể là cách phiên âm từ chữ Indrapura (lãnh thổ của người Ấn). Yếu tố này chứng tỏ sự hiện diện của người Ấn Độ đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến sinh hoạt thường ngày của dân chúng địa phương. Từ sau ngày Lâm Ấp ra đời, tất cả các địa danh trên vương quốc này đều có tên Ấn Độ như Indrapura (lãnh thổ của thần Indra, tức Bình Trị Thiên), Amavarati (Quảng Nam), Vijaya (Nghĩa Bình), Kauthara (Phú Khánh), Panduranga (Bình Thuận).

Dấu vết của nền văn minh Ấn Độ được tìm thấy tại Amavarati (Thành phố Hào Quang), nay là thung lũng Mỹ Sơn cách Đà Nẵng 70 km về phía Tây. Đây là cái nôi truyền bá đạo Bà La Môn lẫn văn tự và ngôn ngữ Chăm cổ có từ thế kỷ 4, đạo Phật cũng phát triển mạnh trong thời kỳ này. Đầu thế kỷ 7, trung tâm chính trị và tôn giáo được dời về Sinhapura (Thành phố Sư Tử), phía Nam đèo Hải

Vân, nay là Trà Kiệu (huyện Duy Xuyên, Quảng Nam). Đến giữa thế kỷ 9, trung tâm quyền lực và tôn giáo, chủ yếu là Phật giáo, đặt tại Indrapura (Thành phố Sấm Sét), nay là Đồng Dương cách Đà Nẵng 50 km về hướng Nam.

Sau năm 1471, khi kinh đô Vijaya (Đồ Bàn) bị nhà Lê chiếm đóng, hoàng triều Champa dời về Panduranga (Phan Rang). Ba thánh địa Mỹ Sơn, Trà Kiệu và Đồng Dương không người chăm sóc trở thành hoang phế và bị núi rừng phủ lấp trong suốt hơn bốn thế kỷ. Phải chờ đến năm 1885, một nhà khảo cổ học người Pháp mới tìm thấy lại các quần thể tháp ở Mỹ Sơn, Chiên Đàn, Khương Mỹ, Bằng An (Quảng Nam-Đà Nẵng). Từ 1898 trở về sau Trường Viễn Đông Pháp đứng ra nghiên cứu, bảo quản những công trình điêu khắc Champa tại những nơi này. Năm 1915, dưới sự bảo trợ của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Bảo tàng điêu khắc Chăm tại Đà Nẵng được khởi công xây dựng để lưu trữ và trưng bày những tác phẩm nghệ thuật này và vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay.

Sau 1954, những di tích Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Đồng Dương, Hương Quế không còn được chăm sóc, nhiều công trình kiến trúc đã bị chiến tranh và thời gian làm hư hao và sụp đổ. Phải chờ đến hơn 40 năm sau, năm 1990, với sự hợp tác của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp, tiến trình khôi phục và trùng tu các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc Chăm ở viện bảo tàng Đà Nẵng đã được thực hiện trở lại. Sau hơn 15 năm cố gắng, bộ văn hóa hai nước Việt-Pháp đã chọn Paris là địa điểm triển lãm nghệ thuật điêu khắc Champa lớn nhất từ trước đến nay, với 96 tác phẩm có tuổi đời từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 15. Ngoài 24 tác phẩm trưng bày thường trực của Viện bảo tàng Guimet, hai tác phẩm của Viện bảo tàng Rietberg (Thụy Sĩ) và một tác phẩm của Viện bảo tàng Lyon (Pháp), có gần 70 tác phẩm điêu khắc nghệ thuật Champa lần đầu tiên được đem từ Việt Nam ra nước ngoài, trong đó có 48 tác phẩm từ Viện bảo tàng Đà Nẵng, 7 từ Khu bảo quản di tích Mỹ Sơn và 14 từ Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam.

Trong số những bảo vật được trưng bày, nổi bật nhất là tượng nữ thần duyên dáng được coi là "quốc mẫu" của người Chăm, tượng thần gác cửa Dvarapala (bằng đá hoa cương cao 2 m) cuối thế kỷ 9 đến đầu thế kỷ 10 ở Đồng Dương, Quảng Nam), các bức tượng thần Siva, Visnu. Các tượng Phật ở Đồng Dương (Quảng Nam) rất được trân trọng, và có lẽ đã xuất hiện cùng thời kỳ với các tượng Phật ở Angkor (Campuchia), Borobudur (Nam Dương).

Sau khi xem qua các tác phẩm điêu khắc nghệ thuật có một không hai này, ấn tượng mạnh mẽ và sâu sắc nhất đối với người xem là một sự sót xa : sự bảo tồn và trùng tu các di tích kiến trúc và nghệ thuật Champa chưa được quan tâm đúng mức, vì không một di tích nào được khai quật thêm từ cuối thế kỷ 19. Miền Trung vẫn còn rất nhiều bí ẩn.

Nguyễn Dominique (Paris)

Một sự kiện đầy ý nghĩa

Những hội họp của người Việt tại Pháp ngày càng ít đi. Hơn ba mươi năm đã trôi qua từ ngày 30-4-1975, ngày có thể được nhìn như ngày sinh của cộng đồng người Việt hải ngoại. Thời gian đã làm công việc của nó. Những căm thù và xúc động đã lắng xuống cùng với tuổi tác lên cao của những người tị nạn từ Việt Nam. Bên cạnh những bữa cơm hàng năm vào dịp Tết của các hội ái hữu cựu học sinh các trường trung học, đại học ở Việt Nam thỉnh thoảng vẫn còn những buổi ra mắt sách, trong đó các vấn đề chính trị ít khi được đề cập tới.

Trong hoàn cảnh đó, một buổi họp mặt, nhất là một bữa cơm gây quỹ của một tổ chức chính trị là một sự kiện bất thường. Nhưng đó là điều mà Phân bộ Paris của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên vẫn làm hàng năm, và luôn luôn được hưởng ứng. Bữa cơm gây quỹ năm nay, được tổ chức ngày 16-10-2005 tại Bussy Saint Georges, ngoại ô phía Đông Paris, đã thành công hơn những năm trước.

Gần 200 thân hữu đã tham dự, một số không đến được đã gửi chi phiếu ủng hộ. Số tiền lời, trên 3.500 EUR, được sung vào quỹ của Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam (Association Vietnam Libertés), một tổ chức do Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên thành lập năm 1993 với mục đích yểm trợ các chiến sĩ dân chủ bị mắc nạn trong nước. Từ 12 năm qua, Nghĩa Hội đã góp phần tích cực vào cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam, gửi thuốc và tiền giúp các gia đình các chiến sĩ dân chủ, động viên dư luận thế giới, các chính quyền dân chủ và các tổ chức nhân quyền bảo vệ những người bị bắt giam hoặc sách nhiễu. Những người tham dự biết rõ là họ ủng hộ hoạt động trong nước của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, một điều được ghi rõ ràng ngay trong giấy mời.

Sự hưởng ứng nồng nhiệt bữa cơm gây quỹ này chứng tỏ rằng một số đông đảo người Việt hải ngoại không ngần ngại yểm trợ các tổ chức chính trị nếu mục tiêu được tán thành và hoạt động có sức thuyết phục.

Buổi họp đã qui tụ ba thế hệ, những vị đã ở tuổi trưởng thành vào ngày 30-4-1975, những người đã trưởng thành vào thời điểm đó, và các thanh niên sinh ra sau đó, phần lớn tại Pháp. Có những vị, như cụ Đỗ Quang Trị đã ngoài 80, có những thanh niên chưa vào đại học. Cụ bà Guyon Bích Đoàn vì tuổi cao không đến được đã viết thư và gửi chi phiếu ủng hộ. Dĩ nhiên thành phần đặc lực là tuổi trẻ, giữ vai trò chủ động trong ban tiếp tân và đặc biệt là phần trình diễn áo dài của các thiếu nữ mà mọi người đều hâm mộ.

Buổi họp cũng thể hiện tốt đẹp tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Trong số người tham dự, có những vị đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong chính thể Việt Nam Cộng Hòa, như bộ trưởng, thứ trưởng, đại sứ ; có những gương mặt đã hoặc đang tích cực hoạt động trong các tổ chức dân chủ ; có những sinh viên và thực tập sinh mới đến từ Hà Nội và

cũng có một số thân hữu người Pháp, trong đó có những vị thuộc giới truyền thông và chính trị. Hiếm tổ chức nào có thể qui tụ được một thành phần đông như vậy trong một buổi gây quỹ.

Tuy nhiên cuộc gặp mặt này không thể hiện đầy đủ hậu thuẫn mà người Việt tại Pháp dành cho Tập Hợp. Bữa cơm gây quỹ đã được tổ chức tại một địa điểm ngoại ô khá xa trung tâm Paris, di chuyển trong một chiều chủ nhật trên xa lộ A4 là một khó khăn nên phần lớn những thân hữu đã là những người cư ngụ tại ngoại ô phía Đông Paris.

Trong lời chào mừng ngắn, ông Võ Xuân Minh, thay mặt ban tổ chức, đã nói lên lý do khiến các thân hữu hưởng ứng bữa cơm gây quỹ này : *"Dân chủ không phải chỉ cần cho Việt Nam mà còn cần cho chính chúng ta, người Việt hải ngoại, ngay cả nếu chúng ta quyết định sinh sống tại đây. Dân chủ là điều kiện để đất nước có thể vượt lên bất kịp sự chậm trễ. Nếu đất nước ta giàu mạnh và được kính trọng thì mọi người chúng ta đều có quyền hãnh diện, ngược lại nếu đất nước chúng ta nghèo đói, lạc hậu và bị kìm kẹp dưới ách độc tài thì sẽ là một tủi nhục chung"*.

Ông Nguyễn Gia Kiểng, chủ tịch Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam, nói : *"Chúng tôi cần tiền, chúng tôi rất cần tiền cho các hoạt động trong nước, nhưng chúng tôi cũng rất cần sự hiện diện của quý vị hôm nay, nó chứng tỏ một cách mạnh mẽ cảm tình và hậu thuẫn mà quý vị và các bạn dành cho chúng tôi. Những buổi gặp mặt như hôm nay rất cần thiết để giữ mối liên hệ đồng bào giữa chúng ta và để giữ cho thế hệ trẻ gắn bó với Việt Nam. Những buổi họp mặt của các hội ái hữu cựu học sinh và sinh viên các trường, cựu viên chức và quân nhân cùng ngành và binh chủng rất cần thiết nhưng không đủ. Một thế hệ mới đã trưởng thành, họ không phải là cựu học sinh Jean Jacques Rousseau hay Chu Văn An, cũng chưa từng là viên chức và quân nhân Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ có sự gắn bó với đất nước Việt Nam có thể động viên họ, và chúng ta không thể gắn bó với Việt Nam mà không quan tâm tới vấn đề trọng đại nhất của đất nước, nghĩa là cuộc đấu tranh giành tự do và dân chủ"*.

Một ý nghĩa khác của buổi chiều 16-10-2005 là không khí vui vẻ và lạc quan. Các thân hữu đã gặp nhau trong một bữa cơm thân mật để cùng chia sẻ một tình cảm nồng nàn với những người bạn trong nước đã chấp nhận gian nan để đất nước có dân chủ và để đóng góp xây dựng một thế giới đẹp hơn sau khi đã loại bỏ được những tàn dư của độc tài và bạo ngược.

Họ biết rằng các anh em dân chủ trong nước không chờ đợi ở họ một sự cảm thương, mà chờ đợi ở họ một đóng góp tích cực với lòng tin và sự hãnh diện vào một cuộc đấu tranh cao cả và tất thắng.

Nghiêm Văn Thạch

Chủ tịch Phân bộ Paris

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

HOA KỲ : con tàu Bush gặp bão lớn

Tổng thống Bush và bộ tham mưu của ông đang trải qua những giờ phút gay gắt. Họ bị phê phán nặng nề về cách đối phó không mấy hiệu quả đối với trận bão Katrina, trong khi cuộc chiến rất tốn kém tại Iraq vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. Thế rồi đến lượt hai cộng sự viên thân tín, có thể là ba, của tổng thống kẹt nặng.

Bà Harriet Miers là phó văn phòng tổng thống đặc trách về các chính sách, một vai trò đặc biệt quan trọng và khó khăn mà cho tới nay bà đã đảm trách một cách tốt đẹp. Cũng như mọi vị tổng thống Mỹ trong nhiệm kỳ thứ hai, tổng thống Bush muốn đền ơn các cộng sự viên đắc lực nhất của mình một cách xứng đáng. Bà Miers được đề nghị vào Tối Cao Pháp Viện (Supreme Court). Đối với một luật gia thì không gì vinh quang hơn là được vào Tối Cao Pháp Viện. Vấn đề là bà Harriet Miers không được nhìn như một luật gia chính hiệu mặc dù có bằng tiến sĩ luật và đã từng hành nghề luật sư. Bà được nhìn qua chức vụ hiện nay, nghĩa là một nhà chính trị. Nhưng đó không phải là trở ngại chính làm Harriet Miers vấp ngã. Trong một bài diễn văn đọc trước hiệp hội các nữ doanh nhân tại bang Texas cách đây 12 năm, bà đã lên án một xã hội Mỹ phân chia thành hai loại người với hai nếp sống, những người giàu có, da trắng và các thiểu số nghèo khổ ; bà Miers cũng đồng thời phát biểu rằng phụ nữ phải có quyền quyết định những chọn lựa riêng cho mình. Đây là một lập trường quảng đại và đứng đắn. Tuy nhiên dưới mắt các nghị sĩ và dân biểu bảo thủ, bà Miers là một người cấp tiến và hơn nữa ủng hộ phá thai. Thấy khó có hy vọng được quốc hội thông qua, bà Harriet Miers đã tự ý xin rút lui để khỏi gây khó khăn cho xếp Bush. Một thất bại trong danh dự.

Nhưng ê-kíp Bush rất có thể sẽ phải chịu một thiệt hại đau đớn hơn nhiều và hoàn toàn không vinh quang với vụ Libby I. Lewis. Libby là mẫu người mà nước Mỹ gọi là *the Best and the Brightest* (ưu việt và sán lạn) và cũng rất may mắn. Tốt nghiệp một cách xuất sắc trường luật Yale, đại học danh tiếng nhất nước Mỹ, Libby rất thành công trong sự nghiệp và trở nên giàu có. Hơn nữa Libby còn là một người yêu nước và có lý tưởng, sẵn sàng hy sinh bảo vệ nước Mỹ. Năm 1981, ông thầy của Libby tại Yale là Paul Wolfowitz làm thứ trưởng quốc phòng và kêu cậu học trò xuất sắc vào làm phụ tá cho mình ; sau một thời gian, Libby trở lại với nghề luật sư vì không ham chức tước. Nhưng năm 1991 Libby lại chấp nhận trở lại chính trường và lần này làm phụ tá cho bộ trưởng quốc phòng Dick Cheney vì cuộc chiến tranh vùng Vịnh. Libby muốn phục vụ tổ quốc trong những giờ phút nghiêm trọng. Khi Dick Cheney trở thành phó tổng thống Mỹ năm 2001, ông mời Libby làm phụ tá cao nhất của mình, đồng thời cũng trở thành một trong những phụ tá đắc lực nhất của chính tổng thống Bush. Lần này Libby cho rằng sứ mạng của mình là phải giúp nước Mỹ tiêu diệt đám khủng bố Hồi giáo toàn nguyên và thiết

lập dân chủ tại Trung Đông, Hoa Kỳ và thế giới chỉ có thể an toàn trong điều kiện đó. Đó là niềm tin vững chắc của Libby mà ông ta nhắc lại với tất cả say sưa với bất cứ ai nói chuyện với ông ta. Thần tượng của Libby là Winston Churchill, một người đã nhìn thấy mối nguy nazi ngay từ thập niên 1930. Libby cũng đặc biệt ái mộ bộ tham mưu của Churchill vì đã lôi kéo được Hoa Kỳ vào thế chiến II chống lại Hitler bằng cách thuyết phục Hoa Kỳ rằng Hitler đang chế tạo những vũ khí giết người hàng loạt. Không có gì ngạc nhiên khi Libby cố gắng thuyết phục chính phủ và nhân dân Mỹ rằng tấn công đánh

đổ chế độ bạo ngược của Saddam Hussein là một bắt buộc vì Saddam Hussein đang chế tạo vũ khí giết người hàng loạt. Cuồng nhiệt trong kế hoạch này, Libby thù ghét tất cả những ai phản bác giả thuyết của ông. Joseph Wilson là một trong những người này. Wilson được cử làm đại sứ tại Niger với sứ mạng đặc biệt là điều tra các nguồn tin theo đó Saddam Hussein đang mua uranium của Niger để chế tạo bom nguyên tử. Sau hai năm điều tra, Wilson báo cáo là không tìm thấy bằng cứ nào. Sau đó khi cuộc tấn công Iraq đã xảy ra, Wilson tuyên bố với báo chí rằng các "bằng cứ" về việc Saddam Hussein có vũ khí nguyên tử là ngụy tạo. Rồi bỗng dưng tờ *New York Times* loan tin rằng một viên chức cao cấp trong chính quyền Bush tiết lộ rằng Wilson là một người bất tài, chỉ được chức đại sứ nhờ có vợ là Valerie Plame làm điệp viên cao cấp cho cơ quan tình báo CIA. Việc tiết lộ danh tánh một điệp viên cao cấp của CIA là một sai phạm rất nghiêm trọng nên người ta tìm kiếm viên chức cao cấp nào đã tiết lộ và những ngờ vực dần dần dẫn tới Libby. Để tự vệ, Libby đã có những tuyên bố và khai báo mâu thuẫn, thí dụ như nói chi tiết đến tên ông Wilson lần đầu tiên vào tháng 9-2005, nghĩa là rất lâu sau vụ tiết lộ danh tánh Valerie Plame, do ký giả Tim Russert của đài NBC tiết lộ mặc dù ký giả này khai rằng chưa bao giờ nói về Wilson với Libby cả, trong khi đó một ký giả khác khai rằng đã nói chuyện với Libby về Wilson từ tháng 7. Libby bị truy tố về tội làm chứng dối và nói dối và có thể bị xử 30 năm tù nếu các tội trạng này được xác nhận.

Phụ tá số 1 của tổng thống Bush là Karl Rove cũng có nguy cơ bị truy tố về tội này. Bộ tham mưu của tổng thống Bush bị tấn công ngay chính cơ quan đầu não. Nói chung, vì quá tận tụy với nước Mỹ mà Libby, và có lẽ cả Karl Rove, sẽ bị luật pháp Mỹ trừng trị.

Còn tổng thống George W. Bush ? Ông thường hãnh diện nói rằng ông không thích đọc sách mà chỉ thích đọc nơi con người (*I don't read books, I read people*). Có lẽ ông sẽ tiếc vì không đọc sách. Nếu đọc sách chắc chắn ông sẽ thấy nhiều nhà tư tưởng nói rằng cứu cánh không biện minh cho phương tiện, và người ta không thể phục vụ một chính nghĩa, dù cao cả đến đâu, bằng những thủ đoạn ma giáo.

CHÍNH TRƯỞNG BA LAN bồng đưng trở nên phức tạp

Hai đảng Pháp Luật và Công Lý (PiS) và Cương Lĩnh Công Dân (PO) đã thỏa thuận trước ngày bầu cử quốc hội 25-9-2005 là sẽ liên kết với nhau trong một chính phủ đoàn kết quốc gia. Họ đã thắng lợi : PiS về nhất, PO về nhì và có đủ đa số áp đảo trong quốc hội để lên cầm quyền.

Trong cuộc bầu cử tổng thống sau đó, Lech Kaczynski lãnh tụ PiS thắng lãnh tụ Donald Tusk của PO trong vòng chung kết. Thắng lợi của Kaczynski là một bất ngờ giờ chót bởi vì tới sát ngày bầu cử các cuộc thăm dò dư luận vẫn cho Tusk dẫn đầu. Càng bất ngờ vì Kaczynski thắng Tusk tới hơn 10 điểm. Người ta giải thích thắng lợi này bằng sự lo sợ phút chót của cử tri Ba Lan trước một Donald Tusk quan tâm tới các xí nghiệp hơn là đến dân nghèo. Sự thắng lợi này khiến thế lực của PiS vượt trội hẳn so với PO và cảm thấy không cần PO nữa. Trong cuộc bầu cử chủ tịch quốc hội, các dân biểu PiS thay vì dồn phiếu cho ứng cử viên của PO như dự định đã bỏ phiếu cho một ứng cử viên cực hữu Công giáo Marek Jurek khiến ông này đắc cử. Thỏa ước giữa PiS và PO tan vỡ. Các dân biểu PiS trong cơn say men chiến thắng có lẽ đã làm một sai lầm lớn. Báo chí Ba Lan nói chung, trước đây ủng hộ PiS, đã nhận định thái độ của PiS như một sự bội ước.

Thiếu sự ủng hộ của PO, PiS đã không đủ đa số để thành lập các tiểu ban trong quốc hội. Giờ này không những quốc hội mới của Ba Lan chưa bầu xong các tiểu ban mà còn chưa đạt tới đồng thuận là quốc hội sẽ có những tiểu ban nào.

Dân chúng Ba Lan đã bỏ phiếu sa thải cánh tả, nhưng họ cũng không muốn Ba Lan quá lệch về cánh hữu. Nhất là Marek Jurek bảo thủ một cách quá đáng, lập trường về Công giáo của ông còn Công giáo hơn cả giáo hội Vatican, ông ta cũng ngờ vực luôn cả ích lợi của việc Ba Lan hội nhập vào Liên Hiệp Châu Âu.

PAKISTAN : động đất lớn tại Kashmir

Ngày 8-10-2005, một trận động đất cấp độ 7,6 richter trên dãy Himalaya (Hy Mã Lạp Sơn) đã làm rung chuyển cả vùng Kashmir thuộc Pakistan lẫn Ấn Độ, và một phần Afghanistan. Đây là trận động đất dữ dội nhất từ trước đến nay tại Pakistan làm trên 73.200 người bị thiệt mạng, gần 70.000 người khác bị thương và trên ba triệu người lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Lãnh thổ Kashmir Ấn Độ cũng có 1.300 người bị thiệt mạng và 6.600 người bị thương.

Nhiều quốc gia đã đáp lời kêu cứu của Islamabad, đặc biệt là Ấn Độ, quốc gia đang tranh chấp với Pakistan về lãnh thổ Kashmir từ 1947 đến nay. Nhưng công tác cứu trợ đã rất khó khăn vì hệ thống đường sá gần như đều bị phá hủy và khu vực này không có bãi đáp cho những phi cơ vận tải lớn. Lo âu chính của mọi người là làm sao giúp nạn nhân của trận động đất này qua được mùa đông nghiệt ngã đang tiến tới. Hơn một triệu người đang bị kẹt trên một số

vùng hẻo lánh vì con đường duy nhất còn sử dụng được đã bị tuyết phủ và mây mù cản trở sự tiếp tế bằng trực thăng. Trong những ngày sắp tới có thể sẽ có rất nhiều người bị thiệt mạng vì lạnh và đói khát.

Tuy vậy, khác với sự cứu trợ nạn nhân của sóng thần tsunami ngày 26-12-2004 tại Đông Nam Á, sự giúp đỡ nạn nhân động đất tại Pakistan đã rất hạn chế. Chỉ có những hứa hẹn giúp đỡ ở cấp quốc gia, tư nhân và các hội đoàn thiện nguyện quốc tế đã không mấy sốt sắng. Trong số 550 triệu USD mà Liên Hiệp Quốc cần để cứu trợ nạn nhân động đất, họ chỉ nhận được 135 triệu USD, đủ chi dùng cho bốn tuần. Sáu nước trong Liên Hiệp Châu Âu (Pháp, Bỉ, Áo, Hy Lạp, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha) không giúp gì cả, bốn quốc gia giàu có khác (Mỹ, Ý, Đức và Nhật) chỉ mới giao 1/5 số tiền đã hứa. Những quốc gia Hồi giáo gần như im lặng, chỉ Kuwait và các tiểu vương quốc Ả Rập trong vùng Vịnh chịu bỏ tiền ra giúp, trong khi Pakistan cần tới 5 tỷ USD để xây dựng lại những nơi bị đổ nát.

Tại sao có sự thờ ơ này ? Tại vì không ai muốn giúp vùng đất đang bị thành phần Hồi giáo toàn nguyên khống chế. Ấn Độ, quốc gia thù địch từ lâu đời của Pakistan trên vùng đất này, khi vừa chờ đợi tiếp tế đến cứu trợ nạn nhân động đất tại Kashmir đã quân Hồi giáo quá khích đánh bom vào thủ đô New Dehli để chống đối. Quân khủng bố Taliban cũng không ngần ngại bắn vào trực thăng vận tải của Mỹ khi chờ đợi cứu trợ đến những nạn nhân. Các tổ chức thiện nguyện quốc tế rất sợ đưa người đến đây cứu trợ vì sợ ám hại hay bị bắt cóc.

PHÁP : les gens d'en bas

Ai đã dùng cụm từ "những người phía dưới" để chỉ những người Pháp nghèo túng ? Một lãnh tụ cực hữu ? Một tài phiệt ? Không phải, đó là Pierre Mauroy, cựu tổng thư ký đảng Xã Hội Pháp và cựu thủ tướng, một chính trị gia có khả năng chính trị trung bình nhưng được đánh giá là một người lương thiện và thực thà. Ông dùng cụm từ "les gens d'en bas" để nói lên sự bất mãn của một phần quần chúng lao động khi họ bỏ phiếu cho các đảng cực đoan, tả cũng như hữu, thay vì cho các đảng phái truyền thống.

Từ ngày 27-10-2005, nước Pháp hỗn loạn vì sự nổi loạn của lớp thanh niên thuộc "những người phía dưới" này. Tất cả bắt đầu vì một tai nạn tại một thành phố nhỏ ở ngoại ô Paris : ba thanh niên gốc Ả Rập treo vào một trạm biến điện cao thế và bị điện giật. Hai người chết ngay, một bị thương nặng. Giả thuyết đầu tiên là các thanh niên này bị cảnh sát đuổi trong lúc phá phách như vẫn thường xảy ra tại các khu nghèo, nơi tập trung người gốc Ả Rập và da đen. Sau đó người ta được biết rằng các thanh niên này không bị cảnh sát đuổi mà tự ý rủ nhau treo vào không biết với mục đích gì. Hơn nữa cảnh sát đã từng thấy họ trong trạm biến thế, đã bắt họ về đồn kiểm tra lý lịch rồi sau đó thả về, họ đã trở lại trạm biến thế và bị nạn.

Ngay sau đó hàng loạt thanh niên gốc Ả Rập và da đen rủ nhau xuống đường, ném đá vào cảnh sát và đốt xe hơi.

Phong trào mau chóng tràn đến hơn 200 thành phố lớn nhỏ. Đến ngày thứ 10, chính trong nội thành Paris cũng có rối loạn, nhiều xe bị đốt. Sau hơn 10 ngày, số xe bị đốt lên tới 10.000. Nhiều công ty, xí nghiệp, trường học bị đốt. Hồn loạn vẫn còn đang tiếp tục.

Cuộc nổi loạn tại các khu nghèo này, đa số là người gốc Ả Rập và châu Phi da đen, có nguồn gốc từ sự trì trệ kinh tế kéo dài của Pháp từ 5 năm qua. Tỷ lệ thất nghiệp tại Pháp là 10%, nhưng ở giới trẻ tỷ lệ này lên tới 20%. Trong các khu nghèo, tỷ lệ thất nghiệp thường quá 30%.

Nước Pháp đang ở trong một vòng luẩn quẩn : chính sách dân chủ xã hội quá bệnh vực nhân công khiến các công ty không dám tuyển dụng vì lương cao và khó sa thải khi cần, nhưng nếu giảm bớt những gò bó cho giới chủ nhân, như chính phủ Pháp vừa làm, thì giới công nhân và nghiệp đoàn lại phản nộ. Mặt khác, các xí nghiệp ngày càng có khuynh hướng dời các nhà máy sang các nước đang mở mang để giảm chi phí tuyển dụng nhân công.

Pháp cần một cải tổ toàn bộ và sâu rộng, nhưng bế tắc là ở chỗ Pháp không có những chính đảng trách nhiệm và đứng đắn. Một biện pháp cải tổ dù đúng nhưng nếu gây bất mãn cũng sẽ bị đối lập khai thác để giành phiếu. Ngay vụ xuống đường làm loạn vô lý này cũng chỉ là dịp để đối lập cánh tả lên án chính phủ và đòi bộ trưởng nội vụ phải từ chức.

HỒ CẨM ĐÀO sang Việt Nam

Ông Hồ Cẩm Đào, tổng bí thư đảng cộng sản kiêm chủ tịch nhà nước Trung Quốc, đã viếng thăm Việt Nam trong ba ngày 31-10-, 1 và 2-11-2005. Ông Hồ Cẩm Đào đã gặp các ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư đảng cộng sản, Trần Đức Lương, chủ tịch nhà nước, Phan Văn Khải, thủ tướng, Nguyễn Văn An, chủ tịch quốc hội. Ông Hồ Cẩm Đào cũng đã đọc diễn văn trước quốc hội Việt Nam.

Theo thông cáo chung thì hai bên đã ca tụng lẫn nhau, đã thỏa thuận cấm xon móc biên giới đúng hạn kỳ và đẩy mạnh quan hệ thương mại, đưa kim ngạch thương mại song phương lên mức độ 10 tỷ USD vào năm 2010.

Không thấy thông cáo chung nói đến việc phía Việt Nam có đặt ra hay không vấn đề hải quân Trung Quốc liên tục khủng bố ngư dân Việt Nam trên biển (kể cả vụ giết 8 ngư phủ hồi đầu năm). Trong năm 2005 đã có gần 100 vụ khủng bố như vậy. Cũng không thấy đặt ra một vấn đề sinh tử đối với Việt Nam, đó là việc Trung Quốc tiếp tục xây nhiều đập trên thượng nguồn sông Hồng và sông Mekong làm cạn dần lượng nước của hai con sông này. Giới thạo tin trong nước cho biết các vấn đề này đã không hề được đặt ra. Ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam quá quý lụy với Đảng Cộng Sản Trung Quốc nên không dám đặt những vấn đề làm phiền lòng Hồ Cẩm Đào.

Phần lớn dư luận Việt Nam, nhất là giới trí thức, cho rằng mục đích chuyến viếng thăm của Hồ Cẩm Đào là để gợi ý và nếu cần áp đặt những người mà Trung Quốc muốn vào những vai trò lãnh đạo cao nhất của đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam.

VIỆT NAM

sẽ không vào WTO cuối năm nay

Hà Nội tuyên bố sẽ không tiếp tục các cuộc đàm phán với Mỹ về việc gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) vì không đạt tới thỏa hiệp. Như sau mọi cuộc thương thuyết thất bại, hai bên đổ lỗi cho nhau.

Hà Nội cần sự đồng ý của Mỹ để gia nhập WTO vì định chế này lấy quyết định theo nguyên tắc đồng thanh, nghĩa là chỉ cần một thành viên, thí dụ như một nước Luxembourg nhỏ xíu không đồng ý thì quốc gia thành viên mới sẽ không được chấp nhận. Trên thực tế chỉ có Hoa Kỳ đặt điều kiện cho các thành viên mới, các nước khác hầu như không bao giờ phản đối việc chấp nhận một thành viên mới để tránh mọi xích mích gây thiệt hại cho quan hệ giữa hai nước sau này ; khi cần đặt điều kiện cho một nước xin gia nhập, họ thường gợi ý với Hoa Kỳ và sau đó đứng sau lưng Hoa Kỳ.

WTO là định chế của các nước chấp nhận những qui luật về thương mại và quan thuế chung. Các tài liệu này cộng lại dày hơn 30.000 trang nên ít ai có thể nắm vững hết được. Điều có lẽ đã gây lo âu cho Hà Nội đến độ phải rút lại đơn xin cứu xét năm nay là mọi thành viên cam kết tôn trọng chức năng hòa giải và phán quyết các bất đồng giữa các thành viên. Sự kiện này tuy bề ngoài có vẻ là thuần túy thương mại nhưng rất có thể có hậu quả chính trị, thí dụ như Việt Nam có thể bị Hoa Kỳ hay bất cứ nước nào kiện vì ngăn cản sự tự do lưu thông của sách báo, mà WTO coi như một mặt hàng trong khi Hà Nội nhìn như một dụng cụ tuyên truyền. Mặt khác, các thế lực tư sản ở Việt Nam cũng chống việc gia nhập WTO vì vừa không muốn mất những độc quyền vừa không chấp nhận làm ăn lương thiện và minh bạch.

Hội nghị bộ trưởng WTO họp hai năm một lần để kết nạp các thành viên mới. Như vậy Việt Nam chỉ có thể gia nhập WTO sớm nhất là tháng 12-2007, nếu được chấp nhận.

QUẢNG TRỊ thiệt hại nặng vì bão

Đầu tháng 10-2005, một cơn lũ lớn chưa từng thấy phá hủy hơn 40.000 hecta lúa, gây thiệt hại nặng cho 100.000 gia đình tại Quảng Trị. Hai tuần sau đến lượt cơn bão số 8 gây thiệt hại nặng cho hơn 60.000 gia đình khác. Số người thiệt mạng chưa được công bố nhưng được ước lượng là cao. Chính quyền Quảng Trị cho biết có hơn 36.000 người bị đói vì không còn gì để ăn.

Quảng Trị là một trong những tỉnh nghèo nhất Việt Nam. Thu nhập bình quân đầu người vào khoảng 1/3 trung bình quốc gia. Đã thế, tỉnh này còn bị thiên tai hành hạ. Đầu năm 2005 Quảng Trị bị hạn hán lớn, mùa màng gần như bị phá hủy hết.

Một trong những điều mà cộng đồng người Việt hải ngoại có thể làm là lập một quỹ yểm trợ đồng bào ba tỉnh thiếu may mắn nhất tại Việt Nam : Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị.

Ám sát

Vừa rồi hải ngoại có tin ông Võ Văn Kiệt bị ám sát. Tin này do những nhà trí thức cỡ lớn đưa ra cho nên có trọng lượng và gây hoang mang. Cách tốt nhất là hỏi chính người bị ám sát. Tôi gọi điện thoại cho ông Kiệt.

- Allô, anh Sáu, Đây đây, anh khỏe không ? Nghe nói anh mới bị ám sát ở một sân golf, hung thủ là một người lượm banh, dùng dao đâm anh. Anh bị thương nặng phải chở vào bệnh viện Nguyễn Oanh cấp cứu, phòng số 2751, bác sĩ săn sóc anh là một người Pháp tên Jacques Frank.

- Đó là vọc-xông đầu tiên. Vọc-xông thứ hai là tôi bị bắn tại nhà và chỉ bị thương nhẹ ở vai. Theo cậu thì vọc-xông nào đúng ?

- Vọc-xông thứ nhất vô lý. Có ai dùng dao để đâm ở sân golf bao giờ. Những người lượm banh đeo cả chục cây club bằng sắt trên lưng, nếu muốn ám sát anh họ chỉ cần cầm một cây club phang anh một cái là anh tiêu đời. Đây là chuyện tưởng tượng của những người không chơi golf. Chỉ còn lại vọc-xông thứ hai là anh bị bắn tại nhà.

- Thế theo cậu thì ai bắn mình ?

- Có thể là cô Cẩm. Anh lãng nhăng trai gái gì đó, cô ấy ghen.

- Cô Cẩm đi vắng mấy hôm nay, lúc này cô ấy làm áp phe mạnh lắm. Khi nào cô ấy về mình sẽ hỏi xem sao, nhưng chắc là không đúng. Mình bây giờ già rồi, hết xí oách rồi, còn gì nữa mà lãng nhăng. Thế cậu không nghe câu nói dân gian chế diễu mình à ? Nó nói : "*Cái cô Cẩm cần cù Kiệt có có, cái cụ Kiệt có cô Cẩm có có cần*". Mình không phục vụ nổi một mình cô Cẩm còn sức đâu mà tán tỉnh các bà khác để cô ấy ghen ?

- Hay là chính anh nổi cơn ghen bắn cô Cẩm vì bị cô ấy cho mọc sừng ?

- Chắc là không phải như vậy, sừng thì cô ấy cấm cho mình khá nhiều rồi, nếu bắn thì bắn lâu rồi. Vả lại theo các nguồn tin thì chính mình chứ không phải cô Cẩm bị ám sát.

- À đúng rồi. Như vậy anh Sáu thử nghĩ xem hung thủ có hành động vì thù oán tiền bạc không ? Anh hay bao che cho vợ con làm ăn chộp giựt, chơi gác người ta. Bà Cẩm, thằng Dũng, thằng Tuấn, con Lan Anh ỷ thế lực anh gây nhiều thù oán lắm đó. À, anh Sáu, thế khu giải trí và sân vận động của con Lan Anh bây giờ theo anh trị giá mấy trăm triệu đô ?

- Làm gì, dư luận chỉ hay thổi phồng, trăm triệu đô là nhiều. Nhưng trở lại nguồn tin tôi bị ám sát. Tại sao cậu không nghĩ rằng chính các thế lực thủ cựu tá khuynh trong đảng đã ám sát tôi ? Lê Đức Anh nham hiểm và hung bạo lắm. Trong đầu hắn luôn luôn có ám ảnh về mưu sát

- Lê Đức Anh có thích ám sát đi nữa thì cũng không

MỤC LỤC

1. Nguy cơ tụt hậu ngày càng lớn *Thông Luận*
2. Những vấn đề xã hội lớn tại Trung Quốc *Nguyễn Minh*
3. T+HDCDN trong bối cảnh mới *Nguyễn Gia Kiểng*
7. Thỏa thuận bỏ túc hiệp ước biên giới... *Nguyễn Văn Huy*
11. Đôi nét so sánh sự kiện thống nhất... *Bùi Tín*
13. 172.008 nạn nhân trong CCRĐ *Võ Xuân Minh*
14. Bút phá mạnh về tư duy *Nguyễn Minh Cần*
17. Mao đã từng là ông thánh của chúng tôi *Jung Chang*
20. Vụ scandal giữa lòng Hà Nội *Võ Quế Dương*
23. Xứ Hoa, người Hoa - xứ Khmer, người Khmer *Lê Văn Hảo*
27. Nghệ thuật điêu khắc Champa *Nguyễn Dominique*
28. Một sự kiện đầy ý nghĩa *Nghiêm Văn Thạch*
27. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Ám sát *Đầy*

ám sát anh. Anh khôn bỏ mẹ đi. Anh có đòi dân chủ, đa nguyên đã đảng đâu, có tổ giác đích danh Lê Đức Anh, Đỗ Mười và Tổng Cục 2 đâu. Nhưng câu hỏi căn bản là anh có bị ám sát và bị thương thực như tin đồn không ?

- Cái này thì mình không thể trả lời một cách xác quyết. Nhiều tin đồn mâu thuẫn quá thành ra mình cũng không biết có bị ám sát hay không vì không nhìn rõ động cơ, thủ phạm và bối cảnh phạm tội. Điều chắc chắn là mình có bị thương, và bị thương khá nặng. Sau vụ này có đứa nói là mình chẳng có ý kiến mạnh bạo nào cả, còn kém cả mấy thằng con nít Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn. Có đứa bảo mình đốt làm sao viết nổi những bài ký tên Võ Văn Kiệt. Một số lại còn khai những chuyện vợ con, cá nhân để tố cáo mình là tham nhũng. Thương tổn nặng.

Cả hai chúng tôi đều phân vân, sau cùng chúng tôi đi đến kết luận là ông Kiệt bị cựu tổng bí thư Đỗ Mười đâm trong lúc lên cơn điên. Giả thuyết này có thể đúng, Đỗ Mười đã từng bị điều trị nhiều lần về bệnh tâm thần. Nhưng ông Kiệt lại đối ý. Ông nói :

- Không được, Đỗ Mười hay cầm dao thực nhưng hấn không đâm mà thêu, hấn không giết mà thiến. Cái trò thiến này thì bất lịch sự quá, mình không nhất trí.

Bí ẩn vẫn còn nguyên vẹn.